

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM  
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Mã số: T2019-04-50**

**Chủ nhiệm đề tài: TS. Trương Thị Thu Hiền  
Đơn vị chủ trì: Khoa Lý luận chính trị- Trường Đại học Kinh tế**

**Đà Nẵng, tháng 12 năm 2019**

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM  
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Mã số: T2019-04-50**

**Xác nhận của Trường**

**Chủ nhiệm đề tài**

**TS. Trương Thị Thu Hiền**

**Đà Nẵng, tháng 12 năm 2019**

# DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI VÀ ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

## I. Danh sách thành viên tham gia nghiên cứu đề tài

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung công việc tham gia
1	Trương Thị Thu Hiền	Khoa Lý luận chính trị	Chủ nhiệm đề tài
2	Trần Khánh Linh	Khoa Kinh tế	Thư ký đề tài

## II. Đơn vị phối hợp chính: Không.

# MỤC LỤC

Trang

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT	
DANH MỤC BẢNG BIỂU	
DANH MỤC PHỤ LỤC	
MỞ ĐẦU .....	1
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	
CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM .....	17
1.1 An toàn thực phẩm .....	17
1.2 Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm .....	21
1.3 Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.....	34
1.4 Kinh nghiệm thực tiễn về đảm bảo an toàn thực phẩm và bài học rút ra .....	40
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG .....	45
2.1. Khái quát chung về thành phố Đà Nẵng .....	45
2.2 Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	
tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018 .....	47
2.3 Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	
tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018 .....	72
Chương 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN	
THỰC PHẨM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG .....	90
3.1 Bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn	
thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng .....	90
3.2 Quan điểm đảm bảo an toàn thực phẩm ở Việt Nam	
và thành phố Đà Nẵng.....	91
3.3 Giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	
tại thành phố Đà Nẵng .....	95
3.4 Kiến nghị .....	105
KẾT LUẬN .....	109
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
CÁC PHỤ LỤC	

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Số hiệu	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1	Kết quả ban hành và chỉ đạo ban hành văn bản quản lý về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng	74
Bảng 2.2	Tình hình ngộ độc thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011- 2018	76
Bảng 2.3	Kết quả khảo sát về mức độ quan tâm của người dân Đà Nẵng về vấn đề an toàn thực phẩm (câu hỏi Q6)	81
Bảng 2.4	Kết quả khảo sát về mức độ tin tưởng của người dân Đà Nẵng về tính an toàn của các loại thực phẩm mà họ dùng hàng ngày (câu hỏi Q7)	81
Bảng 2.5	Kết quả khảo sát về nguyên nhân mất an toàn thực phẩm tại Đà Nẵng do cán bộ, công chức nhũng nhiễu, tư lợi trong thực thi công vụ	82
Bảng 2.6	Kết quả khảo sát về nguyên nhân mất an toàn thực phẩm tại Đà Nẵng do công tác tuyên truyền chưa hiệu quả	83
Bảng 2.7	Thống kê số lượng cơ sở vi phạm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018	86
Bảng 2.8	Kết quả xử lý vi phạm an toàn thực phẩm trên địa bàn Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018	86
Biểu đồ 2.1	Kết quả khảo sát về việc có hay không việc mua thực phẩm ở các địa điểm thuận tiện như chợ tạm, vỉa hè, đường phố (câu hỏi Q8)	81
Sơ đồ 3.1	Ba chủ thể trong thực hiện mục tiêu đảm bảo thành phố 4 an	96
Sơ đồ 3.2	Mô tả chủ trương xử lý thực phẩm không đáp ứng tiêu chuẩn “sạch”, “an toàn” của chính quyền thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay	98
Sơ đồ 3.3	Các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện công tác tuyên truyền về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng	100

## DANH MỤC PHỤ LỤC

<b>Ký hiệu</b>	<b>Tên phụ lục</b>
Phụ lục 1	Thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng
Phụ lục 2	Danh mục văn bản quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm được các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng ban hành giai đoạn 2011-2018
Phụ lục 3	Kết quả giám sát ô nhiễm thực phẩm năm 2018
Phụ lục 4	Kết quả hoạt động quản lý an toàn thực phẩm các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2018
Phụ lục 5	Phiếu khảo sát (Dành cho người dân đang sinh sống, học tập, làm việc tại thành phố Đà Nẵng)
Phụ lục 6	Phân tích sơ bộ kết quả khảo sát người dân đang sinh sống, học tập, làm việc tại thành phố Đà Nẵng.

## DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	NGUYÊN NGHĨA
ATTP	An toàn thực phẩm
BVTV	Bảo vệ thực vật
MTV	Một thành viên
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
QLNN	Quản lý nhà nước
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TTHC	Thủ tục hành chính
TW	Trung ương
VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
UBND	Ủy ban nhân dân

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**1. Thông tin chung:**

- Tên đề tài: Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng.
- Mã số: T2019-04-50.
- Chủ nhiệm đề tài: TS. Trương Thị Thu Hiền.
- Tổ chức chủ trì: Khoa Lý luận chính trị- Trường Đại học Kinh tế.
- Thời gian thực hiện: 12 tháng (từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019).

**2. Mục tiêu:** Nghiên cứu và hệ thống hóa cơ sở khoa học quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng thời gian qua và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác này trong thời gian đến ở ba nội dung: (1) Công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; (2) Công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm và (3) Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

**3. Tính mới và sáng tạo:** Đề tài bổ sung và làm giàu thêm các nghiên cứu đã có về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm bằng việc kế thừa và phát triển một số vấn đề lý luận quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; phân tích, đánh giá một cách toàn diện, làm sâu sắc thêm thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng; trên cơ sở đó, đề xuất một hệ thống các giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm gắn với đặc điểm, tình hình của thành phố Đà Nẵng.

**4. Kết quả nghiên cứu:** *Thứ nhất*, kế thừa và phát triển lý luận QLNN về ATTP ở ba nội dung chính: (1) Khái niệm; (2) Những nội dung cơ bản và (3) Các tiêu chí đánh giá. *Thứ hai*, phân tích, đánh giá một cách toàn diện, làm sâu sắc thêm thực trạng QLNN về ATTP tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018 tập trung vào 3 nội dung chính (Công tác chỉ đạo, điều hành; công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật và công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm) với 8 thành công và 6 bất cập. *Thứ ba*, đề xuất một hệ thống gồm 3 giải pháp chính gắn với 3 nội dung QLNN về ATTP đã phân tích ở phần thực trạng và một số giải pháp, kiến nghị khác.

**5. Sản phẩm:**

- + Sản phẩm khoa học là 3 bài báo khoa học được đăng trên: Tạp chí Khoa học và Công nghệ (2 bài) và Tạp chí Quản lý nhà nước (1 bài)
- + Sản phẩm ứng dụng là 2 báo cáo khoa học: *Báo cáo 1 về Thực trạng QLNN về ATTP tại thành phố Đà Nẵng* và *Báo cáo 2 về Giải pháp QLNN về ATTP tại thành phố Đà Nẵng*.

**6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:** Kết quả nghiên cứu được chuyển giao làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập cho sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Địa chỉ ứng dụng tại Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng.

Ngày tháng 12 năm 2019  
Đơn vị chủ trì

Ngày tháng 12 năm 2019  
Chủ nhiệm đề tài

PGS.TS. Lê Hữu Ái

TS. Trương Thị Thu Hiền



## INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

### 1. General information:

- Project title: State management of food safety in Da Nang city.
- Code number: T2019-04-50.
- Coordinator: PhD. Truong Thi Thu Hien.
- Implementing institution: Faculty of Political Theory.
- Duration: 12 months (from January 2019 to December 2019).

**2. Objectives:** Research and systematize the scientific basis on state management of food safety; analyze and assess the state on state management of food safety in Da Nang city in the past time and propose solutions to improve this work in the coming time in three contents: (1) Direction and administration in the implementation of legal policies on food safety; (2) Information, education, dissemination of legal policies on food safety and (3) Inspection, inspection, control and handling of violations of legal policies on food safety.

**3. Creativeness and Innovativeness:** This study complements and enriches existing studies on state management of food safety by inheriting and developing some theoretical issues on state management of food safety; analyze and assess comprehensively, deepen the state management state on food safety in Da Nang city; on that basis, propose a system of state management solutions on food safety associated with the characteristics and situation of Da Nang city.

**4. Research results:** *Firstly*, inheriting and developing the state management theory on food safety in three main contents: (1) Concept; (2) Basic contents and (3) Evaluation criteria. *Secondly*, analyzing and evaluating comprehensively, deepening the state on state management of food safety in Da Nang city in the period of 2011-2018 focusing on 3 main contents (Direction and administration; information, education and communication, legal policy dissemination and inspection, control and handling of violations) with 8 successes and 6 shortcomings. *Thirdly*, propose a system of 3 solutions, some other support solutions and recommendations associated with the characteristics and situation of Da Nang city.

### 5. Products:

- + Scientific products are 3 articles published on: Journal of Science and Technology (2 articles) and State Management Review (1 article).
- + Applied products are 2 scientific reports: Report 1 on: “The state on state management of food safety in Da Nang city” and Report 2 on: “The solutions on state management of food safety in Da Nang city”.

**6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:** Research results are transferred as reference materials, research and learning materials for students majoring in state management. The address of the application is at the Faculty of Political Science, University of Economics - The University of Danang.

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực phẩm là nguồn cung cấp dinh dưỡng cần thiết hàng ngày cho sự phát triển của cơ thể. Con người cần thực phẩm để duy trì sự sống. Tuy nhiên, thực phẩm là mối rủi ro rất lớn cho sức khỏe của con người một khi nó không đảm bảo chất lượng, nguồn gốc, vệ sinh trong quá trình sản xuất và chế biến. Chất lượng, nguồn gốc, vệ sinh thực phẩm không chỉ ảnh hưởng trực tiếp, thường xuyên đến sức khỏe của mỗi cá nhân mà còn ảnh hưởng mật thiết đến năng suất, hiệu quả phát triển kinh tế, xã hội của một quốc gia. Trong cuộc sống hiện đại, khi mà nhu cầu được tiếp cận với thực phẩm an toàn đang trở thành quyền cơ bản đối với mỗi người, đòi hỏi vai trò của nhà nước trong đảm bảo an toàn thực phẩm ngày càng cao. Để khẳng định vai trò đó, nhà nước phải không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Ở Việt Nam, “An toàn thực phẩm có tầm quan trọng sống còn đối với sức khỏe, hạnh phúc của từng người dân, giống nòi dân tộc và sự phát triển đất nước ta; trở thành thách thức an ninh phi truyền thống. Bảo đảm an toàn thực phẩm là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, vừa cấp bách, vừa lâu dài; là chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm ở các cấp. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn; đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các phương tiện truyền thông để bảo đảm an toàn thực phẩm ở tất cả các khâu từ sản xuất, kinh doanh, chế biến đến tiêu dùng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền từ Trung ương đến cơ sở phải kiên trì, kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; toàn hệ thống chính trị và toàn dân cần chủ động, sáng tạo, tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ này” (Trích Kết luận số 11- KL/TW ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư Khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới).

Giai đoạn 2011-2018, sau hơn 7 năm thực hiện Chỉ thị số 08 ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới và 3 năm thực hiện

*Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm*, công tác quản lý nhà nước và bảo đảm an toàn thực phẩm có nhiều chuyển biến quan trọng: đã hình thành các mô hình sản xuất, chế biến thực phẩm an toàn; đã có một số doanh nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; nhiều hàng hóa thực phẩm sản xuất trong nước đạt chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm; nhận thức của toàn xã hội về an toàn thực phẩm được nâng lên... Tuy nhiên, công tác đảm bảo an toàn thực phẩm vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, gây bức xúc, lo lắng cho xã hội; là nguy cơ nghiêm trọng ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, an toàn sinh mạng của người dân và sự phát triển bền vững đất nước. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này thì có nhiều nhưng chủ yếu là do công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm còn chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Tại thành phố Đà Nẵng, đảm bảo an toàn thực phẩm là một trong bốn vấn đề xã hội trọng tâm mà Chính quyền thành phố ưu tiên tập trung giải quyết trong giai đoạn 2016-2020, được cụ thể hóa bằng Quyết định số 2526/QĐ/TU ngày 30/11/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về ban hành Đề án thực hiện Chương trình “Thành phố 4 an” trên địa bàn Đà Nẵng đến năm 2020. Chương trình này hướng đến mục tiêu chung là: “Cân đối các nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, xây dựng thành phố Đà Nẵng giàu đẹp, an bình, văn minh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác phòng ngừa và đấu tranh đẩy lùi tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiếp tục nâng cao chất lượng an sinh xã hội” [19].

Từ năm 2017 đến nay, công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn Đà Nẵng đã có nhiều đổi mới, nhất là việc thí điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng theo Quyết định số 1268/QĐ-TTg ngày 25/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ bắt đầu có hiệu lực thi hành. Theo đó, Đà Nẵng trở thành địa phương thứ hai (sau thành phố Hồ Chí Minh) thực hiện thí điểm đưa công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm về chung một đầu mối thay vì ba đơn vị quản lý như trước đây. Cùng với đó, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ngày càng được nâng cao (công tác chỉ đạo điều hành quyết liệt, công tác tổ chức thực hiện giảm chồng chéo, công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, số vụ ngộ độc thực phẩm giảm đi, ...).

Mặc dù vậy, là thị trường tiêu thụ thực phẩm hàng đầu khu vực miền Trung, nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng vẫn còn rất lớn: tình trạng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn diễn ra (trong 6 tháng đầu năm 2018, thành phố đã phát hiện 26 cơ sở vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm, xử phạt hơn 80 triệu đồng; cấp quận, huyện đã phát hiện 59 cơ sở vi phạm với số tiền phạt hơn 115 triệu đồng; phát hiện tàu cá chở phân u rê ra biển để bảo quản thủy sản khai thác, ...); nhiều trường hợp nông sản không đảm bảo được tiêu thụ tại thị trường Đà Nẵng (14/17 mẫu được lấy nhiễm aflatoxin và nhiễm nấm men, nấm mốc, trong đó có 4 mẫu nhiễm aflatoxin - một độc tố gây ung thư gan; phát hiện 3 mẫu trái cây có tồn dư thuốc bảo vệ thực vật vượt mức cho phép, 5 mẫu thủy sản tồn dư kim loại nặng (thủy ngân - Hg) vượt mức giới hạn cho phép, ...); tình trạng các cơ sở sản xuất thực phẩm hoạt động mà không được cấp phép, không bảo quản thực phẩm sống, chín một cách riêng biệt dẫn đến ô nhiễm chéo, không khám sức khỏe định kỳ cho người trực tiếp thực hiện việc chế biến thực phẩm (sử dụng giấy khám sức khỏe hết hạn sử dụng), ...”

Thực trạng này đòi hỏi công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng phải được tăng cường hơn nữa trong thời gian đến. Đây là vấn đề hệ trọng, liên quan đến an toàn cuộc sống của tất cả người dân thành phố; đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, xây dựng thương hiệu thành phố đáng sống, an toàn đối với du khách và các nhà đầu tư.

Từ những lý do trên đây, tác giả chọn đề tài: “*Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng*” là cần thiết, có ý nghĩa nhất định về mặt lý luận và thực tiễn.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Nghiên cứu và hệ thống hóa cơ sở khoa học của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; trên cơ sở đó, phân tích, đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến ở ba nội dung: (1) Công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; (2) Công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm và (3) Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Về lý luận: Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Về thực tiễn: Đối tượng nghiên cứu của đề tài là kinh nghiệm đảm bảo an toàn thực phẩm của một số địa phương cấp tỉnh của Việt Nam và thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng ở ba nội dung: (1) Công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; (2) Công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm và (3) Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về thời gian nghiên cứu: Đề tài giới hạn nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ năm 2011-thời điểm Luật An toàn thực phẩm có hiệu lực thi hành- đến nay và đề xuất các giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng tầm nhìn đến 2030- thời điểm thành phố Đà Nẵng thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 55 năm ngày thống nhất đất nước và 45 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước.

- Về không gian nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng. Đối với các nghiên cứu tình huống về kinh nghiệm của một số địa phương, đề tài giới hạn nghiên cứu kinh nghiệm của 3 địa phương là những thành phố lớn, có sức ép về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm lớn, tương đồng với điều kiện của Đà Nẵng (gồm Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ).

- Về nội dung nghiên cứu: Do thời gian nghiên cứu không nhiều, đề tài không đi sâu nghiên cứu tất cả các nội dung cơ bản quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Căn cứ vào tình hình thực tế của thành phố Đà Nẵng, nhóm nghiên cứu giới hạn việc phân tích thực trạng và giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng ở ba nội dung cơ bản nhất, cũng là ba vấn đề lớn của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại Đà Nẵng, đó là: (1) Công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; (2) Công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn

thực phẩm và (3) Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

#### **4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu**

##### **4.1. Cách tiếp cận**

Đề tài được tiếp cận dưới góc độ quản lý công.

##### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài vận dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu sau đây:

###### **a) Các phương pháp nghiên cứu định tính, gồm:**

- Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh: Đề tài sử dụng phương pháp này để tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu đã có liên quan đến đề tài, từ đó so sánh, chọn lọc những công trình có gắn bó mật thiết với đề tài để đưa vào phần tổng quan nghiên cứu. Tác giả cũng sử dụng phương pháp này để hệ thống lại các nghiên cứu đã có liên quan đến cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, từ đó, có sự kế thừa, phát triển hơn so với các nghiên cứu đã có (chương 1).

- Phương pháp nghiên cứu tình huống: Lựa chọn, phân tích quy định quản lý về an toàn thực phẩm ở một số địa phương cấp tỉnh của Việt Nam, từ đó, làm sâu sắc thêm kinh nghiệm của các địa phương và có thể rút ra kinh nghiệm trong quản lý an toàn thực phẩm cho thành phố Đà Nẵng (chương 1).

- Phương pháp tiếp cận hệ thống: Đề tài xem quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm là một hệ thống lớn trong đó có các hệ thống con, đó là các yếu tố cấu thành nên nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Để hoàn thiện hệ thống lớn, việc hoàn thiện từng hệ thống con là hết sức cần thiết. Đề tài sử dụng phương pháp này trong phân tích, đánh giá thực trạng (chương 2) và đưa ra những giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng (chương 3).

###### **b) Các phương pháp nghiên cứu định lượng, gồm:**

- Phương pháp khảo sát trực tuyến: tiến hành khảo sát ý kiến của 400 người dân đang sinh sống, học tập, làm việc tại Đà Nẵng (phụ lục 5) về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm tại Đà Nẵng. Tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phi xác suất và kích thước mẫu được tính toán theo công thức Slovin  $n = N/(1+N.\varepsilon^2)$  (Trong đó: N: dân số thành phố Đà Nẵng tại thời điểm khảo sát

(1.064.070 người năm 2017- nguồn <https://danang.gov.vn/>) và  $\varepsilon$ : sai số cho phép (5%). Đề tài sử dụng phương pháp này để làm cơ sở bổ sung, củng cố cho các nhận định, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (chương 2) và đề xuất các giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng (chương 3).

- Phương pháp phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS: sử dụng phương pháp này để phân tích một số nội dung chuyên sâu (đa biến, liên kết chéo) đối với số liệu thu thập được từ kết quả khảo sát trực tuyến để làm minh chứng cho các đánh giá cần gắn nội dung khảo sát với đối tượng khảo sát (chương 2).

## **5. Các nghiên cứu đã có liên quan đến đề tài**

### **5.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

Cho đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, dưới nhiều góc độ khác nhau: xã hội học, luật học, kinh tế học, quản lý học, y học, khoa học sức khỏe, quốc phòng- an ninh... Nhìn chung, các công trình mà tác giả tiếp cận được có liên quan mật thiết đến đề tài nghiên cứu được chia thành hai hướng nghiên cứu chính:

#### **Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện lý luận về an toàn thực phẩm, quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.**

Theo hướng nghiên cứu này có các tác giả: Nguyễn Đức Lượng, Phạm Minh Tâm (*chủ biên Giáo trình Vệ sinh và an toàn thực phẩm, 2005*); Lê Thị Hồng Ánh (*chủ biên Giáo trình Vệ sinh an toàn thực phẩm, 2017*); Lê Thị Minh Hằng và cộng sự (*chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố với tên gọi: “Phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho thành phố Đà Nẵng”, năm 2017*); Nguyễn Hữu Phúc (*tác giả luận án tiến sĩ về “Công tác kiểm tra trong lĩnh vực an toàn thực phẩm của lực lượng Cảnh sát môi trường tại các tỉnh biên giới phía Bắc”, 2018*); Bùi Thị Hồng Nương (*tác giả luận án tiến sĩ luật học với tên gọi: “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay”, 2019*).

Thông qua các công trình khoa học nói trên, các tác giả đã có đóng góp nhất định để bổ sung, hoàn thiện lý luận về an toàn thực phẩm và quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, cụ thể là: các khái niệm vệ sinh thực phẩm, an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm, chất độc, độc tính; ngộ độc thực phẩm do vi sinh vật; ngộ độc thực phẩm do nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm chứa độc tố; ngộ độc thực phẩm do

quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm; ngộ độc thực phẩm do các chất phụ gia thực phẩm; ngộ độc thực phẩm do phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật; các phương pháp kiểm nghiệm vi sinh vật thực phẩm; quản lý chất lượng trong xí nghiệp, công ty, doanh nghiệp (Nguyễn Đức Lượng, Phạm Minh Tâm, 2005); các khái niệm về thực phẩm, an toàn thực phẩm; tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm; những mối nguy trong sản xuất thực phẩm; điều kiện và biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm (Lê Thị Hồng Ánh, 2017); chuỗi thực phẩm, quản lý chuỗi thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phân tích chuỗi giá trị nông sản thực phẩm (Lê Thị Minh Hằng cùng cộng sự, 2017); những vấn đề lý luận về công tác kiểm tra trong lĩnh vực an toàn thực phẩm của lực lượng Cảnh sát môi trường (Nguyễn Hữu Phúc, 2018); khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (Bùi Thị Hồng Nhung, 2019).

## **Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu bổ sung, làm giàu thực tiễn quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.**

Theo hướng nghiên cứu này có các tác giả: Trần Mai Vân (tác giả luận văn thạc sĩ Luật học về “Thi hành pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm ở cấp phường trên địa bàn thành phố Hà Nội”, 2015), Lê Thị Linh (tác giả luận văn thạc sĩ Luật học về “Thực hiện pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội”, 2016), Nguyễn Tiến Dũng (tác giả luận văn thạc sĩ Luật học về “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”, 2018); Cao Thị Hoa (tác giả luận án tiến sĩ chuyên ngành Vệ sinh xã hội học và Tổ chức y tế về “Thực trạng và hiệu quả giải pháp can thiệp thực thi pháp luật an toàn thực phẩm của một số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại quận Hai Bà Trưng, Hà Nội”, 2015); Sigrid C.O. Wertheim-Heck (tác giả luận án tiến sĩ với đề tài “We have to eat, right? Food safety concerns and shopping for daily vegetables in modernizing Vietnam” (tạm dịch là: “Chúng ta phải ăn, đúng không? Những lo ngại về an toàn thực phẩm và mua sắm rau quả hàng ngày ở Việt Nam hiện nay”, 2015); Nguyễn Thị Thanh Thủy (tác giả luận án tiến sĩ về “Đur luận xã hội về an toàn thực phẩm hiện nay (nghiên cứu tại Hà Nội), 2017); Nguyễn Hữu Phúc (tác giả luận án tiến sĩ về “Công tác kiểm tra trong lĩnh vực an toàn thực phẩm của lực lượng Cảnh sát môi trường tại các tỉnh biên giới phía Bắc”, 2018);



Lý Kim Chi (tác giả báo cáo “An toàn vệ sinh thực phẩm- Một số khuyến cáo dành cho người tiêu dùng”, 2014); Thủy Anh (tác giả bài báo “Góp ý về chính sách, pháp luật an toàn thực phẩm”, 2015), Chu Thị Hoa (tác giả bài báo “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đang đi về đâu” , 2016); Đặng Công Hiến (tác giả hai bài báo “Một số đánh giá về pháp luật an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại của Việt Nam”, 2017 và “Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại ở Việt Nam”, 2017); Vũ Quỳnh (tác giả bài báo “Người dân mệt mỏi giữa vòng vây thực phẩm bẩn”, 2017); Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Đình Vinh, Nguyễn Trọng Lê Chi (tác giả bài báo “Thực trạng công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An”, 2017); Lê Thị Minh Hằng và cộng sự (chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học: “Phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho thành phố Đà Nẵng, 2017) và các tổ chức như Ngân hàng thế giới tại Việt Nam (tác giả Báo cáo “Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm ở Việt Nam - những thách thức và cơ hội”, 2017); Bùi Thị Hồng Nương (tác giả luận án tiến sĩ luật học với tên gọi: “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay”, 2019).

Một số các công trình nghiên cứu đã có đóng góp nhất định để bổ sung, hoàn thiện một số vấn đề về thực tiễn quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở một số địa phương của Việt Nam. Cụ thể: đã làm rõ đánh giá thực trạng thi hành pháp luật an toàn thực phẩm trên địa bàn cấp phường tại Hà Nội, từ đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm (Trần Mai Vân, 2015); thực trạng chung về việc thực hiện pháp luật an toàn thực phẩm trên địa bàn Hà Nội, từ đó đưa ra một số giải pháp hoàn thiện (Lê Thị Linh, 2015); mô tả thực trạng thực thi pháp luật an toàn thực phẩm của một số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, từ đó, đánh giá hiệu quả giải pháp can thiệp nâng cao việc thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm của một số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Cao Thị Hoa, 2016); phân tích dư luận xã hội về an toàn thực phẩm tại Hà Nội và các yếu tố tác động đến tình trạng đánh giá của người tiêu dùng về an toàn thực phẩm; phân tích dư luận xã hội và kiểm soát xã hội về an toàn thực phẩm tại Hà Nội; Phân tích mối quan hệ giữa truyền thông và dư luận xã hội về an toàn thực phẩm tại Hà Nội (Nguyễn Thị Thanh Thủy, 2017); thực trạng mất an toàn thực phẩm tại thành phố Hồ Chí Minh- địa

phương đầu tiên thí điểm tổ chức mô hình quản lý an toàn thực phẩm mới với việc thành lập Ban An toàn thực phẩm trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (*Vũ Quỳnh, 2017*); nghiên cứu phát triển một chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn bảo đảm chất lượng, sự ổn định và chi phí hợp lý cho thành phố Đà Nẵng thông qua việc phân tích thực trạng toàn bộ hoạt động sản xuất, phân phối thực phẩm tươi sống thuộc ba nhóm: rau, thịt, thủy sản tại Đà Nẵng; thực hiện phân tích chuỗi giá trị, mô tả được giá trị của từng chủ thể tham gia vào chuỗi và đóng góp về chi phí, lợi nhuận của mỗi mắt xích trong chuỗi; đề xuất được một số mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho thành phố; đề xuất tập hợp các giải pháp hình thành một hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm mang tính hệ thống (*Lê Thị Minh Hằng, 2017*); phân tích thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2016 và đề ra các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở tỉnh Nghệ An (*Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Đình Vinh, Nguyễn Trọng Lê Chi, 2017*); phân tích những mặt được, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại thành phố Hồ Chí Minh (*Nguyễn Tiến Dũng, 2018*); nghiên cứu những vấn đề nhận thức về lĩnh vực an toàn thực phẩm, nhận thức về vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; nghiên cứu thực trạng công tác kiểm tra trong lĩnh vực an toàn thực phẩm tại các tỉnh biên giới phía Bắc của lực lượng Cảnh sát môi trường; từ đó, đưa ra hệ thống các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra trong lĩnh vực an toàn thực phẩm của lực lượng Cảnh sát môi trường, đặc biệt là đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm tại các tỉnh biên giới phía Bắc (*Nguyễn Hữu Phúc, 2018*).

Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu đã góp phần bổ sung, hoàn thiện một số vấn đề về thực tiễn quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở Việt Nam, cụ thể: phân tích thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản ở Việt Nam ở các mặt: công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; công tác xây dựng và phát triển mô hình thực phẩm an toàn; công tác kiểm tra, kiểm soát và xử phạt vi phạm an toàn thực phẩm; phân tích một số kết quả đạt được và những khó khăn trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản (khó khăn trong việc triển khai thực hiện các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; khó khăn trong sản xuất rau quả, trong nuôi trồng

ché biến thủy hải sản và giết mổ gia súc, gia cầm; khó khăn trong quản lý an toàn thực phẩm đối với các mặt hàng bày bán trong siêu thị) và nêu lên trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và các khuyến cáo dành cho người tiêu dùng (Lý Kim Chi, 2014); phân tích cách mọi người dân Việt Nam trong cuộc sống hàng ngày đối mặt với những rủi ro an toàn thực phẩm (Sigrid C.O. Wertheim-Heck, 2015); một số nguy cơ, bất cập về an toàn thực phẩm điển hình như rượu pha chế từ cồn công nghiệp; sử dụng hoá chất, thuốc trừ sâu, chất bảo quản, chất kích thích sinh trưởng, làm chín quả; hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; tình trạng lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, ... (Thủy Anh, 2015); phân tích về bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở Việt Nam và trách nhiệm của từng cơ quan theo Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và đưa ra đánh giá về việc phân công trách nhiệm này (Chu Thị Hoa, 2016); phân tích thực trạng và đánh giá về pháp luật an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại của Việt Nam; đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại ở Việt Nam giai đoạn 2011-2016, nêu lên nguyên nhân của những tồn tại, bất cập trong thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại ở Việt Nam; đề ra một số giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả pháp luật về an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại ở Việt Nam (Đặng Công Hiến, 2017); mô tả thực trạng an toàn thực phẩm, các hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm tại Việt Nam; phân tích các nguy cơ mất an toàn thực phẩm đối với một số chuỗi giá trị thực phẩm chính dựa vào các thực hành tốt nhất trên thế giới về phương pháp đánh giá nguy cơ; đưa ra các khuyến nghị giúp Việt Nam cải thiện an toàn thực phẩm, trong đó tập trung vào chuỗi sản xuất thịt lợn cung cấp cho Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng thế giới tại Việt Nam, 2017).

Ngoài ra, còn có một số công trình ngoài nước đã nghiên cứu, bổ sung một số vấn đề của thực tiễn đảm bảo an toàn thực phẩm ở các nước, cụ thể như: nghiên cứu về đánh giá của người tiêu dùng về an toàn thực phẩm, nhấn mạnh đến thái độ của người tiêu dùng là rất đa dạng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm cả nhân khẩu học và tình trạng kinh tế xã hội (Wilcock, A; Pun, M; Khanona, 2004); nghiên cứu về đánh giá tiêu dùng phụ gia thực phẩm tại Hungary dựa trên thái độ của người tiêu dùng Hungary đối với phụ gia thực phẩm (Gabor Tar Navolgyi, 2009); nghiên cứu về nhận thức và đánh giá của người dân các Tiểu vương quốc Ả rập

Thông nhất về an toàn thực phẩm trong tiêu dùng (Safdar Muhammad, Sherin Sherif, và Mohamed Gheblawi, 2010); tổ chức lấy ý kiến của người dân về thói quen ăn ở ngoài; về sức khỏe và an toàn thực phẩm; về thực phẩm biến đổi gen; về hộ gia đình an ninh lương thực (Stewart Lockie và Juliet Pietsch, 2012); nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy định về thực phẩm tập trung vào nội dung kiểm soát các yếu tố gây nguy cơ ngộ độc thực phẩm trong các đơn vị xử lý thực phẩm; kiểm soát năm yếu tố nguy hiểm giúp ngăn chặn việc ngộ độc thực phẩm; các yếu tố gây nguy cơ ngộ độc huấn luyện người xử lý thực phẩm đảm bảo tuân thủ các thực hành về an toàn thực phẩm tại Southern Nevada, Mỹ (Phòng Y tế môi trường thuộc cơ quan Y tế Southern Nevada, 2018).

Trong đó, các tác giả đã đề xuất những giải pháp có giá trị giúp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của quốc gia, địa phương trong từng thời kỳ. Một số giải pháp được đề cập đến như: hoàn thiện pháp luật an toàn vệ sinh thực phẩm, xây dựng và nâng cao trình độ và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ công chức trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; giáo dục pháp luật an toàn vệ sinh thực phẩm; yêu cầu các tổ chức sản xuất- kinh doanh ký cam kết an toàn thực phẩm; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh, công bằng mọi hành vi vi phạm pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao vai trò của Hiệp hội Bảo vệ Người tiêu dùng trong việc thực thi pháp luật an toàn vệ sinh thực phẩm; đảm bảo, nâng cao cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ trong công tác thực hiện pháp luật an toàn vệ sinh thực phẩm (Lê Thị Linh, 2015); Quản lý thức ăn đường phố, Đề án mô hình dịch vụ ăn uống tại thành phố Hà Nội, Quản lý thực phẩm theo “Chuỗi thực phẩm an toàn”, Xây dựng Làng văn hóa sức khỏe, Giám sát an toàn thực phẩm dựa vào cộng đồng, Giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm dựa vào quần dân y kết hợp, Chợ an toàn vệ sinh thực phẩm, Cơ sở giết mổ gia súc gia cầm an toàn (Cao Thị Hoa, 2015); cần những nỗ lực tích hợp và thích ứng lẫn nhau của các cấu trúc hiện đại và truyền thống trong quá trình đưa ra các chính sách an toàn thực phẩm của nhà nước (Sigrid C.O. Wertheim-Heck, 2015); cần sửa đổi và bổ sung Luật, văn bản dưới Luật về an toàn thực phẩm, chiến lược an toàn thực phẩm, chính sách hỗ trợ; đầu tư cho khoa học công nghệ; Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn: GAP, GMP, ISO, HACCP; Kiểm tra, hậu kiểm, xử phạt vi phạm hành chính an toàn thực phẩm... đồng thời nâng cao vai trò của các hội và hiệp hội, Mặt trận và đoàn thể...

trong đảm bảo an toàn thực phẩm (*Thủy Anh, 2015*); Thực hiện đồng bộ 4 nhóm giải pháp tại Hà Nội: nhóm giải pháp liên quan đến dư luận xã hội của người sản xuất, cung cấp, kinh doanh thực phẩm; nhóm giải pháp liên quan đến người tiêu dùng thực phẩm; nhóm giải pháp liên quan đến cơ chế chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; nhóm giải pháp liên quan đến đội ngũ cán bộ thực thi công vụ về an toàn thực phẩm; nhóm giải pháp liên quan đến phương tiện truyền thông đại chúng (*Nguyễn Thị Thanh Thủy, 2017*); cần tập trung nhiều hơn vào yếu tố nguy cơ và kết quả triển khai trên thực tế. Không có một biện pháp đơn lẻ nào để giải quyết được mọi vấn đề an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, cần xây dựng một hệ thống kiểm soát dựa trên nguy cơ, áp dụng các nguyên lý đánh giá nguy cơ đã được Tổ chức Lương thực Thế giới và Tổ chức Y tế Thế giới xây dựng (*Ngân hàng thế giới tại Việt Nam, 2017*); Kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy quản lý an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại, Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý an toàn thực phẩm, Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm an toàn thực phẩm, Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về an toàn thực phẩm trong xã hội và các giải pháp về kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại (*Đặng Công Hiến, 2017*); thực hiện đồng bộ 3 nhóm giải pháp về thể chế, chính sách; tổ chức thực hiện và công tác tuyên truyền góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của tỉnh Nghệ An (*Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Đình Vinh, Nguyễn Trọng Lê Chi, 2017*); nên xem xét hình thành một cơ quan đầu mối để quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên tập trung nỗ lực vào công đoạn sản xuất nông nghiệp; Sở Công thương nên có giải pháp hình thành các điểm bán thực phẩm an toàn tại chợ truyền thống và quản lý các chủ thể tham gia vào việc phân phối thực phẩm tươi sống; Ủy ban nhân dân cấp quận và cấp phường trên địa bàn thành phố cần chủ động trong công tác quản lý về an toàn thực phẩm (*Lê Thị Minh Hằng và cộng sự, 2017*); Xây dựng chính sách, kế hoạch; Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các chính sách về sản xuất, kinh doanh thực phẩm ; Thông tin, báo cáo công tác an toàn thực phẩm; Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm; Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm; Giải pháp về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ; Xã hội hoá hoạt động quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (*Nguyễn Tiến Dũng, 2018*); thực hiện

đồng bộ 7 nhóm giải pháp: hoàn thiện pháp luật; tổ chức bộ máy, nhân lực, tài chính, thanh tra, kiểm tra; thông tin, giáo dục và truyền thông về an toàn thực phẩm; đẩy mạnh hội nhập và hợp tác khu vực; khai thác hiệu quả hỗ trợ quốc tế về đảm bảo an toàn thực phẩm; áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm; xã hội hóa lĩnh vực an toàn thực phẩm; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các cơ sở sản xuất kinh doanh và hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nâng cao trách nhiệm, năng lực chuyên môn (Bùi Thị Hồng Nhung, 2019).

## **5.2 Đánh giá tổng quan kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố và những giá trị có thể tiếp thu**

Qua nghiên cứu hệ thống các công trình nghiên cứu về an toàn thực phẩm, quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở Việt Nam và các nước trên thế giới, tác giả nhận thấy rằng an toàn thực phẩm là vấn đề rất được quan tâm ở hầu hết các quốc gia thể hiện các công trình nghiên cứu về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên các góc độ khác nhau. Các nghiên cứu này cho tác giả cái nhìn đa chiều về công tác quản lý an toàn thực phẩm dưới nhiều phương diện, cũng cho thấy mối quan tâm về an toàn thực phẩm của xã hội là không hề nhỏ.

Nhìn chung những công trình nghiên cứu về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm được phân thành 2 lĩnh vực chính: lý thuyết về an toàn thực phẩm, quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và thực tiễn quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Các công trình nghiên cứu đã nêu bật sự cần thiết phải tăng cường đảm bảo an toàn thực phẩm. Một số nghiên cứu đã phân tích hành vi của người tiêu dùng thực phẩm trong một khoảng thời gian và không gian nhất định, từ đó đề xuất giải pháp để đảm bảo an toàn thực phẩm. Một số nghiên cứu đã đưa ra những khuyến nghị về chính sách đảm bảo an toàn thực phẩm đối với một số quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc một địa phương. Những vấn đề được nêu trong các công trình hoàn toàn xuất phát từ thực tế khách quan và mang tính khoa học. Phần lớn các giải pháp được đề xuất trong các công trình này đã được Chính phủ các nước, trong đó có Việt Nam nghiên cứu áp dụng, tiếp thu, điều chỉnh trong quá trình xây dựng, hoạch định, điều chỉnh chính sách đảm bảo an toàn thực phẩm. Các công trình nêu trên là cơ sở quan trọng cho việc tổ chức nghiên cứu đề tài “*Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng*” trên cơ sở kế thừa những vấn đề lý luận cơ bản về

thực phẩm, an toàn thực phẩm, vai trò của an toàn thực phẩm, kinh nghiệm của một số địa phương trong đảm bảo an toàn thực phẩm...

### **5.3 Những vấn đề đặt ra chưa được nghiên cứu**

Bên cạnh những đóng góp trên, các công trình nghiên cứu kể trên còn một số nội dung chưa đề cập hoặc đề cập nhưng chưa sâu, cụ thể:

Về mặt lý luận: chưa nêu được khái niệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, những nội dung cơ bản quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và các tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm dưới góc độ khoa học quản lý công.

Về mặt thực tiễn, chưa phân tích toàn diện thực trạng an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018 và đưa ra các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm gắn với thực tiễn của thành phố Đà Nẵng hiện nay, khi mà Đà Nẵng đã và đang triển khai thí điểm việc thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Như vậy, bên cạnh những đóng góp to lớn của mình cho lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, hệ thống các công trình nói trên cũng cần phải được hoàn thiện thêm, làm giàu thêm.

### **5.4. Những vấn đề mà đề tài cần tập trung giải quyết**

Từ những vấn đề chưa được nghiên cứu như đã nêu, đề tài sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, hệ thống những nội dung cơ bản nhất của cơ sở khoa học về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, phát triển cơ sở lý luận về khái niệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, những nội dung cơ bản quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và các tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

*Thứ hai*, phân tích, đánh giá một cách toàn diện thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018. Trong đó, tác giả sử dụng phương pháp điều tra để thu thập ý kiến của 400 người dân đang sinh sống, học tập, làm việc tại thành phố Đà Nẵng về thực trạng đảm bảo an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng.

*Thứ ba*, phân tích và đưa ra một hệ thống các giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đồng bộ, rõ ràng, cụ thể, khả thi gắn với đặc điểm, tình hình của thành phố Đà Nẵng.

Đây là những đóng góp mới của đề tài nhằm làm giàu thêm, bổ sung thêm cho các kết quả nghiên cứu đã có trước đây về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

## **6. Những đóng góp chủ yếu của đề tài**

Qua nghiên cứu các công trình đã có ở trong và ngoài nước mà tác giả tiếp cận được, có thể thấy rằng, có rất nhiều công trình nghiên cứu về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở các giác độ khác nhau: Luật học, Y học, Khoa học sức khỏe, Thương mại, ... Các nghiên cứu này cho tác giả cái nhìn đa chiều về công tác quản lý an toàn thực phẩm dưới nhiều giác độ khác nhau. Cũng cho thấy mối quan tâm về an toàn thực phẩm của xã hội là không hề nhỏ. Tuy vậy, các công trình nghiên cứu kể trên chưa nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018. Định hướng nghiên cứu của đề tài là phát triển một số vấn đề lý luận về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, đánh giá thực trạng và đưa ra các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm gắn với thực tiễn của thành phố Đà Nẵng, dưới giác độ quản lý công.

Những đóng góp của đề tài bao gồm:

*Thứ nhất*, hệ thống những nội dung cơ bản nhất của cơ sở khoa học về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, kế thừa và phát triển lý luận quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở ba nội dung chính: (1) Khái niệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; (2) Những nội dung cơ bản quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và (3) Các tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

*Thứ hai*, phân tích, đánh giá một cách toàn diện, làm sâu sắc thêm thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018 ở ba nội dung quản lý nhà nước: (1) Công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; (2) Công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm và (3) Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.



*Thứ ba*, đề xuất một hệ thống các giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm gắn với đặc điểm, tình hình của thành phố Đà Nẵng gắn với ba nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đã phân tích ở phần thực trạng.

Đây là những đóng góp mới của đề tài nhằm làm giàu thêm, bổ sung thêm cho các kết quả nghiên cứu đã có trước đây về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

## **7. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Chương 2. Thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng.

Chương 3. Quan điểm và giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng, tầm nhìn đến 2030.

# CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

## 1.1 An toàn thực phẩm

### 1.1.1 Một số khái niệm

- **Khái niệm thực phẩm:** “Thực phẩm là những chất tồn tại dưới dạng rắn, lỏng được đưa vào cơ thể bằng con đường ăn, uống. Khi vào cơ thể, chúng sẽ cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống, phục vụ cho quá trình sinh trưởng, phát triển của cơ thể và thường ít quan tâm nhiều tới mục đích chữa bệnh” [1, tr.1].

Một số khái niệm liên quan đến các loại thực phẩm được hiểu như sau [1, tr.1-2]:

- **Thực phẩm tươi sống:** “là thực phẩm chưa qua chế biến, bao gồm thịt, trứng, cá, thủy hải sản, rau, củ, quả tươi và các thực phẩm khác chưa qua chế biến”.
- **Thực phẩm chức năng:** “là thực phẩm dùng để hỗ trợ chức năng của cơ thể con người, tạo cho cơ thể tình trạng thoải mái, tăng sức đề kháng, giảm bớt nguy cơ mắc bệnh bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học”.
- **Thực phẩm biến đổi gen:** “là thực phẩm có một hoặc nhiều thành phần nguyên liệu có gen bị biến đổi bằng công nghệ gen”.
- **Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng:** “là thực phẩm dinh dưỡng được bổ sung vitamin, chất khoáng, chất vi lượng nhằm phòng ngừa, khắc phục sự thiếu hụt các chất đó đối với sức khỏe cộng đồng hay nhóm đối tượng cụ thể trong cộng đồng”.
- **Thực phẩm bao gói sẵn:** “là thực phẩm được bao gói và ghi nhãn hoàn chỉnh, sẵn sàng để bán trực tiếp cho mục đích chế biến tiếp hoặc sử dụng để ăn ngay”.
- **Thực phẩm đã qua chiếu xạ:** “là thực phẩm đã được chiếu xạ bằng nguồn phóng xạ để xử lý, ngăn ngừa sự biến chất của thực phẩm”.

- **Khái niệm an toàn thực phẩm:** “An toàn thực phẩm là khái niệm chỉ ra thực phẩm sẽ không gây nguy hại cho người tiêu dùng khi được chế biến và dùng

theo đúng mục đích sử dụng dự kiến. ATTP được hiểu là khả năng không gây ngộ độc của thực phẩm đối với con người [1, tr. 2-3].

- **Khái niệm vệ sinh thực phẩm:** “Vệ sinh thực phẩm là mọi điều kiện và biện pháp cần thiết để đảm bảo sự an toàn và phù hợp của thực phẩm ở mọi khâu thuộc chu trình thực phẩm. Khái niệm này còn bao gồm cả khâu tổ chức vệ sinh trong chế biến và bảo quản thực phẩm”. [1, tr. 2].

- **Khái niệm vệ sinh an toàn thực phẩm:** “Vệ sinh an toàn thực phẩm là tất cả điều kiện, biện pháp cần thiết từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản, phân phối, vận chuyển, sử dụng nhằm đảm bảo cho thực phẩm sạch sẽ, an toàn, không gây hại cho sức khỏe, tính mạng người tiêu dùng”. [1, tr. 2].

- **Khái niệm ngộ độc thực phẩm:** “Ngộ độc thực phẩm là tất cả các bệnh gây ra bởi các mầm bệnh có trong thực phẩm hoặc là tình trạng bệnh lý xảy ra do ăn, uống thực phẩm có chứa chất độc” [1, tr. 2].

### **1.1.2 Vai trò của an toàn thực phẩm**

- **Với sức khỏe con người** [1, tr. 6]:

ATTP giữ vai trò rất quan trọng đối với sức khỏe con người. Mặc dù cho đến nay đã có khá nhiều tiến bộ về khoa học kỹ thuật trong công tác bảo vệ và ATTP cũng như các biện pháp về quản lý, giáo dục nhưng các bệnh do chất lượng vệ sinh ATTP và thức ăn kém vẫn chiếm tỷ lệ khá cao ở nhiều nước. Lối sống công nghiệp đã khiến bữa ăn của chúng ta thay đổi rất nhiều. Điều này càng khiến vấn đề ATTP trở nên cấp bách, đặc biệt là ở một nước đang phát triển như Việt Nam.

Nhận thức về xã hội về tầm quan trọng về dinh dưỡng và ATTP ở nước ta còn rất hạn chế. Tại các nước châu Âu và Mỹ, nhân viên nấu ăn phải được qua đào tạo, còn ở nước ta hiện ít có chuyên ngành tiết chế, rất ít các lớp cho cấp dưỡng.

Nói chung, tình hình chất lượng ATTP trong những năm gần đây không ổn định, số các mẫu lương thực, thực phẩm không đạt yêu cầu vệ sinh vẫn chiếm tỷ lệ cao.

- **Với thương mại quốc tế** [1, tr. 7]:

Thực phẩm chiếm tỷ trọng rất lớn trong thương mại thế giới (khoảng 400 tỷ USD hàng năm trên tổng giá trị thương mại thế giới khoảng 6,5 nghìn tỷ USD). Tổng giá trị thực phẩm và sản phẩm thực phẩm nhập khẩu vào Mỹ trong năm 1998 là 35 tỷ USD, trong đó 20 tỷ USD (55%) là được nhập từ các nước đang phát triển.

Các nước đang phát triển cung cấp hơn hai phần ba lượng cà phê, gia vị, rau, quả và hạt, thịt và hải sản nhập khẩu vào Mỹ. Các nước đang phát triển đang cung cấp hơn một nửa thực phẩm và sản phẩm thực phẩm nhập khẩu cho tiêu dùng của Mỹ (FDA, 2016).

Tại một số nước đang phát triển ở châu Á và châu Phi, thực phẩm xuất khẩu từ năm 1987 đến 2012 đã tăng hơn 25%. Điều đó cho thấy thực phẩm đã và sẽ chiếm vai trò rất quan trọng trong thương mại thế giới. Cùng với nhu cầu ngày càng tăng về số lượng, con người ngày càng đòi hỏi thực phẩm phải có chất lượng cao hơn, an toàn vệ sinh hơn.

Việt Nam là một nước nông nghiệp, sản xuất nông sản thực phẩm luôn là vấn đề trọng tâm với sự tham gia của gần 3/4 dân số nước ta. Mức độ gia tăng về khối lượng thực phẩm hàng năm là 5,2%. Thực phẩm xuất khẩu giữ tỷ trọng rất lớn trong ngoại thương của Việt Nam với nước ngoài; đóng góp vai trò đáng kể trong tăng trưởng kinh tế của cả nước.

Những năm gần đây, sản xuất nông nghiệp của Việt Nam tăng trưởng ổn định với tốc độ 4,3%/năm. Tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng từ 21,5 triệu tấn năm 1990 lên 34,2 triệu tấn năm 1999, bình quân 5,3%/năm. Từ năm 1992 đến năm 2012, tổng sản lượng lương thực quy thóc của Việt Nam tăng gần gấp đôi. Tốc độ gia tăng này đã vượt xa tốc độ gia tăng dân số 1,8%, dẫn tới sự gia tăng đáng kể trong bình quân lương thực đầu người cũng như là dư thừa cho xuất khẩu; qua đó, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và đồng thời đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo đứng vững chắc ở vị trí thứ hai thế giới trong thời gian dài (Tổng cục Thống kê, 2005; Tạp chí Cộng sản, 2013; Tổng cục Thủy lợi, 2017)/ Tuy nhiên, tới năm 2017, tình trạng xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất nông nghiệp của Việt Nam.

Việt Nam cũng đạt được tiến bộ đáng kể trong phát triển và sản xuất rau quả. Sản lượng rau tăng 83% trong giai đoạn 1990 đến 1999 và đạt mức 5,9 triệu tấn. Trong năm 1999, tổng sản lượng quả ước đạt 4,5 triệu tấn, đến năm 2013 là 7,4 triệu tấn. Ngành chăn nuôi cũng có mức tăng trưởng khá; tăng 5,8%/năm trong giai đoạn 1990 đến 1999. Số đầu lợn đạt mức 18,8 triệu con năm 1999, gia cầm đạt 173 triệu con; đến năm 2016 số đầu lợn đạt hơn 213 triệu con.

Cho đến nay, trừ một số sản phẩm Việt Nam phải nhập khẩu để phục vụ nhu cầu trong nước như sữa (nhập tới hơn 70% tổng nhu cầu), bông (90%), dầu ăn (70%), thuốc lá (30%), ... còn lại sản xuất nông nghiệp trong nước không những đủ đáp ứng nhu cầu của đất nước, mà còn có dư thừa cho xuất khẩu. Tính cạnh tranh của nông sản Việt Nam dần dần được nâng cao và nhiều sản phẩm đã có được vị trí đáng kể trên thị trường quốc tế như gạo, cà phê, thủy sản, hạt tiêu, hạt điều nhân, chè, rau quả tươi và chế biến.

Đặc biệt thủy sản hiện đang là mặt hàng dẫn đầu về giá trị kim ngạch xuất khẩu và có giá trị tăng trưởng nhanh nhất. Xuất khẩu thủy sản tăng không ngừng. Năm 2000, giá trị xuất khẩu thủy sản là 1,4 tỷ USD, đến năm 2012 đã đạt trên 6 tỷ USD. Việt Nam được đưa vào danh sách các nước được phép xuất khẩu hàng thủy sản vào thị trường EU.

Khi hội nhập quan hệ thương mại, các nước tuân thủ theo quy định của mỗi nước hoặc thông qua hiệp định thương mại song phương. Ba loại rào cản thương mại được áp dụng nhằm bảo hộ nền sản xuất nội địa là: hàng rào hạn ngạch, hàng rào thuế quan và hàng rào kỹ thuật. Các nước có nền kinh tế chậm phát triển thường tận dụng tối đa hàng rào hạn ngạch (cấm hoặc hạn chế nhập khẩu) và hàng rào thuế quan (đánh thuế cao) để giảm sức cạnh tranh của hàng hóa nước ngoài. Hàng hóa của các doanh nghiệp trong nước ít bị cạnh tranh vì thế chậm đổi mới, bán giá cao nhưng chất lượng thấp không tránh được nguy cơ tụt hậu ngày càng xa.

**- Với sự phát triển bền vững xã hội [1, tr. 8]:**

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, thông qua việc ký kết các hiệp định thương mại khu vực và quốc tế AFTA, APEC, WTO, ... các nước tham gia hiệp định thương mại được tự do trong trao đổi hàng hóa với nhau.

Khi ấy, hàng rào hạn ngạch và hàng rào thuế quan sẽ bị dỡ bỏ, hàng rào kỹ thuật (yêu cầu chất lượng, yêu cầu bảo vệ môi trường, yêu cầu an toàn cho người sử dụng) được quy định chặt chẽ trong hiệp định thương mại.

Hệ quả là lợi thế thuộc về các nước có nền kinh tế phát triển, bất lợi thuộc về các nước đang phát triển, do phải đầu tư nâng cấp trong điều kiện nền tảng kỹ thuật thấp kém khiến giá thành sản phẩm sẽ đội lên, hoặc nếu việc định hướng phát triển không đúng sẽ không đạt được quy định, dẫn tới nguy cơ sản phẩm làm ra chẳng

những không thể xuất khẩu ra nước ngoài, mà còn bị cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa.

Hàng rào kỹ thuật đối với thực phẩm được thể hiện qua hai lĩnh vực: SPS (Sanitation and Phytosanitation Standards)- các tiêu chuẩn về vấn đề ATTP và sức khỏe động thực vật và TBT (Technical Barrier to Trade)- những yêu cầu về chất lượng phản ánh tính khả dụng, về ghi nhãn và tính trung thực về kinh tế của sản phẩm. Chỉ có những loại hàng hóa thỏa mãn hai điều kiện này mới được phép xuất khẩu và khi hàng hóa đã thỏa mãn sẽ có quyền đưa vào tiêu thụ tại các nước đã ký kết hiệp định.

Trong Chương 1, 2, 3 về Thủy sản của Bộ luật Thực phẩm của Mỹ có hiệu lực từ 18/12/1997 quy định chỉ những sản phẩm của doanh nghiệp có chương trình HACCP được USFDA chấp nhận mới được phép tiêu thụ tại thị trường Mỹ. Tuy nhiên, USFDA có thể công nhận cơ quan thẩm quyền nhà nước của nước xuất khẩu về kiểm soát an toàn vệ sinh thủy sản thông qua văn bản ghi nhớ.

Mặc dù đôi khi có sự lạm dụng nhằm gây “khó dễ” cho các nước khác, đặc biệt là các nước đang phát triển song hàng rào kỹ thuật có tác dụng rất tích cực là khiến tất cả các quốc gia, các nhà sản xuất đều phải lưu tâm nâng cao chất lượng cũng như vệ sinh ATTP nếu muốn phát triển, Việt Nam cũng nằm trong số đó.

## **1.2 Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

### **1.2.1 Một số khái niệm**

#### **- Khái niệm quản lý**

Có nhiều quan niệm khác nhau về quản lý, chủ yếu là trong cách dùng thuật ngữ. Có quan niệm cho rằng, quản lý là hành chính, lại có quan niệm cho rằng quản lý là cai trị, là điều khiển, chỉ huy. Dù quan niệm như thế nào thì quản lý cũng được hiểu theo nghĩa chung nhất: *Quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý nhằm đạt được mục tiêu đặt ra trong điều kiện biến động của môi trường.* [11]

Có ba dạng quản lý chủ yếu: quản lý giới vô sinh, quản lý giới sinh vật và quản lý xã hội con người. Trong đó, quản lý xã hội con người là quá trình quản lý phức tạp nhất, vì cả chủ thể quản lý và đối tượng quản lý đều là con người.

#### **- Khái niệm Quản lý nhà nước**

QLNN có ngay sau khi xuất hiện nhà nước, đó là một dạng quản lý đặc biệt-

quản lý toàn xã hội. Chủ thể QLNN là các cơ quan, công chức trong bộ máy nhà nước được trao quyền lực công, gồm quyền lập pháp, quyền tư pháp và quyền hành pháp; đối tượng quản lý của nhà nước là tất cả cá nhân và tổ chức sinh sống và hoạt động trong phạm vi lãnh thổ quốc gia; QLNN có tính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao...; QLNN mang tính quyền lực nhà nước, sử dụng công cụ pháp luật của nhà nước để quản lý xã hội; Mục tiêu của QLNN là phục vụ nhân dân, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong xã hội.

Từ những đặc điểm này, có thể hiểu “*Quản lý nhà nước là một dạng quản lý xã hội đặc biệt, mang tính quyền lực nhà nước và sử dụng pháp luật nhà nước để điều chỉnh hành vi của cá nhân, tổ chức trên tất cả các mặt của đời sống xã hội do các cơ quan, công chức trong bộ máy nhà nước thực hiện, nhằm phục vụ nhân dân, duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội*” [11, tr 9-10].

Trên thực tế, QLNN thường được hiểu theo hai nghĩa: *Nghĩa rộng*, QLNN là toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước: lập pháp, hành pháp và tư pháp; *Nghĩa hẹp*, QLNN chỉ bao gồm hoạt động hành pháp.

Đề tài tiếp cận QLNN về ATTP theo nghĩa hẹp này.

### **- Khái niệm Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

Theo tác giả Nguyễn Tiến Dũng (2018), “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đó là việc các cơ quan quản lý nhà nước tác động bằng nhiều biện pháp lên các đối tượng quản lý nhằm mục đích bảo đảm xã hội được tiếp cận, sử dụng thực phẩm an toàn, chất lượng. Nhà nước sử dụng quyền lực được nhân dân giao cho để trực tiếp điều hành, tác động lên các chủ thể quản lý mà ở đây cụ thể là các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng thông qua các công cụ chính sách, pháp luật, kế hoạch và các quy định khác của pháp luật về an toàn thực phẩm. Quyền lực nhà nước được bảo đảm bằng khả năng áp dụng, cưỡng chế thông qua chủ yếu ở các văn bản cụ thể cá biệt. Bên cạnh đó, trong hoạt động quản lý của mình, nhà nước còn là chủ thể chấp hành, thực hiện trên thực tế các luật và các văn bản dưới luật đã được ban hành” [8, tr.9] và “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm là một bộ phận của Quản lý nhà nước về y tế với mục tiêu là bảo đảm, chăm sóc sức khỏe nhân dân”. [8, tr.10].

Theo tác giả Bùi Thị Hồng Nương (2019), “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước của các cơ quan trong bộ máy nhà nước (chủ yếu là các cơ quan thuộc hệ thống hành pháp), mang tính quyền lực nhà nước; là hoạt động của cơ quan quản lý có thẩm quyền thực hiện ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, các biện pháp, các chế tài xử lý để điều chỉnh hành vi hoạt động của con người trên lĩnh vực an toàn thực phẩm nhằm thoả mãn những nhu cầu của con người, bảo đảm sức khoẻ cho nhân dân, duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội về sức khoẻ con người” [14, tr.31].

Theo đó, “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm là hoạt động có tổ chức của nhà nước thông qua các văn bản pháp quy, các công cụ, chính sách của nhà nước tác động đến tình hình thực hiện ATTP của đơn vị sản xuất, chế biến, kinh doanh trên cả nước nhằm định hướng, dẫn dắt các chủ thể này thực hiện tốt các vấn đề về an toàn thực phẩm.

Quản lý nhà nước đối với an toàn thực phẩm là sự tác động có tổ chức và bằng pháp luật lên các đối tượng sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm để bảo đảm an toàn thực phẩm, phục vụ tốt nhất đời sống dân cư.

Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm là việc nhà nước thực hiện quyền lực của mình để điều chỉnh, hướng dẫn các hoạt động liên quan đến an toàn thực phẩm thực hiện theo đúng pháp luật. Các hoạt động chủ yếu QLNN đối với an toàn thực phẩm bao gồm: Hoạch định và ban hành các chính sách, văn bản, chiến lược, kế hoạch có liên quan đến vấn đề an toàn thực phẩm; công tác tổ chức tuyên truyền, giáo dục, công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, công tác phối hợp liên ngành trong quản lý và nghiên cứu khoa học...

Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm là cơ quan quản lý có thẩm quyền thực hiện ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, các biện pháp, các chế tài xử lý. Tổ chức triển khai các hoạt động nhằm bảo đảm các hoạt động sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm theo đúng những quy định hướng dẫn. Áp dụng những biện pháp khoa học và phong tục tập quán nhằm hướng dẫn tổ chức thực hiện để các đối tượng trong phạm vi quản lý thực hiện đầy đủ những quy định đã ban hành, hạn chế tối đa việc không bảo đảm an toàn thực phẩm.” [14, tr. 30-31]

Tuy nhiên, quan điểm này chưa phản ánh đầy đủ bản chất, nội dung của



QLNN về ATTP dưới góc độ của khoa học quản lý công. Một mặt, QLNN về ATTP không đơn thuần chỉ là “ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, các biện pháp, các chế tài xử lý để điều chỉnh hành vi hoạt động của con người trên lĩnh vực an toàn thực phẩm”. Mặt khác, QLNN về ATTP cũng không đơn thuần nhằm mục đích: “thoả mãn những nhu cầu của con người, bảo đảm sức khoẻ cho nhân dân, duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội về sức khoẻ con người”, nó còn góp phần bảo vệ giống nòi, đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia.

Tác giả quan niệm rằng, *“Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm là việc Nhà nước bằng quyền lực của mình thông qua một hệ thống các quy định pháp luật để điều chỉnh hành vi của tất cả các cá nhân, tổ chức trong chuỗi cung ứng, tiêu thụ thực phẩm nhằm ngăn ngừa tình trạng mất an toàn thực phẩm, đảm bảo tính an toàn của thực phẩm, khắc phục, giảm thiểu các hậu quả do tình trạng mất an toàn thực phẩm gây ra nhằm đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng và sức khoẻ nhân dân, góp phần bảo vệ giống nòi, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của quốc gia.”*

### **1.2.2 Vai trò quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm [1, tr 11]**

Về vai trò của QLNN về ATTP, tác giả Lê Thị Hồng Ánh [1, tr. 11] đã chỉ rất rõ:

“QLNN về ATTP đóng một vai trò quan trọng trong bảo đảm nguồn cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng và bổ dưỡng cho cộng đồng. Mặt khác, bảo đảm chất lượng, ATTP còn là một trong những điều kiện tiên quyết, thiết yếu để thúc đẩy sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm phát triển ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu, góp phần phát triển kinh tế quốc gia và quốc tế.

Gần đây, sự bùng phát bệnh tật do thực phẩm gây ra đã trở nên đáng báo động, gây nên những mối lo ngại về hiệu quả của hệ thống kiểm soát ATTP. Mỗi năm, trên thế giới có khoảng 800 triệu người còn phải chịu tình trạng thiếu dinh dưỡng, chủ yếu là các nước đang phát triển. Thiếu dinh dưỡng không chỉ là kết quả của nguồn cung ứng thực phẩm không đầy đủ, nó còn gây ra do sự tiêu thụ các loại thức ăn còn hạn chế, không an toàn và kém chất lượng. Ngoài ra, mỗi năm có đến ba triệu trẻ em bị chết về các bệnh tiêu chảy (bao gồm cả bệnh lỵ) do tiêu thụ thức ăn kém chất lượng và dùng nước uống không an toàn.

Bên cạnh đó, trong môi trường toàn cầu mới, cả các nước xuất nhập khẩu thực phẩm đều đang đẩy mạnh hệ thống kiểm soát thực phẩm của mình, thực hiện và tuân thủ các chiến lược kiểm soát thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ nhằm vừa bảo đảm quyền lợi, sức khỏe của người tiêu dùng, vừa tạo điều kiện thúc đẩy thương mại thực phẩm phát triển. Điều quan trọng đối với các nước đang phát triển đó là thực hiện và thi hành hệ thống kiểm soát ATTP dựa trên khái niệm hiện đại về đánh giá mối nguy.

Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách và tạo khung pháp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro, những mối nguy đối với ATTP hay đề ra những quy định mà các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải đáp ứng để bảo đảm thực phẩm an toàn từ khâu sản xuất đến lưu thông. Nhìn chung, quản lý ATTP không những là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cấp, ngành chức năng mà còn cần sự đóng góp của toàn xã hội, đặc biệt là sự tham gia tích cực từ phía người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng nhằm mục đích bảo đảm sức khỏe cho người tiêu dùng và mang lại quyền lợi cho chính mình.”

### **1.2.3 Nguyên tắc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

QLNN về ATTP cần tuân thủ các nguyên tắc sau [40, Điều 3]

“Nguyên tắc 1: Bảo đảm ATTP là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Nguyên tắc 2: Sản xuất, kinh doanh thực phẩm là hoạt động có điều kiện; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải chịu trách nhiệm về an toàn đối với thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh.

Nguyên tắc 3: Quản lý ATTP phải trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng.

Nguyên tắc 4: Quản lý ATTP phải được thực hiện trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên cơ sở phân tích nguy cơ đối với ATTP.

Nguyên tắc 5: Quản lý ATTP phải bảo đảm phân công, phân cấp rõ ràng và phối hợp liên ngành.

Nguyên tắc 6: Quản lý ATTP phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.”

## **1.2.4 Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

Theo tác giả Bùi Thị Hồng Nương (2019), có 9 nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, gồm:

### ***1.2.4.1. Chủ trương của Đảng và Nhà nước; chính sách, pháp luật làm hành lang pháp lý cho hoạt động an toàn thực phẩm***

Cơ chế chính sách của nhà nước có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình thúc đẩy cải cách, nâng cao hiệu quả công việc của mỗi CBCCC nói riêng và các cơ quan nói chung. Việc ban hành các hệ thống chính sách, chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, các quy định về sản phẩm đạt chất lượng, xử lý nghiêm việc sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng, không bảo đảm an toàn vệ sinh, các chính sách ưu đãi cho đầu tư đổi mới công nghệ là những nhân tố hết sức quan trọng.

Các cơ quan, tổ chức không thể tồn tại một cách biệt lập mà luôn có mối quan hệ chặt chẽ và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, đặc biệt phải kể đến là cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước. Cơ chế quản lý vừa là môi trường, vừa là điều kiện cần thiết tác động đến phương hướng, tốc độ cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong quá trình quản lý, quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nhà nước đặt ra những quy định (từ quy phạm pháp luật, chính sách, kế hoạch, chương trình đến những quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật...) để làm cơ sở, công cụ quản lý, vừa dựa vào đó để điều hành, quản lý xã hội, xử lý những vi phạm.

Qua thực tiễn quản lý và qua sự biến đổi, phát triển của xã hội các cơ quan nhà nước lại đặt ra những quy định mới để làm cơ sở cho quản lý của các cơ quan nhà nước. Do vậy, thể chế QLNN trong lĩnh vực y tế nói chung, lĩnh vực ATTP nói riêng ngày càng được bổ sung về số lượng và chất lượng cùng với quá trình biến đổi và phát triển của xã hội và yêu cầu quản lý xã hội của nhà nước nhằm ổn định và phát triển xã hội vì lợi ích của nhà nước và lợi ích của nhân dân.

Thể chế QLNN trong lĩnh vực ATTP là hệ thống những quy định do nhà nước đặt ra gắn với nội dung QLNN về y tế (xét theo quy trình quản lý, theo lĩnh vực hoạt động ATTP..) liên quan đến cả chủ thể QLNN (các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước), chủ thể hoạt động trong lĩnh vực ATTP (tổ chức, cá nhân) và

công dân (những người sản xuất, kinh doanh, chế biến và tiêu dùng). Ngoài ra, thể chế QLNN trong lĩnh vực ATTP còn bao gồm cả những quy định về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ...liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực ATTP như: quy định về điều kiện sản xuất, chế biến, kinh doanh, hệ thống kiểm nghiệm ATTP. Do vậy, thể chế QLNN trong lĩnh vực ATTP có nội dung rất rộng và được tiếp cận theo những góc độ khác nhau (theo nội dung QLNN về ATTP; theo chủ thể, khách thể, đối tượng quản lý...).

Mức độ hoàn thiện thể chế (hệ thống pháp luật) về lĩnh vực ATTP ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý đảm bảo ATTP. Nếu các quy định của nhà nước phù hợp thì công tác quản lý ATTP mang lại hiệu quả. Còn ngược sẽ không phát huy được tác dụng, gây thiệt hại cho nền kinh tế và ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

Các văn bản pháp luật đầy đủ, rõ ràng, minh bạch sẽ góp phần nâng cao hiệu lực QLNN về ATTP. Ngược lại, nếu hệ thống văn bản không đầy đủ, rõ ràng, không minh bạch sẽ gây khó khăn, làm giảm hiệu lực QLNN về ATTP.

#### **1.2.4.2. Yếu tố con người**

Thứ nhất, đội ngũ công chức quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

Con người luôn đóng vai trò then chốt, quyết định trong mọi hoạt động. Trong QLNN về ATTP cũng vậy, muốn thực hiện được hoạt động quản lý phải có nhân lực, để công tác QLNN về ATTP có hiệu quả thì nguồn nhân lực có đủ phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, công chức có năng lực...Năng lực của đội ngũ CBCC là một trong những điều kiện tiên quyết đảm bảo cho hoạt động QLNN diễn ra đạt kết quả tốt giúp vận hành và hoàn thành chức năng của mình.

Công chức làm công tác QLNN về ATTP là toàn bộ những người được phân công làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP và trực tiếp theo dõi, chịu trách nhiệm đối với các hoạt động liên quan đến ATTP.

Trình độ của công chức làm công tác QLNN về ATTP được thể hiện thông qua bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn mà họ được đào tạo. Việc phân công nhiệm vụ phù hợp hay không phù hợp với chuyên môn được đào tạo cũng ảnh hưởng đến kết quả công việc được giao.

Ngoài ra ý thức trách nhiệm đối với công việc của người làm công tác QLNN về ATTP đóng vai trò quan trọng. Ngoài việc có chuyên môn thì ý thức trách nhiệm

quyết định chính trong việc hoàn thành nhiệm vụ hay không và hoàn thành nhiệm vụ ở mức độ nào.

Một số chỉ tiêu thể hiện trình độ cán bộ làm công tác QLNN về ATTP: số lượng cán bộ; trình độ chuyên môn được đào tạo; kết quả công tác của mỗi cán bộ.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị chính là phương tiện để người thực thi hoạt động và đảm bảo hay không đảm bảo cho người thực thi nhiệm vụ QLNN về ATTP hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Khác với các lĩnh vực khác, quản lý về ATTP muốn có hiệu quả đòi hỏi CBCC phải có kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ sâu nếu không sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý.

Như vậy, đội ngũ CBCC làm nhiệm vụ QLNN về ATTP là một yếu tố ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực quản lý. Khi sử dụng yếu tố con người hợp lý với năng lực, sở trường với chuyên môn của họ thì mới đạt được mục đích và nâng cao kết quả trong công việc nói chung và trong QLNN về ATTP nói riêng.

Thứ hai, đối tượng quản lý

Một yếu tố quan trọng khác là đối tượng quản lý và hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm của doanh nghiệp. Hiện nay, bên cạnh đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật thì vẫn còn những đối tượng vì nhiều lý do khác nhau đã đưa ra sản phẩm thực phẩm kém chất lượng, không an toàn. Để bảo đảm ATTP, trách nhiệm của doanh nghiệp là phải thực sự quan tâm đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Để thực hiện điều này, đòi hỏi doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược, mục tiêu kinh doanh, đạo đức kinh doanh rõ ràng và xác định văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó lập kế hoạch triển khai các hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu cuối cùng là đưa đến tay người dân sản phẩm thực phẩm an toàn.

#### ***1.2.4.3. Yếu tố chính trị***

Đó là yếu tố lãnh đạo, định hướng toàn xã hội. Chế độ chính trị quy định mục tiêu của quốc gia và chi phối đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước CHXHCNVN luôn gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong công tác quản lý về ATTP hiện nay, Đảng đề ra các Nghị quyết, đường lối, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ cho QLNN về ATTP và căn cứ vào đó Nhà nước ban hành hệ thống văn bản pháp

luật nhằm đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm vào khuôn khổ quản lý.

#### **1.2.4.4. Yếu tố văn hóa xã hội**

Đây là yếu tố rất quan trọng, ảnh hưởng đến vấn đề bảo đảm ATTP. Truyền thống sản xuất, kinh doanh, sử dụng thực phẩm từ quá khứ cũng ảnh hưởng ít nhiều đến công tác quản lý về ATTP như việc kinh doanh hàng rong nhỏ lẻ, các chợ truyền thống, sản xuất theo kinh nghiệm truyền từ ông bà.... Các loại hình sản xuất, kinh doanh kể trên trong thời đại phát triển ngày nay một số vẫn còn mang những nét đặc trưng, góp phần vào sự đa dạng nền văn hóa tuy nhiên với góc độ ATTP và bảo đảm sức khỏe của người dân hiện nay thì một số đã trở thành thách thức cho nhà quản lý.

Ngoài ra, một yếu tố khác là do việc nhận thức của xã hội về ATTP chưa cao. Người tiêu dùng không thấy được mức độ nguy hiểm của các loại thực phẩm không đủ tiêu chuẩn và vẫn sử dụng các loại thực phẩm này do giá rẻ, thuận tiện do đó đã tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất thực phẩm kém chất lượng, sử dụng nhiều chất bảo quản, phụ gia điều này gây ra các mối nguy ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Văn hóa xã hội có thể được thay đổi theo thời gian, ngày càng được làm giàu thêm và mang lại cho xã hội một bản sắc riêng. Vì vậy, trách nhiệm của các nhà quản lý ATTP là phải xây dựng, duy trì, phát triển nền văn hóa xã hội theo hướng có lợi cho người dân và xã hội.

#### **1.2.4.5. Yếu tố thông tin**

Để quản lý hiệu quả công tác ATTP các nhà quản lý cần phải nắm được tình hình, thực trạng vấn đề thực phẩm chính xác kịp thời muốn vậy phải có thông tin từ tất cả các nguồn như xã hội, đối tượng quản lý và từ quốc tế. Nhà quản lý về ATTP đưa ra thông tin điều khiển dưới các quyết định quản lý như: mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định... kèm theo đó là bảo đảm vật chất để đối tượng quản lý có thể thực hiện. Đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng muốn định hướng các hoạt động của mình trong việc bảo đảm ATTP phải tiếp nhận thông tin điều khiển, định hướng của nhà quản lý cùng với bảo đảm vật chất để chọn cách xử sự và điều chỉnh bản thân nhằm thực hiện chính xác mệnh lệnh quản lý. Do đó thông tin là yếu tố luôn gắn liền với hoạt động quản lý và là cầu nối giữa nhà quản lý với đối tượng quản lý.

#### **1.2.4.6. Trình độ dân trí và mức độ ủng hộ của xã hội**

Sự bùng nổ dân số cùng với đô thị hóa nhanh dẫn đến thay đổi thói quen ăn uống của nhân dân, thúc đẩy phát triển dịch vụ ăn uống sẵn tràn lan, khó có thể đảm bảo được ATTP. Thực phẩm chế biến ngày càng nhiều, hàng quán bán thức ăn sẵn ngày càng gia tăng... là nguy cơ dẫn đến hàng loạt vụ ngộ độc thực phẩm. Gia tăng dân số kết hợp với ý thức, trình độ của người dân. Nếu người dân có trình độ học vấn cao, nhận thức cao, triển khai thực thi pháp luật dễ thành công và như vậy công tác QLNN về ATTP sẽ đạt kết quả cao. Nếu dân số gia tăng với tỷ lệ ý thức về bảo đảm ATTP trong cộng đồng kém là trở ngại lớn cho các cơ quan QLNN trong việc bảo đảm ATTP.

Bên cạnh đó, mức độ ủng hộ của xã hội có tác động đến hiệu quả QLNN đối với ATTP, sự ủng hộ, đồng lòng của người dân giúp các cơ quan QLNN về ATTP làm việc hiệu quả hơn. Yếu tố văn hóa trong việc chấp hành pháp luật, Tham gia xây dựng pháp luật, tính thượng tôn chấp hành pháp luật của người dân ảnh hưởng, tác động không nhỏ hoạt động QLNN của các cơ quan QLNN về ATTP.

#### **1.2.4.7 Trang thiết bị và phương tiện**

Đến nay, hệ thống QLNN về ATTP đều được trang bị các thiết bị thiết yếu phục vụ cho hoạt động QLNN về ATTP. Các thiết bị đó, như: máy tính, laptop, projector, màn chiếu, máy ảnh, máy quay, bộ tuyên truyền ...

Đối với cơ quan quản lý nhà nước về ATTP việc trang bị các thiết bị, máy móc phù hợp trong lĩnh vực ATTP có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá chất lượng sản phẩm, phản ánh tính chính xác, giúp cơ quan quản lý nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ, trách nhiệm của mình.

Hệ thống phòng thí nghiệm của các Viện kiểm nghiệm Trung ương và trung tâm y tế dự phòng các tỉnh, thành phố được trang bị máy móc hiện đại. Các phòng kiểm nghiệm này phần lớn được công nhận đạt chuẩn ISO 17025, thường xuyên tham gia các chương trình kiểm nghiệm thành thạo với các phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn quốc gia và quốc tế đạt kết quả tốt, nâng cao kết quả kiểm nghiệm.

Phương tiện đi lại: Các địa phương được trang bị ô tô phục vụ công tác quản lý ATTP trên cả nước, việc trang bị phương tiện đi lại ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của việc kiểm tra, giám sát về ATTP trên địa bàn quản lý.

#### **1.2.4.8. Sự phối hợp của cơ quan quản lý nhà nước**

Liên kết, phối kết hợp là cùng nhau làm việc theo một kế hoạch chung để đạt mục đích chung. Đó là một trong những kỹ năng quan trọng của nhà quản lý. Bởi lẽ mỗi người, mỗi đơn vị chỉ có thời gian, năng lực để làm một lĩnh vực nào đó, không thể bao quát tất cả các lĩnh vực. Cơ quan y tế trong lĩnh vực ATTP là cơ quan thường trực, đầu mối của Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP. Vì vậy giữa cơ quan QLNN về ATTP với các cơ quan liên quan cần có sự phối hợp với nhau để việc đảm bảo ATTP đạt được kết quả tốt, thông qua các cuộc thanh tra liên ngành được tổ chức thường xuyên, liên tục vào các dịp cao điểm trong năm như: Tết Nguyên đán, tháng hành động vì chất lượng vệ sinh ATTP, tết Trung thu hay thanh tra theo chuyên đề. Phối kết hợp trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền, đào tạo, nghiên cứu khoa học hay trong hoạt động kiểm nghiệm. Thường xuyên duy trì phối hợp với các cơ quan thông tin như: Đài, báo, truyền hình đưa tin các hoạt động của cơ quan QLNN về ATTP, qua đó tuyên truyền, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật.

#### **1.2.4.9. Hợp tác quốc tế**

Vấn đề tự do hoá thương mại trong hội nhập kinh tế quốc tế là một nhu cầu thiết yếu đối với các quốc gia. Trong quá trình hội nhập kinh tế, quốc tế, lương thực, thực phẩm là một trong những mặt hàng thiết yếu để xuất khẩu. Để các mặt hàng thực phẩm của Việt Nam có mặt trên thị trường quốc tế và góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định, tiêu chuẩn về ATTP phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay khối lượng thực phẩm nhập khẩu tăng lên, chủng loại thực phẩm đa dạng hơn nên việc QLNN đối với ATTP là vấn đề phức tạp. Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan nhà nước thường xuyên tăng cường việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm; có hình thức xử lý đơn vị, cá nhân vi phạm ATTP.

#### **1.2.5 Các tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

Đánh giá thực trạng QLNN về ATTP là nhằm đưa ra kết luận về kết quả thực hiện từng nội dung QLNN về ATTP (*công tác dự báo, hoạch định chiến lược đảm bảo ATTP, xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATTP, tổ chức bộ máy và bố trí nguồn nhân lực QLNN về ATTP, bố trí cơ sở vật chất và*



*nguồn tài chính QLNN về ATTP; xây dựng cơ sở dữ liệu QLNN về ATTP; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ATTP; hợp tác quốc tế về đảm bảo ATTP; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong QLNN về ATTP): có những mặt nào thành công, những mặt nào còn bất cập và xác định nguyên nhân do đâu.*

Để đánh giá thực trạng QLNN về ATTP cần có các tiêu chí rõ ràng và cụ thể. Các tiêu chí đó gồm:

#### ***1.2.5.1 Tính hiệu lực***

Hiệu lực là sự thực hiện đúng, có kết quả chức năng quản lý của nhà nước để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Hiệu lực QLNN chỉ mức độ pháp luật được tuân thủ và mức độ hiện thực quyền lực chỉ huy và phục tùng trong mối quan hệ giữa chủ thể quản lý với đối tượng quản lý trong những điều kiện nhất định.

Tính hiệu lực của QLNN về ATTP phản ánh mức độ tác động, ảnh hưởng của chính sách đảm bảo ATTP trên thực tế, làm biến đổi hoặc duy trì thực tế theo mong muốn của Nhà nước, phản ánh tác động ảnh hưởng của chính sách trong quá trình thực thi, khả năng duy trì hay biến đổi trên thực tế so với mong muốn của nhà nước, thể hiện ở mức độ đạt được các mục tiêu trên thực tế so với các mục tiêu đã đề ra.

Nói một cách khác, tính hiệu lực của QLNN về ATTP thể hiện ở mức độ tuân thủ, chấp hành pháp luật của các cá nhân, tổ chức trong chuỗi cung ứng, tiêu thụ ATTP.

#### ***1.2.5.2 Tính hiệu quả***

Hiệu quả là kết quả đạt được của chủ thể quản lý trong mối tương quan với mức độ chi phí các nguồn lực trong mối quan hệ giữa hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội: (1) Đạt mục tiêu tối đa với chi phí nguồn lực nhất định; (2) Đạt mục tiêu nhất định với chi phí tối thiểu và (3) Đạt mục tiêu không chỉ trong quan hệ với chi phí nguồn lực mà còn trong quan hệ với hiệu quả xã hội.

- **Hiệu quả của chính sách đảm bảo ATTP:** Khi đánh giá hiệu quả của một chính sách xã hội nói chung, việc đạt được hiệu quả kinh tế không quan trọng bằng hiệu quả về mặt xã hội. Vì vậy, trên thực tế, hiệu quả của chính sách đảm bảo ATTP thường được xác định từ hiệu quả về mặt xã hội, dựa trên những số liệu gắn với chỉ tiêu của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, liên quan hỗ trợ cho một số các chính sách xã hội lớn khác như: chính sách dân số (phát triển thể lực, tầm vóc, tăng tuổi

thọ, cải thiện tích cực chỉ số phát triển con người HDI), chính sách y tế (giảm bệnh tật), chính sách lao động (tăng chất lượng nguồn nhân lực)...

- **Hiệu quả QLNN về ATTP:** Với QLNN về ATTP, thước đo quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả của QLNN về ATTP bao gồm các chỉ tiêu như *đảm bảo càng ít số vụ ngộ độc thực phẩm càng tốt; đảm bảo tỷ lệ người dân sử dụng thực phẩm an toàn càng nhiều càng tốt; đảm bảo mức độ tin tưởng của người dân về ATTP càng cao càng tốt.*

#### **1.2.5.3 Tính phù hợp**

Tính phù hợp trong QLNN được hiểu là sự tương thích giữa các nội dung QLNN với tính chất, trình độ phát triển của xã hội, phù hợp với quy luật vận động và phát triển của các quan hệ xã hội: không vượt trước cũng không lạc hậu hơn so với trình độ phát triển của các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh.

Với QLNN về ATTP, tính phù hợp được xem xét dựa vào sự phù hợp với điều kiện, đặc thù của từng quốc gia/địa phương. Để đánh giá tính phù hợp, cần xem xét: nội dung chính sách ATTP có phù hợp với điều kiện, đặc điểm thị trường tiêu thụ thực phẩm, truyền thống, văn hóa, thói quen tiêu dùng của người dân ở quốc gia/địa phương đó không.

#### **1.2.5.4 Tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt**

Tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong QLNN được thể hiện trong việc điều hành, phối hợp, huy động mọi lực lượng, phát huy sức mạnh tổng hợp để quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội theo đúng chức năng, thẩm quyền được giao.

Với QLNN về ATTP, tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo thể hiện ở khả năng đề ra các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trên thực tế mà thực tiễn QLNN về ATTP quốc gia, địa phương đó mang lại.

#### **1.2.5.5 Tính toàn diện**

*Toàn diện* được hiểu là khi xem xét và nghiên cứu sự vật phải nghiên cứu tất cả các mặt, các yếu tố kể cả các mặt khâu trung gian, gián tiếp có liên quan đến sự vật. Theo quan điểm toàn diện, con người cần nhận thức sự vật qua mối liên hệ qua lại, có thể là giữa các yếu tố, các bộ phận, giữa sự vật này với sự vật khác.

Tính toàn diện trong QLNN thể hiện ở việc nhà nước phải quản lý trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao...

Với QLNN về ATTP, tính toàn diện thể hiện ở chỗ xác định được mối liên hệ giữa các khâu của quá trình quản lý đảm bảo ATTP, từ cung ứng đến tiêu thụ thực phẩm; từ đó, phải đảm bảo tính toàn diện trong quản lý từng mắt xích liên quan trong từng chuỗi cung ứng thực phẩm khác nhau, đề ra các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trên thực tế mà thực tiễn QLNN về ATTP quốc gia, địa phương đó mang lại một cách đầy đủ nhất.

#### **1.2.5.6 Tính công khai, minh bạch**

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và thực hiện chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền, việc bảo đảm tính công khai, minh bạch trong QLNN nói chung và QLNN về ATTP nói riêng được xem là yêu cầu bắt buộc mà các Công ước, Điều ước quốc tế đã được Việt Nam tham gia phê chuẩn quy định và cũng là yêu cầu không thể thiếu nhằm đảm bảo nguyên tắc dân chủ trong QLNN.

Đảm bảo tính công khai trong QLNN về ATTP là đảm bảo *quyền được biết* và *quyền được tham gia* của công dân nói chung, của các tổ chức, cá nhân trong chuỗi cung ứng, tiêu thụ thực phẩm nói riêng trong các hoạt động QLNN về ATTP: *Quyền được biết* về chiến lược, quy hoạch phát triển chính sách ATTP, về nội dung chính sách ATTP, về kết quả thực hiện ATTP hàng năm và *Quyền được tham gia* vào quy trình xây dựng, ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATTP.

Đảm bảo tính minh bạch trong QLNN về ATTP là đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, rõ ràng trong thông tin được cung cấp, đồng thời đảm bảo trách nhiệm giải trình, phản hồi của cơ quan QLNN về ATTP và công chức thực hiện nhiệm vụ QLNN về ATTP cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu.

Như vậy, để đánh giá thực trạng QLNN về ATTP, cần căn cứ vào 6 tiêu chí: tính hiệu lực, tính hiệu quả, tính phù hợp, tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo, tính toàn diện và tính công khai, minh bạch. Sáu tiêu chí này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung và hoàn thiện lẫn nhau. Đây là cơ sở để tổ chức đánh giá thực trạng từng nội dung QLNN về ATTP ở chương 2 và đề ra quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về ATTP ở chương 3.

### **1.3 Nội dung cơ bản quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

Nghiên cứu các công trình đã có liên quan đến quản QLNN về ATTP, có thể thấy rằng nội dung cơ bản QLNN về ATTP đã được một số tác giả đề cập.

Theo Nguyễn Tiến Dũng (2018), nội dung cơ bản của QLNN về ATTP bao gồm: (1) Công tác hoạch định và ban hành các văn bản, chính sách, chiến lược, kế hoạch có liên quan đến vấn đề ATTP; (2) Công tác tổ chức thực hiện, triển khai luật về ATTP và các văn bản có liên quan; (3) Công tác giáo dục, tuyên truyền về ATTP và (4) Công tác thanh tra, kiểm tra” [8, tr.10].

Theo Bùi Thị Hồng Nương (2019), nội dung cơ bản của QLNN về ATTP bao gồm: (1) Xây dựng và ban hành chính sách, pháp luật về ATTP; (2) Tổ chức thực hiện pháp luật về ATTP; (3) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các chủ thể vi phạm ATTP; (4) Xử phạt hành vi vi phạm pháp luật của các cơ sở chế biến thực phẩm và (5) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ATTP [14, tr.41-55].

Tuy vậy, các quan điểm này chưa phản ánh đầy đủ nội dung của QLNN về ATTP dưới góc độ quản lý công.

Đứng trên góc độ khoa học quản lý công, khi nghiên cứu nội dung QLNN về bất kỳ ngành, lĩnh vực nào cũng đều phải thể hiện được ít nhất 5 nội dung cơ bản của QLNN đối với ngành, lĩnh vực đó: thể chế, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính công và hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

Vận dụng vào quá trình nghiên cứu QLNN về ATTP, căn cứ vào đặc thù của QLNN về ATTP, theo tác giả, nội dung QLNN về ATTP được thể hiện ở 8 nội dung chính sau đây:

### ***1.3.1 Dự báo, hoạch định chiến lược đảm bảo an toàn thực phẩm***

Dự báo, hoạch định chiến lược đảm bảo ATTP được hiểu là các công việc nhằm đưa ra thông tin dự báo và phương hướng đảm bảo ATTP trong tương lai.

Công tác dự báo, hoạch định chiến lược đảm bảo ATTP có tầm quan trọng rất lớn: Xác định mục tiêu cần đạt được trong tương lai về đảm bảo ATTP, giúp các cơ quan QLNN về ATTP biết được định hướng đảm bảo ATTP dự kiến trong tương lai (biết mình muốn đi đến đâu); nhận thức được tình hình hiện tại với những điểm mạnh và điểm yếu (biết mình đang ở đâu); từ đó cụ thể hóa các mục tiêu dài hạn thành các mục đích, phương tiện, giải pháp để đạt được mục đích trong từng thời gian ngắn nhất (trả lời câu hỏi: đi đến đó bằng cách nào).

Nội dung hoạch định chiến lược phát triển ATTP, gồm:

- Chiến lược dài hạn về đảm bảo ATTP.
- Kế hoạch trung hạn (5 năm, 3 năm) về đảm bảo ATTP.

- Kế hoạch hàng năm về đảm bảo ATTP.

### ***1.3.2 Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về An toàn thực phẩm***

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATTP là cơ sở để các cơ quan QLNN về ATTP tiến hành các hoạt động quản lý một cách hiệu quả nhằm đạt mục tiêu đề ra đối với ATTP trong từng thời kỳ.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATTP bao gồm:

- Hệ thống văn bản mang tính định hướng, chiến lược liên quan đến ATTP.
- Hệ thống các văn bản pháp luật quy định nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của các cơ quan thuộc bộ máy QLNN về ATTP.
- Hệ thống các văn bản quy định chế độ công vụ, công chức.
- Hệ thống các văn bản quy định về tài phán hành chính nhằm giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan QLNN về ATTP đối với các tổ chức, cá nhân trong chuỗi cung ứng, tiêu thụ thực phẩm.
- Hệ thống các thủ tục hành chính về ATTP do cơ quan QLNN về ATTP ban hành để tổ chức thực hiện QLNN về ATTP.

### ***1.3.3 Tổ chức bộ máy và bố trí nguồn nhân lực Quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm***

#### **- Về tổ chức bộ máy Quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm**

Bộ máy QLNN về ATTP được hiểu là hệ thống các cơ quan QLNN có thẩm quyền quản lý về ATTP.

Cần phân biệt Bộ máy QLNN về ATTP với Bộ máy tổ chức thực thi công tác đảm bảo ATTP, trong đó, bộ máy tổ chức thực thi ATTP có tính đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp ... được nhà nước trao quyền để tổ chức thực hiện ATTP, phục vụ công tác QLNN về ATTP.

Nội dung "Tổ chức bộ máy QLNN về ATTP" làm rõ hệ thống các cơ quan QLNN có chức năng QLNN về ATTP, trong đó, làm rõ cơ quan nào chủ trì, cơ quan nào phối hợp với chức năng, nhiệm vụ cụ thể. Phân tích nội dung này thể hiện ở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ giữa các cơ quan này với nhau trong QLNN về ATTP.

#### **- Về bố trí nguồn nhân lực Quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm**

Nguồn nhân lực QLNN về ATTP được hiểu là đội ngũ công chức trong bộ

máy QLNN về ATTP được giao các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến QLNN về ATTP. Họ là công dân Việt Nam được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan QLNN về ATTP ở các cấp, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Cần phân biệt *Nguồn nhân lực QLNN về ATTP* với *Nguồn nhân lực tổ chức thực thi công tác đảm bảo ATTP*, trong đó, *Nguồn nhân lực tổ chức thực thi công tác đảm bảo ATTP* có tính đến đội ngũ viên chức, NLD trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp được giao các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến quản lý, thực thi công tác đảm bảo ATTP.

Nội dung "Bố trí nguồn nhân lực QLNN về ATTP" làm rõ số lượng, chất lượng đội ngũ công chức tham gia vào quá trình QLNN về ATTP và các nội dung về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng, thái độ, ... của công chức góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về ATTP.

#### ***1.3.4 Bố trí cơ sở vật chất và nguồn tài chính Quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm***

Cơ sở vật chất QLNN về ATTP bao gồm tất cả các điều kiện vật chất để tiến hành hoạt động QLNN về ATTP, cụ thể là: tổ chức, bố trí công sở, trang thiết bị, điều kiện làm việc cho công chức trong QLNN về ATTP.

Nguồn tài chính QLNN về ATTP bao gồm các vấn đề về phân bổ, bố trí, sử dụng ngân sách nhà nước và huy động, bố trí, sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước phục vụ công tác đảm bảo ATTP.

#### ***1.3.5 Xây dựng cơ sở dữ liệu Quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm***

Xây dựng cơ sở dữ liệu QLNN về ATTP là cơ sở để hình thành hệ thống thông tin quản lý trong QLNN về ATTP, là căn cứ để các cơ quan QLNN về ATTP đánh giá, so sánh kết quả QLNN về ATTP với mục tiêu đảm bảo ATTP mà Đảng và Nhà nước đề ra, là căn cứ để hoạch định, điều chỉnh chính sách đảm bảo ATTP trong từng thời kỳ.

Cơ sở dữ liệu QLNN về ATTP bao gồm: dân số cả nước và từng địa phương, thông tin đầy đủ của các cá nhân, tổ chức trong toàn bộ chuỗi cung ứng, tiêu thụ thực phẩm; số liệu về kết quả QLNN về ATTP hàng tháng, quý, năm.

Có cơ sở dữ liệu QLNN về ATTP tốt, sẽ là tiền đề để thực hiện tốt công tác dự báo, hoạch định chiến lược phát triển ATTP và thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về

ATTP.

### ***1.3.6 Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm***

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là cầu nối để đưa chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước đến với các tầng lớp nhân dân.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ATTP là một trong những nội dung cơ bản của QLNN về ATTP nhằm hình thành sự hiểu biết, xây dựng ý thức pháp luật về ATTP cho người dân, các tổ chức, cá nhân trong chuỗi cung cấp, tiêu thụ thực phẩm, đội ngũ công chức, viên chức để họ có lòng tin, có thói quen, động cơ tích cực trong thực hiện pháp luật về ATTP.

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đạt hiệu quả khi nội dung cần truyền đạt đến được với đối tượng được tuyên truyền và biến thành hành động cụ thể trong thực tế. Muốn vậy, cần phải thực hiện càng thường xuyên càng tốt, càng đa dạng, phong phú về hình thức càng tốt. Nội dung thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ATTP cần được xem xét ở những khía cạnh sau:

+ Mức độ thường xuyên trong thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ATTP.

+ Mức độ đa dạng, phong phú của các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ATTP.

+ Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ATTP.

### ***1.3.7 Thực hiện hợp tác quốc tế về đảm bảo an toàn thực phẩm***

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, một quốc gia không nằm ngoài sự phát triển của quốc gia khác. Bất cứ nội dung QLNN nào cũng có những quốc gia thực hiện trước, có nhiều kinh nghiệm. Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong tất cả các lĩnh vực QLNN là mang tính tất yếu nhằm tạo cơ hội trao đổi, học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau trong QLNN các ngành, lĩnh vực. QLNN về ATTP cũng không nằm ngoài xu hướng đó.

Ở mỗi giai đoạn khác nhau, hợp tác quốc tế về ATTP có những phạm vi, đặc thù và hình thức khác nhau tùy vào điều kiện của quốc gia và bối cảnh của thế giới về ATTP. Trong giai đoạn hiện nay, phân tích QLNN về ATTP cần dựa vào các nội dung sau:

+ Hoạt động giao lưu, trao đổi đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách ATTP.

+ Hoạt động phối hợp với các tổ chức quốc tế, đối tác quốc tế trong tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ QLNN về ATTP.

+ Hoạt động thúc đẩy và mở rộng các hoạt động hợp tác song phương nhằm thu hút tài trợ, tận dụng nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong QLNN về ATTP.

+ Hoạt động tham gia vào các hiệp hội, diễn đàn hợp tác đa phương về ATTP mà quốc gia đó là thành viên.

+ Hoạt động tham gia các hội nghị quốc tế, các nghiên cứu khảo sát, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin trong lĩnh vực ATTP.

+ Hoạt động tổ chức hội thảo quốc tế, đón tiếp phái đoàn và chuyên gia quốc tế, duy trì quan hệ hợp tác thường xuyên với các đối tác quốc tế về ATTP.

+ Hoạt động ký kết, tổ chức triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký với các đối tác quốc tế; thực hiện các dự án liên quan đến ATTP do Chính phủ các nước và các tổ chức phi chính phủ tài trợ; ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác về ATTP.

### ***1.3.8 Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm***

Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong QLNN về ATTP là các hoạt động có tính chất xem xét, đánh giá, bắt buộc hay yêu cầu thực hiện trong quá trình quản lý, thực hiện, chấp hành pháp luật ATTP của các chủ thể có thẩm quyền nhằm đảm bảo cho hoạt động thực thi ATTP được diễn ra đúng pháp luật, đúng định hướng, đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu lực và hiệu quả. Bao gồm:

+ Thanh tra

+ Kiểm tra

+ Kiểm soát

+ Xử lý vi phạm

+ Giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện của công dân và công luận.

Cần lưu ý rằng, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trong QLNN về ATTP không chỉ bao gồm thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trong chấp



hành pháp luật về ATTP của các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội, mà còn bao gồm cả quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan QLNN, đơn vị sự nghiệp được giao quyền tổ chức thực thi chính sách ATTP và đội ngũ công chức, viên chức, NLĐ trong các cơ quan, đơn vị đó. Hay nói cách khác, đối tượng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát về ATTP bao gồm:

+ Các tổ chức, cá nhân trong chuỗi cung ứng, tiêu thụ thực phẩm.

+ Các cơ quan QLNN, các đơn vị sự nghiệp được giao quyền tổ chức thực thi chính sách ATTP và đội ngũ công chức, viên chức, NLĐ trong các cơ quan, đơn vị đó (lực lượng quản lý thị trường, lực lượng kiểm dịch, lực lượng đóng dấu thú y, ...).

## **1.4 Kinh nghiệm thực tiễn về đảm bảo an toàn thực phẩm và bài học rút ra**

### **1.4.1 Kinh nghiệm của các địa phương cấp tỉnh của Việt Nam**

Công tác QLNN về ATTP ở Việt Nam còn nhiều hạn chế. Tuy vậy, trong điều kiện của mình, mỗi một địa phương đều đã có những giải pháp linh hoạt, phù hợp, mang lại không ít hiệu quả trên thực tế. Phần này ghi nhận kinh nghiệm của 3 TP lớn, có sức ép về nguy cơ ATTP là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Mặc dù còn nhiều bất cập nhưng 3 địa phương này đã có những thành công nhất định, là kinh nghiệm mà các địa phương khác nói chung, trong đó có Đà Nẵng cần nghiên cứu, học hỏi.

#### **1.4.1.1. Thành phố Hà Nội**

Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hoá và khoa học kỹ thuật, trung tâm giao dịch kinh tế và quốc tế lớn của cả nước. Hà Nội có diện tích 3.329 km<sup>2</sup> với số dân hiện nay là 7,782 triệu người. Với vị trí hết sức quan trọng của mình, TP. Hà Nội càng chịu sức ép rất lớn trong vấn đề đảm bảo ATTP. Với sự nỗ lực của tất cả các cơ quan QLNN về ATTP có liên quan, thành phố Hà Nội cũng đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận trong công tác QLNN về ATTP. Một số cách làm mới của Hà Nội mà các địa phương khác có thể tham khảo sau đây: <sup>1</sup>:

+Đã ban hành nhiều đề án và kế hoạch làm cơ sở tổ chức thực hiện đảm bảo công tác an toàn vệ sinh thực phẩm tại Hà Nội, trong đó có Đề án “Thí điểm quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn các quận nội thành của TP. Hà Nội” (Quyết định số 5848/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND TP. Hà Nội).

---

<sup>1</sup> Đinh Thanh Huyền (2018), “Chuyện an toàn thực phẩm ở Hà Nội: Những thay đổi sau 5 năm”  
<https://nongnghiep.vn/chuyen-an-toan-thuc-pham-o-ha-noi-nhung-thay-doi-sau-5-nam-post227973.html>

+ Tập trung đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm từ gốc trong lĩnh vực chăn nuôi: tập trung phát triển ở ngoài khu vực dân cư các vùng, các trại chăn nuôi tập trung có quy mô lớn; hình thành các xã chăn nuôi; xây dựng các mô hình chăn nuôi kiểu trang trại tập trung theo mô hình khép kín từ khâu đầu vào đến khâu tiêu thụ hoặc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi. Theo hướng này, tính đến năm 2018, trên địa bàn Hà Nội có 3.941 trại chăn nuôi, 15 vùng chăn nuôi ngoài khu dân cư có quy mô lớn, 76 xã chăn nuôi trọng điểm, 101 trang trại chăn nuôi công nghệ cao, khép kín.

+ Sắp xếp lại nề nếp công tác giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm: So với trước đây, hiện nay, các cơ quan QLNN về ATTP trên địa bàn có xu hướng ngày càng siết chặt kiểm soát đối với các cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm (tính đến năm 2018, đã kiểm soát được 125 trong tổng số 988 cơ sở); tăng cường kiểm soát lượng thịt tiêu thụ tại TP (tính đến năm 2018, kiểm soát được khoảng 59% tổng số lượng thịt tiêu thụ); đồng thời ngày càng tăng cường công tác quy hoạch các điểm giết mổ tập trung để đảm bảo hiệu quả hoạt động (tính đến năm 2018, quy hoạch 10 điểm giết mổ tập trung trong tổng số 45 điểm, trong đó có 8/10 điểm đã triển khai xây dựng và hoạt động hiệu quả với công suất thiết kế là 410 tấn/ngày thì 8 cơ sở này đạt được khoảng 50% công suất, tương đương 220 tấn một ngày).

+ Trong lĩnh vực trồng trọt, xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các khâu: sản xuất-chế biến- tiêu thụ: Hà Nội chủ trương xây dựng mô hình liên kết an toàn theo chuỗi sản xuất- chế biến-tiêu thụ cho nông dân, trong đó chú trọng các sản phẩm có nguồn gốc thực vật, với mục tiêu xây dựng được khoảng 88 chuỗi vào năm 2020 tại Hà Nội. TP cũng khuyến khích những mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản có hiệu quả; khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia vào các hoạt động tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản chủ lực trên địa bàn, khuyến khích họ chủ động xúc tiến thương mại, tìm đầu ra cho sản phẩm nông sản, đồng thời phải gia tăng sản lượng nông sản sản xuất với chất lượng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

#### **1.4.1.2. Thành phố Hồ Chí Minh**

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, TP. Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế của cả nước, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, chiếm 0,6% diện tích cả nước với 8,637 triệu dân (năm 2019). Theo thống kê của Sở NN&PTNT TP. Hồ Chí

Minh, tính riêng nhu cầu tiêu dùng, mỗi năm địa phương này cần 200.000 tấn thịt lợn, 130.000 tấn thịt gia cầm, 132.000 tấn thủy sản, 1 triệu tấn rau, quả. Năm 2017, TP. Hồ Chí Minh là địa phương đầu tiên của cả nước thực hiện thí điểm mô hình Ban Quản lý An toàn thực phẩm (được thành lập theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02/2/2017 của UBND TP. Hồ Chí Minh) với 06 phòng chức năng, 01 Trung tâm, 8 đội quản lý ATTP liên quận, huyện và 2 đội quản lý ATTP ở chợ đầu mối Hóc Môn, Bình Điền. Ban Quản lý ATTP chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND TP. Hồ Chí Minh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của 3 Bộ: Y tế, Công thương, NN&PTNT.

Hơn hai năm triển khai thí điểm, TP. Hồ Chí Minh đã thiết lập và tăng cường hiệu quả hệ thống thanh tra, kiểm nghiệm hàng rào kỹ thuật, tiến hành xây dựng hệ thống thực phẩm sạch bằng cách tiếp tục nâng cao hiệu quả các chuỗi thực phẩm an toàn, đề án truy xuất nguồn gốc thực phẩm, không chỉ là thịt heo, rau, củ, quả mà còn nhiều mặt hàng khác, cũng như phát triển những mô hình kinh doanh thực phẩm an toàn. Đồng thời, tăng cường cải cách hành chính trong việc cấp phép để không gây phiền hà cho người dân, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về ATTP cho mỗi người dân. Nhờ đó, công tác QLNN về ATTP tại Tp. Hồ Chí Minh đã có nhiều chuyển biến, trong đó, có một số cách làm mới mà các địa phương khác có thể tham khảo sau đây:

+ Xây dựng, triển khai hai Đề án “Chuỗi thực phẩm an toàn”, “Quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo, thịt gia cầm và trứng gia cầm” và mô hình “Thí điểm chợ thực phẩm an toàn”, nhờ đó, đã thiết lập được hệ thống quản lý giám sát sản phẩm xuyên suốt từ khâu sản xuất đến tiêu dùng.

+ Mỗi quận/huyện thực hiện một chợ thí điểm về ATTP, xây dựng các khu phố, tuyến đường về ATTP cho thức ăn đường phố; đảm bảo ATTP cho các hệ thống trường học đặc biệt chú trọng đến việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm và khuyến cáo người dân quan tâm hơn đến các sản phẩm tham gia chuỗi thực phẩm an toàn.

+ Phòng Thông tin- Giáo dục- Truyền thông được thành lập, trực thuộc Ban Quản lý với cơ cấu gồm bốn đội nhóm. Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý cũng được hình thành và thường xuyên cập nhật tin tức mới về cơ cấu, tình hình

hoạt động của Ban, các hoạt động giám sát, thanh kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, danh sách các cơ sở đã đạt chứng nhận “Chuỗi thực phẩm an toàn”, lịch thăm định điều kiện ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, lịch thi xác nhận kiến thức ATTP, ... Nhờ đó, công tác thông tin, tuyên truyền đã phát huy được tính chủ động, kịp thời xử lý các tình huống phát sinh và mang lại hiệu quả cao; tạo sự tin cậy và qua đó ngày càng nâng cao sự tín nhiệm của người dân đối với cơ quan QLNN về ATTP.<sup>2</sup>

#### **1.4.1.3. Thành phố Cần Thơ**

Cần Thơ là một trong năm TP trực thuộc TW của Việt Nam với vai trò, vị thế, quy mô kinh tế lớn thứ năm của cả nước. Đây là TP. hiện đại và phát triển nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long, là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế và giáo dục của vùng. Với vị trí, vai trò như vậy, cũng giống như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, sức ép về đảm bảo ATTP tại TP. Cần Thơ cũng rất lớn.

Năm 2017, Cần Thơ là địa phương được xếp vị trí số 2 trong nhóm các địa phương triển khai tốt công tác quản lý ATTP nông, lâm, thủy sản do Bộ NN&PTNT bình chọn và công bố<sup>3</sup>.

Trong các hoạt động QLNN về ATTP trên địa bàn TP. Cần Thơ, công tác truyền thông bảo đảm ATTP được thực hiện chủ động và tích cực, góp phần nâng cao ý thức của người tiêu dùng trong việc lựa chọn, sử dụng thực phẩm an toàn:

+ UBND TP. Cần Thơ đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình TP. Cần Thơ, Báo Cần Thơ phối hợp với các Sở: Y tế, Công thương, NN&PTNT tăng cường công tác thông tin, truyền thông về ATTP thông qua những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao kiến thức, thực hành trong sản xuất, chế biến, vận chuyển, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm. Đặc biệt trong công tác tuyên truyền luôn đảm bảo thực hiện hai chiều: tuyên truyền để mọi người hiểu và cùng tự giác thực hiện, đồng thời biểu dương những cơ sở thực hiện tốt, những cơ sở làm chưa tốt nhằm mục đích giáo dục.

---

<sup>2</sup> Thanh Tâm (2018), Quản lý an toàn thực phẩm tại Tp. Hồ Chí Minh có nhiều chuyển biến <https://congthuong.vn/quan-ly-an-toan-thuc-pham-tai-tp-ho-chi-minh-co-chuyen-bien-103489.html>

<sup>3</sup> Bích Hồng (2018), “Có 13 tỉnh, thành phố được xếp hạng quản lý tốt an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản <https://bnews.vn/co-13-tinh-thanh-pho-duoc-xep-hang-quan-ly-tot-an-toan-thuc-pham-nong-lam-thuy-san/82896.html>

+ Vận động hàng trăm doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống, các trường học và các đơn vị trên địa bàn treo băng rôn hưởng ứng các thông điệp bảo đảm ATTP dịp “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” hàng năm.

+ Đa dạng hóa các hoạt động, hình thức tuyên truyền: băng rôn, đĩa CD, tờ rơi, tranh cổ động, áp phích, báo với các thông điệp bảo đảm ATTP ... để phân bổ cho các đơn vị tuyến quận, huyện, xã, phường, thị trấn, các cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố và người tiêu dùng.

#### **1.4.2 Bài học kinh nghiệm cho thành phố Đà Nẵng**

Qua kinh nghiệm của các địa phương, có thể thấy rằng, mặc dù, mỗi địa phương đều còn tồn tại những vấn đề bất cập trong công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn mình quản lý, nhưng quá trình QLNN về ATTP vẫn có những mặt được mà Đà Nẵng có thể học hỏi, nghiên cứu áp dụng trong công tác QLNN về ATTP tại địa phương. Từ thực tiễn của các địa phương, có thể rút ra một số bài học có thể áp dụng trong điều kiện cụ thể của TP. Đà Nẵng là:

- Đối với công tác chỉ đạo, điều hành: Phải sâu sát và toàn diện.
- Đối với công tác tuyên truyền: Phải tập trung hướng vào đối tượng.
- Đối với công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm: Phải kiểm soát chặt từ gốc, xử lý nghiêm và triệt để.

#### **Kết luận chương 1**

Chương 1 trình bày một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, gồm: an toàn thực phẩm (khái niệm, vai trò), quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (khái niệm, vai trò, nguyên tắc, các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng và các tiêu chí đánh giá), nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và nghiên cứu bài học kinh nghiệm cho Đà Nẵng từ thực tiễn quản lý an toàn thực phẩm của một số địa phương cấp tỉnh của Việt Nam (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ).

Thông qua chương 1, đề tài có ba đóng góp quan trọng nhằm phát triển khung lý thuyết về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, gồm: phát triển khái niệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; phát triển các nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và các tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

## CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

### 2.1. Khái quát chung về thành phố Đà Nẵng

- **Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên:** Đà Nẵng là một trong năm TP trực thuộc TW của Việt Nam (được công nhận đô thị loại I năm 2003). Đà Nẵng nằm ở vào trung độ của đất nước với diện tích tự nhiên là 1.283,42 km<sup>2</sup>, cách Thủ đô Hà Nội 764km về phía Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 964 km về phía Nam. Đà Nẵng còn là trung điểm của 4 di sản văn hoá thế giới nổi tiếng là cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn và Rừng quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Địa hình TP. Đà Nẵng khá đa dạng: phía bắc là đèo Hải Vân hùng vĩ, vùng núi cao thuộc huyện Hòa Vang với núi Mang cao 1.708m, núi Bà Nà cao 1.487m. Phía đông là bán đảo Sơn Trà hoang sơ và một loạt các bãi tắm biển đẹp trải dài từ bán đảo Sơn Trà đến bãi biển Non Nước. Phía nam có núi Ngũ Hành Sơn. Ngoài khơi có quần đảo Hoàng Sa với ngư trường rộng lớn.

Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, chia 2 mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm khoảng từ 28°C đến 29°C.

- **Đơn vị hành chính:** Đà Nẵng có 8 đơn vị hành chính, gồm 6 quận và 2 huyện, với 56 đơn vị hành chính cấp xã (45 phường và 11 xã). Trừ Quận Cẩm Lệ, các quận của TP. Đà Nẵng đều giáp biển. Các quận nội thành chiếm diện tích 241,51 km<sup>2</sup>, các huyện ngoại thành chiếm diện tích 1.041,91 km<sup>2</sup>.

- **Dân số và lao động:** Tính đến năm 2017, dân số Đà Nẵng là 1.064.070 người với tuổi thọ trung bình là 75,9 tuổi. Trong đó, nam chiếm 49,4%, nữ chiếm 50,6%; dân số khu vực thành thị chiếm 87,6%, khu vực nông thôn chiếm 12,4%. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 567.646 người. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi là 3,97%. Trong đó, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực kinh tế nhà nước là 16,2%, khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 77,2% và khu vực đầu tư nước ngoài là 6,6%.<sup>4</sup>

- **Ẩm thực:** Đà Nẵng có nhiều khu chợ ẩm thực (Chợ Cồn, Chợ Hàn, Chợ Nguyễn Tri Phương, Chợ Đống Đa, Chợ đêm Hòa Khánh, Chợ đêm Helio, Chợ đêm Sơn Trà, Chợ đêm Lê Duẩn ... ) với nhiều món ăn ngon nổi tiếng như: Bánh

---

<sup>4</sup> Niên giám Thống kê thành phố Đà Nẵng năm 2017

tráng cuốn thịt heo, hải sản tươi sống, bún chả cá, bánh xèo, bún mắm, mì quảng, ốc, bánh canh, bánh kẹp, ... Đà Nẵng có các đặc sản nổi tiếng như chả bò, chả cá thu, Mực rim me, Mực khô, Mực xé ăn liền, Cá khô, Bò khô, Nai khô, Ghẹ sữa rim, Nước mắm Nam Ô, Mắm nêm, mắm ruốc, Rong biển Mỹ Khê, Tré bà Đệ, bánh mì ông Tí, Bánh khô mè Bà Liễu, Bánh dứa nướng, Kẹo đậu phộng, Trà sâm dứa...

- **Các kênh phân phối thực phẩm:** TP hiện có 6 trung tâm thương mại, 50 siêu thị lớn, nhỏ và 70 chợ truyền thống (gồm: 64 chợ dân sinh, 4 chợ tạm và 2 chợ đầu mối; chia theo hạng có: 8 chợ hạng 1, 18 chợ hạng 2 và 44 chợ hạng 3). Các chợ truyền thống là kênh phân phối thực phẩm chủ yếu tại Đà Nẵng.

- **Đặc điểm thị trường tiêu thụ thực phẩm tại Đà Nẵng:** Hằng năm, TP tiêu thụ khoảng 60.000 tấn thịt, sản phẩm chăn nuôi tại chỗ chiếm 10- 15%; tiêu thụ khoảng 70.000 - 80.000 tấn rau, quả, trong đó sản xuất khoảng 16.000 tấn (5% nhu cầu) nên phần lớn phải nhập từ các địa phương khác và nhập khẩu từ nước ngoài. Trong đó: Trên 90% sản lượng rau, trái cây mà TP tiêu thụ được nhập từ các tỉnh phần lớn thông qua Chợ đầu mối nông sản Hòa Cường (khoảng 110.000 tấn/năm) và chợ Hòa Khánh, các siêu thị. Để kiểm soát nguồn thực phẩm này, cuối năm 2016 TP. Đà Nẵng ban hành Quyết định 35/2016/QĐ-UBND về quản lý ATTP đối với sản phẩm rau, trái cây, thủy sản từ các tỉnh nhập vào tiêu thụ tại TP. Đà Nẵng; theo đó yêu cầu chủ hàng hoặc chủ phương tiện vận chuyển phải thực hiện kê khai về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm cho Ban Quản lý chợ đầu mối, Ban Quản lý ATTP thực hiện lấy mẫu ngay tại chợ đầu mối gửi phòng kiểm nghiệm kiểm tra tồn dư thuốc BVTV. Khoảng 80-85% sản lượng thịt tiêu dùng của TP được cung ứng từ các tỉnh lân cận thông qua việc nhập gia súc, gia cầm vào TP để giết mổ tại 8 cơ sở giết mổ tập trung (trong đó chủ yếu là tỉnh Bình Định, chiếm khoảng 70%), với số lượng giết mổ hàng đêm vào khoảng 1.800 con gia súc và 4.000 con gia cầm. Trong đó, Trung tâm giết mổ gia súc, gia cầm Đà Sơn, Đà Nẵng là cơ sở giết mổ lớn nhất của TP, chiếm khoảng 80-85% số lượng gia, súc, gia cầm giết mổ hàng đêm. Về đánh bắt thủy hải sản không chỉ đáp ứng được nhu cầu tại địa phương, trong nước mà còn đảm bảo số lượng chế biến xuất khẩu sang thị trường quốc tế.

## **2.2 Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018**

TP. Đà Nẵng là trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ của miền Trung và Tây Nguyên, hàng hóa nói chung và sản phẩm thực phẩm nói riêng nhập khẩu, sản xuất, phân phối và tiêu thụ tại TP ngày càng tăng, cho nên yêu cầu về công tác quản lý chất lượng thực phẩm phải kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả. Nhận thức được điều này, Thành ủy TP Đà Nẵng luôn xem ATTP là nhiệm vụ cấp bách, luôn có sự chỉ đạo quyết liệt trong công tác chỉ đạo tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác ATTP trong tình hình mới (*Chi thị 09-CT/TU ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Thành ủy Đà Nẵng*). Đặc biệt, Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành Đề án thực hiện Chương trình: “Thành phố 4 an” trên địa bàn Đà Nẵng đến năm 2020 (*Quyết định số 2526-QĐ/TU ngày 30 tháng 11 năm 2016*), trong đó có vấn đề đảm bảo ATTP cho người dân TP.

Để phân tích một cách sâu sắc thực trạng QLNN về ATTP tại TP. Đà Nẵng, đề tài tiếp cận thực trạng QLNN về ATTP theo thời gian với ba giai đoạn: Giai đoạn 1, giai đoạn 2 và giai đoạn 3, cụ thể:

+ **Giai đoạn 1:** Giai đoạn này kéo dài 6 năm từ 2011-2016. Đây là giai đoạn Luật An toàn thực phẩm bắt đầu có hiệu lực và TP. Đà Nẵng bắt đầu triển khai thực hiện Chi thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới. Đây cũng là giai đoạn mà vai trò đầu mối giúp việc cho Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP TP. Đà Nẵng và UBND TP. Đà Nẵng trong công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về ATTP trên địa bàn Đà Nẵng thuộc về 3 Sở: Y tế, Công thương và NN&PTNT.

+ **Giai đoạn 2:** Giai đoạn này kéo dài 1 năm (2017). Đây là giai đoạn TP. Đà Nẵng đẩy mạnh triển khai thực hiện Chi thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm QLNN về ATTP và Đề án thực hiện Chương trình “Thành phố 4 an” theo tinh thần Quyết định số 2526-QĐ/TU ngày 30/11/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về ban hành Đề án thực hiện Chương trình “Thành phố 4 an” trên địa bàn Đà Nẵng đến năm 2020. Giai đoạn này vai trò đầu mối giúp việc cho Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP thành phố Đà Nẵng và UBND thành phố Đà Nẵng trong công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai



thực hiện chính sách pháp luật về ATTP trên địa bàn Đà Nẵng vẫn thuộc về 3 Sở: Sở Y tế, Sở Công thương và Sở NN&PTNT.

+ **Giai đoạn 3:** Giai đoạn này kéo dài từ năm 2018 đến nay. Đây là giai đoạn mà vai trò đầu mối giúp việc cho Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP thành phố Đà Nẵng và UBND thành phố Đà Nẵng trong công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về ATTP trên địa bàn Đà Nẵng chuyển từ 3 Sở: Sở Y tế, Sở Công thương và Sở NN&PTNT về một đầu mối: Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng- được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 30/12/2017 theo Quyết định số 1268/QĐ-TTg ngày 25/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về *Thí điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng*.

## **2.2.1 Công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm.**

### **2.2.1.1 Giai đoạn 1**

Để cụ thể hóa các chỉ đạo từ cấp ủy Đảng, UBND TP. Đà Nẵng đã có những giải pháp quyết liệt và chỉ đạo sát sao trong công tác QLNN về ATTP trên địa bàn, cụ thể:

- Đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn công tác QLNN về ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng (*xem điểm 1, mục I, phụ lục 2*), trong đó có: 10 quyết định, 5 kế hoạch, 4 công văn hướng dẫn, và 1 chương trình phối hợp.

- Đã chỉ đạo các Sở chuyên môn, UBND các quận, huyện trong việc xây dựng và trực tiếp ban hành các văn bản liên quan đến công tác ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng (*xem điểm 2, mục I, phụ lục 2*), trong đó có: 2 quyết định, 5 kế hoạch và 19 công văn hướng dẫn.

- Đã thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP TP. Đà Nẵng.

- 100% cấp quận, huyện, xã, phường kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP, Chủ tịch UBND cùng cấp làm Trưởng ban và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP.

- Thành lập Tổ Công tác về ATTP trực thuộc Văn phòng UBND TP. Đà Nẵng.

- Tổ chức họp Ban Chỉ đạo và các cuộc họp chuyên đề về ATTP; Hội nghị triển khai Tháng hành động vì ATTP và triển khai các hoạt động trong Tháng hành động trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

- Tổ chức ký kết Chương trình phối hợp vận động giám sát bảo đảm ATTP giai đoạn 2016 - 2020 giữa UBND TP. Đà Nẵng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Đà Nẵng.

### **2.2.1.2 Giai đoạn 2**

Để cụ thể hóa các chỉ đạo từ cấp ủy Đảng, UBND TP. Đà Nẵng tiếp tục có những giải pháp quyết liệt và chỉ đạo sát sao trong công tác QLNN về ATTP trên địa bàn, cụ thể:

- Đã tiếp tục ban hành nhiều Quyết định, Kế hoạch, công văn về công tác quản lý ATTP trên địa bàn TP (xem điểm 1, mục II, phụ lục 2), trong đó có: 3 quyết định, 4 kế hoạch và 10 công văn hướng dẫn.

- Đã tiếp tục chỉ đạo các Sở chuyên môn, UBND các quận, huyện trong việc xây dựng và trực tiếp ban hành các văn bản liên quan đến công tác ATTP trên địa bàn TP (xem điểm 2, mục II, phụ lục 2), trong đó có: 1 quyết định, 8 kế hoạch và 8 công văn hướng dẫn.

### **2.2.1.3 Giai đoạn 3**

Thời gian này, UBND TP. Đà Nẵng tiếp tục có những giải pháp quyết liệt và chỉ đạo sát sao trong công tác QLNN về ATTP trên địa bàn, cụ thể:

- Đã tiếp tục ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để triển khai thực hiện chính sách pháp luật về ATTP trên địa bàn TP (xem điểm 1, mục III, phụ lục 2). trong đó có: 4 quyết định, 3 kế hoạch, 1 công văn hướng dẫn và 4 thông báo.

- Đã tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để triển khai thực hiện chính sách pháp luật về ATTP trên địa bàn TP (xem điểm 2, mục III, phụ lục 2), trong đó có: 9 quyết định, 25 kế hoạch và 4 công văn hướng dẫn (chia ra: Ban Quản lý An toàn thực phẩm đã ban hành: 7 quyết định, 17 kế hoạch và 1 công văn hướng dẫn; Sở NN&PTNT đã ban hành: 2 quyết định, 4 kế hoạch và 3 công văn hướng dẫn; các Sở, ngành, Mặt trận và các đoàn thể đã ban hành 4 kế hoạch.

- Đã ban hành Bộ tiêu chí xây dựng mô hình chợ đảm bảo đủ điều kiện ATTP.

- Đã chỉ đạo Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP TP. Đà Nẵng tổ chức các cuộc buổi thảo luận chuyên đề về quản lý ATTP tại các cơ sở giết mổ.

- Đã chỉ đạo Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng- cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP trên địa bàn- chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong đánh giá thực trạng, nhận diện các nguy cơ gây mất ATTP tại các chợ, các cơ sở giết mổ trên địa bàn, đối với rau và trái cây được nhập ngoại tỉnh;

- Đã chỉ đạo Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng tổ chức, phối hợp tổ chức các đoàn công tác khảo sát tại các tỉnh có nguồn thực phẩm cung ứng cho Đà Nẵng (khảo sát tại tỉnh Lâm Đồng- nơi cung ứng 40% sản lượng rau cho Đà Nẵng; khảo sát tại tỉnh Vĩnh Long- nơi cung ứng 20% sản lượng trái cây tiêu thụ cho Đà Nẵng; khảo sát vùng trồng rau tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai- nơi cung ứng khoảng 30% sản lượng rau tiêu thụ của Đà Nẵng; khảo sát vùng chăn nuôi tỉnh Bình Định- nơi cung ứng khoảng 70% sản lượng gia súc, gia cầm cho Đà Nẵng).

## **2.2.2 Công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm**

### **2.2.2.1 Giai đoạn 1**

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về ATTP được các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Cụ thể:

**(i) Ngành Y tế:** đã tổ chức 105 lớp tập huấn và xác nhận kiến thức ATTP với 3.942 người tham dự; thực hiện phát thanh 489 lần về ATTP trong đợt Tết Nguyên đán, Tháng hành động và tổ chức buổi nói chuyện về ATTP ở các khu dân cư với 7.072 người tham dự; Thực hiện treo 262 băng rôn, khẩu hiệu trên các tuyến đường, phát 6.000 tờ rơi. 7 quận, huyện tổ chức 61 lượt xe chạy truyền thông lưu động về ATTP. Tổ chức các lớp tập huấn, huấn luyện, hướng dẫn thực hiện các quy định về ATTP cho các đối tượng sản xuất, kinh doanh chế biến thực phẩm: tuyến TP có 31.211 người tham dự, trung bình 6.242 người/năm; tuyến quận, huyện có 21.936 người tham dự, trung bình 4.387 người/năm; tuyến xã, phường có 12.354 người tham dự, trung bình 2.470 người/năm.

**(ii) Ngành Công thương:** Đã tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn quản lý, kỹ thuật lấy mẫu về ATTP cho 60 cán bộ quản lý ngành Công thương; tổ chức Hội nghị về công tác bảo đảm ATTP đối với ban quản lý các chợ, siêu thị

và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn TP; tập huấn hướng dẫn ATTP khoảng hơn 1.100 thương nhân, tiểu thương; Đã triển khai ký cam kết bảo đảm ATTP tại 04 chợ và 22 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Đã xây dựng đĩa tuyên truyền về ATTP và tuyên truyền phổ biến kiến thức ATTP trên loa phát thanh tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.

**(iii) Ngành NN&PTNT:** Đã tổ chức tuyên truyền các tổ chức, cá nhân các hộ chăn nuôi ký cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; hướng dẫn các hộ nông dân sản xuất rau tại các vùng sản xuất tập trung thực hiện sản xuất rau an toàn; treo băng rôn tuyên truyền tại các chợ và các tuyến đường trọng điểm; phát 150 tờ rơi, 150 biểu mẫu ghi chép cho các hộ nuôi trồng thủy sản; Tổ chức 10 lớp tập huấn về ATTP với 940 người tham gia là chủ cơ sở và người lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; tuyên truyền trên loa truyền thanh xã, phường; ký cam kết đối với 103 cơ sở chăn nuôi, giết mổ và kinh doanh sản phẩm động vật.

**(iv) UBND các quận huyện:** đều xây dựng Kế hoạch truyền thông về ATTP riêng trên địa bàn quận hàng năm; Tổ chức Hội nghị và lễ phát động triển khai Tháng hành động vì ATTP hàng năm trên địa bàn mỗi quận, huyện.

**(v) Các cơ quan thông tấn, báo chí:**

**+ Đài Phát thanh- Truyền hình Đà Nẵng:**

Thành lập các chuyên mục: *Sống khỏe mỗi ngày, Sức khỏe cho mọi nhà, Cuộc sống muôn màu, Đà Nẵng phố* để tuyên truyền chủ trương của TP, hoạt động của các ngành chức năng trong công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn TP: giai đoạn 2011-2016: đã phát sóng 347 lượt, trung bình 69,4 lượt/năm.

**+ Các cơ quan báo đài trung ương và địa phương:** Phối hợp tuyên truyền về ATTP trên Đài VTV8 về chọn lựa thực phẩm an toàn. Thực hiện các bài viết tuyên truyền, bản tin trên các báo tại địa phương. Tuyên truyền trên loa phát thanh, đài phát thanh quận, huyện, phường, xã các nội dung liên quan về công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn TP (đã có 11.906 lượt tuyên truyền, trung bình 2.381,2 lượt/năm).

Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo Công an Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng, tạp chí chuyên đề Bản tin Sức khỏe cộng đồng, Bản tin Sức khỏe ....

### 2.2.2.2 Giai đoạn 2

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về ATTP được các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Cụ thể:

**(i) Ngành Y tế:** đã tổ chức 272 lớp xác nhận kiến thức về ATTP cho các chủ cơ sở, nhân viên trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm với 12.418 người tham dự.

**(ii) Ngành Công thương:** đã tổ chức tập huấn về ATTP cho Ban Quản lý chợ và khoảng 1300 hộ tiểu thương tại các chợ trên địa bàn quận Cẩm Lệ, Thanh Khê, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu, Hòa Vang. Xây dựng, xuất bản 2.000 Sổ tay tuyên truyền hướng dẫn thực hành tốt về ATTP ngành Công thương, 1.000 tờ rơi tuyên truyền phòng chống ngộ độc rượu do methanol; Phối hợp Công ty Quản lý Hội chợ triển lãm và các chợ Đà Nẵng tăng cường công tác tuyên truyền và kiểm tra, giám sát, ngăn chặn việc đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu tại các chợ và phòng chống ngộ độc thực phẩm do ăn cá nóc; phối hợp với Hội liên hiệp Phụ nữ TP. Đà Nẵng, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật TP. Đà Nẵng tổ chức hội thảo “An toàn thực phẩm đối với sức khỏe người dân”.

**(iii) Ngành NN&PTNT:** đã tổ chức 6 lớp tập huấn phổ biến quy định hiện hành của nhà nước về ATTP cho 275 chủ các cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, hướng dẫn 50 chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện quy định của pháp luật về ATTP, và 01 lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho 80 cán bộ cấp quận, huyện, xã, phường phụ trách công tác quản lý ATTP.

**(iv) Sở Thông tin và Truyền thông:** Tiếp tục tuyên truyền kết quả thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm QLNN về ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng; Tham mưu UBND TP. Đà Nẵng ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 06/01/2017 về truyền thông tổng thể về ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng giai đoạn 2017- 2020; Ban hành 13 công văn hướng dẫn, triển khai tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định về ATTP; Theo dõi, hỗ trợ, đôn đốc các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh truyền thông trong Tháng hành động vì ATTP năm 2017 (15/4/2017 - 15/5/2017) trên địa bàn TP. Phối hợp với Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm TP. Đà Nẵng triển khai treo 70 phướn, 23 băng rôn truyền truyền về Tháng hành động vì ATTP (từ ngày 21/4 - 05/5/2017); Đẩy mạnh truyền thông trong Tháng hành

động vì ATTP năm 2017 và Chương trình “Thành phố 4 An” trên địa bàn TP. Đà Nẵng; Đăng tải gần 1.200 tin, phóng sự, tác phẩm báo chí (trung ương và địa phương) đăng tải các nội dung liên quan về công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn TP; Đã có 3.469 lượt tra cứu cơ sở ATTP qua tin nhắn SMS và Zalo trong năm 2017; Phối hợp với các sở, ngành, quận, huyện liên tục cập nhật thông tin để đưa lên Kho dữ liệu ATTP tại địa chỉ (địa chỉ: [opendata.danang.gov.vn](http://opendata.danang.gov.vn)).

**(v) UBND các quận huyện:** hàng năm đều xây dựng các kế hoạch thực hiện công tác truyền thông về ATTP riêng trên địa bàn; Tổ chức Hội nghị và lễ phát động triển khai Tháng hành động vì ATTP hàng năm trên địa bàn mỗi quận, huyện.

**(vi) Các cơ quan thông tấn, báo chí:**

+ **Đài Phát thanh- Truyền hình Đà Nẵng:** Tiếp tục đưa tin và các phóng sự trong các chuyên mục: Sống khỏe mỗi ngày và Sức khỏe cho mọi nhà, đã phát 300 tin và 200 phóng sự; trong đó tuyên truyền chủ trương của TP, hoạt động của các ngành chức năng trong công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn TP. Duy trì phát các spot tuyên truyền trong tháng hành động vì ATTP hàng năm với tần suất 3-5 lần/ngày; Tập trung tuyên truyền công tác đảm bảo ATTP trong các sự kiện quan trọng tổ chức tại Đà Nẵng (như Tuần lễ Cấp cao APEC tại Đà Nẵng, ...). Trên sóng phát thanh, Đài thực hiện các chuyên đề: Chuỗi liên kết cung ứng thực phẩm sạch Đà Nẵng; Công tác quản lý nguồn hàng rau củ quả tại chợ đầu mối Hòa Cường; Vấn đề thực phẩm sau mưa lũ; Đường dây nóng ATVSTP của tổng đài 1022; ...

+ **Các cơ quan báo đài trung ương và địa phương:** Tiếp tục phối hợp tuyên truyền về ATTP trên Đài VTV8 về chọn lựa thực phẩm an toàn; Thực hiện các bài viết tuyên truyền, bản tin trên các báo tại địa phương; Tuyên truyền trên loa phát thanh, đài phát thanh quận, huyện, phường, xã các nội dung liên quan về công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn TP (gần 1.200 tin, phóng sự, tác phẩm báo chí đăng tải); Tuyên truyền trên báo, tạp chí, bản tin như Báo Công an Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng, tạp chí chuyên đề Bản tin Sức khỏe cộng đồng, Bản tin Sức khỏe ....

**(vii) Các ban, ngành, đoàn thể:**

+ **Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã:** phối hợp với ngành Y tế, ngành Nông nghiệp, Công thương tuyên truyền kiến thức về ATTP cho cán bộ làm công tác quản lý về ATTP, hội viên, người tiêu dùng và các khu dân cư, tổ dân phố trên toàn TP với 1.215 buổi

(lớp), 64.985 lượt người tham dự; Tổ chức 03 hội nghị tập huấn kiến thức ATTP, triển khai các văn bản và hướng dẫn công tác giám sát về ATTP cho cán bộ Mặt trận từ TP đến phường, xã với 318 lượt người dự.

+ **Hội Liên hiệp Phụ nữ TP. Đà Nẵng:** tổ chức 09 lớp tập huấn và 14 buổi tuyên truyền kiến thức và kỹ năng giám sát ATTP cho các chị báo cáo viên và cán bộ Hội viên phụ nữ các cấp với số lượng 1.490 chị. Hội phụ nữ cấp cơ sở tổ chức cuộc thi “Vệ sinh an toàn thực phẩm” tại 4 xã, phường (Hải Châu 1, Phước Ninh, Hòa Châu và Hòa Sơn), tổ chức 18 lớp tập huấn và 172 buổi sinh hoạt chuyên đề nhận biết thực phẩm an toàn cho 12.126 cán bộ, hội viên phụ nữ.

### 2.2.2.3 Giai đoạn 3

Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP tiếp tục được các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Cụ thể:

(i) **Ban Quản lý An toàn thực phẩm:** Đã phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các quận huyện, doanh nghiệp tổ chức Lễ mítting hưởng ứng “Tháng hành động vì ATTP năm 2018” với 450 người tham gia. Đã tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho 9.157 người. Đã tổ chức 10 lớp đào tạo nghiệp vụ (gồm 01 lớp đào tạo nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành ATTP cho 61 cán bộ TP, quận huyện tổ chức từ ngày 28/6/2018 đến ngày 18/7/2018; 01 lớp đào tạo kỹ thuật lấy mẫu thực phẩm cho 40 cán bộ TP, quận huyện, xã phường tổ chức từ ngày 06/6/2018 đến ngày 10/8/2018; 02 lớp tập huấn nghiệp vụ kỹ năng điều tra ngộ độc thực phẩm, phổ biến Nghị định 15/2018/NĐ-CP cho 160 cán bộ phụ trách công tác quản lý ATTP của các cấp TP, quận huyện và xã phường; 02 lớp tập huấn kỹ năng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính cho 150 cán bộ quận huyện, xã phường; 02 lớp tập huấn test nhanh, kỹ năng truyền thông cho 160 cán bộ quận huyện; 02 lớp phổ biến, tuyên truyền Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 cho 190 cán bộ quận, huyện; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Đà Nẵng tổ chức 04 lớp tập huấn cho các đối tượng là người quản lý và trực tiếp chế biến thực phẩm ở các trường mầm non, các trường tiểu học tại Đà Nẵng (với 320 người tham dự); 01 lớp phổ biến kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm (60 cơ sở tham gia); 01 lớp tập huấn phổ biến tiêu chí chợ an toàn, quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm trong bảo quản thực phẩm cho Ban Quản lý các chợ trên địa bàn TP (với 70 cán bộ tham dự); 02 lớp tập huấn tuyên truyền quy định, kiến thức về ATTP

cho 200 người ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh rượu; 02 lớp tập huấn phổ biến các văn bản pháp luật về ATTP cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm (đại diện 120 cơ sở tham dự); 03 hội thảo, hội nghị về ngộ độc thực phẩm cho chủ nhà hàng, khách sạn, xây dựng mô hình chợ đảm bảo điều kiện ATTP, hội nghị kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn giữa doanh nghiệp TP. Đà Nẵng và doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam, Đắk Lắk cho 240 người dự; 34 lớp tuyên truyền về kiến thức ATTP cho khoảng 2.000 chủ cơ sở, người lao động trực tiếp; 14 lớp tập huấn phổ biến, tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật, kiến thức về ATTP, sử dụng phụ gia thực phẩm, tiêu chí chợ ATTP cho 1.040 tiểu thương; 14 lớp phổ biến tuyên truyền Nghị định 115/2018/NĐ-CP cho 1.120 các cơ sở sản xuất chế biến kinh doanh thực phẩm do tuyến quận, huyện quản lý); 72 lớp tập huấn tuyên truyền; 03 hội thảo, hội nghị phổ biến, tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật, kiến thức về ATTP cho 5.931 lượt cán bộ phụ trách công tác quản lý ATTP tuyến TP, quận huyện, xã phường và các chủ cơ sở, người lao động sản xuất kinh doanh thực phẩm; treo 200 băng rôn; đăng 145 tin bài tuyên truyền, phản ánh hoạt động quản lý ATTP trên Trang thông tin điện tử của Ban; phát 15.000 tờ rơi tuyên truyền các quy định về ATTP...

**(ii) Sở NN&PTNT:** xác nhận kiến thức ATTP cho 180 nông dân, tổ chức 02 lớp tập huấn duy trì mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ cho 217 người, treo 87 pano, băng rôn, phát 220 lượt phát thanh và tuyên truyền về các quy định pháp luật cho 593 người kinh doanh, chủ tàu, xe ở chợ đầu mối Thủy sản Thọ Quang.

**(iii) UBND các quận huyện:** đã tổ chức việc cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho 8.356 người; đã tuyên truyền, phổ biến kiến thức ATTP cho 28.093 người, phát 3.130 lượt phát thanh, treo 720 pano, băng rôn, phát 20.127 tờ rơi; 343 tin bài phản ánh công tác QLNN về ATTP...

**(iv) Các cơ quan thông tấn, báo chí:**

+ **Đài Phát thanh- Truyền hình Đà Nẵng:** thực hiện phát sóng 150 phóng sự và 450 tin bài về lĩnh vực ATTP trên cả sóng phát thanh và truyền hình.

+ **Các cơ quan báo đài trung ương và địa phương:** Có gần 700 tác phẩm báo chí đăng tải các nội dung liên quan về đảm bảo ATTP, vệ sinh thực phẩm trên địa bàn TP. Đà Nẵng.

**(v) Các ban, ngành, đoàn thể:**



+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố, quận, phường: đã tổ chức 30 lớp tập huấn, 834 buổi tuyên truyền về ATTP cho 52.104 lượt người; treo 221 băng rôn, khẩu hiệu, phát 13.338 tờ rơi, viết 75 bài tuyên truyền.

+ Hội Nông dân các cấp thành phố, quận, phường: tổ chức 56 buổi tuyên truyền, 02 lớp tập huấn với 3.812 lượt người dự; tổ chức ký cam kết đảm bảo ATTP cho 1.493 hội viên.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp thành phố, quận, phường: tổ chức 96 lớp tập huấn với 9.098 người dự; 321 buổi truyền thông với 26.976 người dự; treo 71 băng rôn, pano, áp phích và cấp phát 450 tờ rơi; đăng 37 tin bài.

+ Hội Cựu chiến binh TP. Đà Nẵng: tổ chức 62 buổi tuyên truyền vận động hội viên và nhân dân thực hiện chương trình thành phố “4 an” với khoảng 11.600 lượt người tham dự.

+ Liên đoàn Lao động thành phố: hướng dẫn các cấp công đoàn thực hiện đúng quy định hiện hành về ATTP trong các bếp ăn tập thể; triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đến các doanh nghiệp có tổ chức bữa ăn cho người lao động theo hình thức bếp ăn tập thể hoặc ký hợp đồng nhận suất ăn sẵn.

## **2.2.3 Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm**

### **2.2.3.1 Giai đoạn 1**

#### **\* Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cấp ngành**

Đã tiến hành 36.304 lượt thanh tra, kiểm tra các cơ sở (trung bình 7.237,6 lượt/năm), trong đó có 2.038 cơ sở vi phạm chiếm tỷ lệ 5,6%, tổng số tiền phạt là 4.465.812.500 đồng. Cụ thể:

- Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm là nông lâm thủy sản, gia súc gia cầm: Đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 548 cơ sở, xử phạt 104 trường hợp vi phạm với số tiền là 147.802.000 đồng. Nội dung vi phạm chủ yếu là: sản xuất, kinh doanh hoạt động giết mổ mà không đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y theo quy định; kinh doanh thịt không có dấu kiểm soát giết mổ; tháo dỡ niêm phong phương tiện vận chuyên; vận chuyên sản phẩm là động vật mà không có giấy chứng nhận kiểm dịch; chăn nuôi tại địa điểm không được hoặc chưa được cấp phép; giết mổ tại địa điểm không được hoặc chưa được cấp phép; chăn nuôi không đảm bảo điều kiện về vệ sinh thú y.

- Trong lĩnh vực phân phối lưu thông: Đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 280 cơ sở, xử phạt 21 cơ sở với số tiền phạt 33.050.000 đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu là: không có Giấy tập huấn ATTP, không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

- Trong lĩnh vực kinh doanh ăn uống: Đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 4.150 cơ sở; có 319 cơ sở vi phạm chiếm tỷ lệ 7,7%; Xử phạt 38 cơ sở với số tiền phạt 45.450.000 đồng, cảnh cáo 281 cơ sở. Trong đó:

+ Tuyến TP kiểm tra 535 cơ sở; có 527 cơ sở đạt tiêu chuẩn, 8 cơ sở vi phạm chiếm tỷ lệ 1,5%; xử phạt 06 cơ sở với số tiền phạt 16.800.000 đồng, cảnh cáo 02 cơ sở.

+ Tuyến quận, huyện kiểm tra 832 cơ sở; có 797 cơ sở đạt tiêu chuẩn, 35 cơ sở vi phạm; xử phạt 27 cơ sở với số tiền phạt 26.250.000 đồng, cảnh cáo 08 cơ sở.

+ Tuyến phường, xã kiểm tra 2.783 cơ sở; có 2.507 cơ sở đạt tiêu chuẩn, 276 cơ sở vi phạm. xử phạt 05 cơ sở với số tiền phạt 2.400.000 đồng, cảnh cáo 271 cơ sở.

#### **\* Công tác giám sát ô nhiễm thực phẩm**

- Ngành NN&PTNT: Đã giám sát môi nguy ô nhiễm vi sinh và hóa học với 2.203 mẫu sản phẩm thực phẩm (trung bình 440,6 mẫu/năm); trong đó 234 mẫu không đạt (chiếm 10,6%). Đã kiểm soát ô nhiễm sinh học và hóa chất đối với thực vật, động vật và thủy sản (Thực vật: kiểm tra 574 mẫu (bình quân 114,8 mẫu/năm) về chỉ tiêu thuốc BVTV, hàm lượng Nitrat, hàm lượng kim loại nặng, vi sinh vật (Salmonella, Coliforms, E.coli), chất bảo quản, trong đó có 64 mẫu bị ô nhiễm vi sinh vật chiếm tỷ lệ 11,15%; Động vật: kiểm tra 325 mẫu (bình quân 65 mẫu/năm) về chỉ tiêu vi sinh, kháng sinh, chất bảo quản, kim loại nặng, hoocmol tăng trưởng chất cấm thuộc nhóm  $\beta$ -agonist, trong đó: 145 mẫu ô nhiễm vi sinh, 01 mẫu có chì; Thủy sản: kiểm tra 449 mẫu (bình quân 89,8 mẫu/năm) về chỉ tiêu kháng sinh, vi sinh, chất bảo quản, tạp chất, kim loại nặng, độc tố, đường tổng hợp Cyclamate. 11 mẫu không đạt (2,4%), trong đó: 5 mẫu bị nhiễm Salmonella; 01 mẫu bị nhiễm Choramphenicol; 04 mẫu có Urê; 01 mẫu thủy sản khô tồn dư Aflatoxin B1). Đã tiến hành giám sát ô nhiễm sinh học, hóa chất tồn dư trong thực phẩm nông lâm thủy sản, đã lấy 10 mẫu vật tư nông nghiệp, 145 mẫu thực phẩm để kiểm tra các chỉ tiêu về ATTP và chất lượng vật tư nông nghiệp. Qua phân tích, có 21/145 mẫu vi phạm

chỉ tiêu về ATTP gồm: 20 mẫu măng, dưa cải có chất Auramine O; 01 mẫu cá có chỉ tiêu S.aureus vượt mức giới hạn cho phép. Đã giám sát thủy sản nhập về Cảng cá Thọ Quang (65 mẫu).

- *Ngành Công thương*: Tiến hành lấy 28 mẫu thực phẩm (bún, mỳ, sợi phở, sợi bánh canh, bánh cuốn, chả, rươi) tại 18 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại các quận: Thanh Khê, Liên Chiểu và huyện Hòa Vang để xét nghiệm các chỉ tiêu hóa lý (formaldehyde, hàn the, natri benzoate, kali sorbate, tinopal, axit oxalic, Auramine O). Kết quả 27 mẫu đạt, 01 mẫu chả có hàm lượng natri benzoate vượt ngưỡng cho phép.

- *Ngành Y tế*:

+ Đã tiến lấy 29 mẫu nước uống đóng chai xét nghiệm chỉ tiêu hóa lý (E.coli, Liên cầu phân, P.aeruginosa). Kết quả 19 mẫu đạt, 10 mẫu không đạt (01 mẫu bị nhiễm 3 chỉ tiêu nêu trên; 02 mẫu nhiễm E.coli, Liên cầu phân; 7 mẫu nhiễm P.aeruginosa).

+ Đã kiểm tra xét nghiệm nhanh 66 mẫu thực phẩm (chả, bún, giăm ăng) về các chỉ tiêu hóa lý (hàn the, focmon, Axit lactic). Kết quả 66 mẫu đều âm tính (tại bếp ăn tập thể, nhà hàng).

+ Đã kiểm nghiệm các mẫu thực phẩm theo định kỳ hàng năm tại Trung tâm Y tế Dự phòng: **Về chỉ tiêu hóa lý**: xét nghiệm 212 mẫu (189 mẫu thực phẩm, 23 mẫu nước uống đóng chai). Kết quả 204 mẫu đạt (23 mẫu nước uống đóng chai, 181 mẫu thực phẩm), 8 mẫu thực phẩm không đạt chỉ tiêu Pb, Cd, Natribenzoate. **Về chỉ tiêu vi sinh**: xét nghiệm 321 mẫu (262 mẫu thực phẩm, 59 mẫu nước uống đóng chai). Kết quả 233 mẫu đạt (37 mẫu nước uống đóng chai, 196 mẫu thực phẩm), 88 mẫu không đạt (22 mẫu nước uống đóng chai nhiễm trực khuẩn mũ xanh, 66 mẫu thực phẩm nhiễm E.coli, Coliform).

**\* Công tác kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm**

- **Kiểm soát đối với thực phẩm cung ứng từ các tỉnh**: đã tổ chức ký kết với Sở NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng về cung ứng thực phẩm an toàn cho TP vào năm 2016.

- **Kiểm soát đối với rau an toàn**: Đã quy hoạch, đầu tư 05 vùng chuyên canh rau khoảng 90 ha tại huyện Hòa Vang và đưa vào sản xuất khoảng 30 ha, trong

đó có 03 vùng rau được chứng nhận VietGAP là: La Hường, Tuý Loan Tây và Yên Nê với diện tích sản xuất 14 ha.

- **Kiểm soát đối với gia súc, gia cầm:** Đã sửa chữa, nâng cấp, bảo đảm các điều kiện về vệ sinh thú y cho 08 cơ sở giết mổ tập trung; 04 cơ sở do Hợp tác xã quản lý được phép hoạt động với quy mô nhỏ đã được hỗ trợ hệ thống giết mổ treo nhưng phần lớn các cơ sở này vẫn chưa đảm bảo về vệ sinh môi trường. Hiện nay, hầu hết các hộ giết mổ nhỏ lẻ trên địa bàn Hòa Vang đã mang động vật đến các cơ sở giết mổ tập trung thực hiện giết mổ. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giết mổ tổ chức lại việc vận chuyển sản phẩm động vật sau giết mổ bằng xe chuyên dùng, đảm bảo được điều kiện vệ sinh thú y, ATTP từ khâu giết mổ, vận chuyển đến kinh doanh tiêu thụ.

- **Kiểm soát chuỗi thực phẩm an toàn (quy định tại Quyết định số 3075/QĐ-BNN-QLCL ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Bộ NN&PTNT):** Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho 03 đơn vị: Công ty TNHH MTV Khoa Hưng Thịnh, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Siêu thị CoopMart Đà Nẵng, Liên hiệp hợp tác xã Liên Thành ( *cửa hàng thực phẩm an toàn*); Cấp giấy xác nhận sản phẩm an toàn đối với 10 loại sản phẩm rau sản xuất tại cơ sở Tâm An Farm Hòa Khương.

**\* Công tác giám sát an toàn thực phẩm tại các Lễ, Hội, Hội nghị**

Giai đoạn 2011- 2016, ngành Y tế đã thành lập nhiều đoàn và tổ kiểm tra, giám sát ATTP trực tiếp tại tất cả các sự kiện lễ hội, hội nghị và tiệc chiêu đãi quốc tế tổ chức tại TP. Đà Nẵng và đảm bảo không để xảy ra sự cố về ATTP.

**\* Công tác kiểm soát an toàn thực phẩm tại các chợ**

Sở Công thương phối hợp với UBND các quận, huyện lập dự toán kinh phí sửa chữa nâng cấp chợ bảo đảm ATTP theo lộ trình: Đến nay đã xây dựng được 01 chợ bảo đảm ATTP (chợ Hàn).

Đã tổ chức ký cam kết bảo đảm ATTP đối với 04 chợ (chợ Hàn, chợ Cồn, chợ Đống Đa, chợ Đầu mối Hòa Cường) thuộc TP quản lý, 22 siêu thị và cơ sở phân phối. Ban quản lý chợ quận, huyện đã hoàn thành việc ký cam kết đối với các chợ theo phân cấp quản lý.

### **2.2.3.2 Giai đoạn 2**

**\* Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cấp ngành**

Các sở, ngành, các cấp đã tổ chức thanh, kiểm tra 14.672 cơ sở trong tổng số 15.830 cơ sở (chiếm tỷ lệ 92,7%). Kết quả có 13.711/14.672 cơ sở đạt yêu cầu (tỷ lệ đạt chiếm khoảng 93,5%), số cơ sở không đạt trong số các cơ sở tiến hành thanh, kiểm tra chiếm tỷ lệ khoảng 6,5%. Đã xử lý phạt tiền về hành vi vi phạm ATTP đối với 457 tổ chức, cá nhân số tiền 917.526.000 đồng và cảnh cáo 504 tổ chức, cá nhân, cụ thể:

- *Ngành NN&PTNT*: Tuyền TP đã kiểm tra 1.239 cơ sở (628 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, 47 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra 564 cơ sở cơ sở kiểm tra đánh giá phân loại theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT), 1.047 cơ sở đạt, xử lý phạt tiền 192 cơ sở vi phạm, với số tiền 308.200.000 đồng. Phòng Kinh tế tuyến quận, huyện kiểm tra 2.054/2.589 cơ sở, (tỷ lệ kiểm tra 79%) đạt 1.679 cơ sở, xử lý 31 cơ sở vi phạm với số tiền 80.600.000 đồng, cảnh cáo 344 cơ sở.

- *Ngành Công thương*: đã kiểm tra 261/370 cơ sở, đạt tỷ lệ kiểm tra 70,5%; số cơ sở đạt tiêu chuẩn ATTP 242/261 cơ sở, xử phạt 19 cơ sở số tiền 39.726.000 đồng. Chi cục Quản lý thị trường TP. Đà Nẵng đã kiểm tra, phát hiện và xử lý 498 vụ, tổng số tiền xử phạt là 978.512.000 đồng, trong đó xử lý 01 vụ phạt tiền 20 triệu đồng với hành vi nhập khẩu thực phẩm thuộc diện phải kiểm tra nhà nước về ATTP chưa có chứng thư thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu. Ngoài ra, có 03 vụ phạt bổ sung là tịch thu 4.414 chai rượu các loại và 32 lít rượu không có nguồn gốc, 01 vụ buộc tiêu hủy 786 kg nấm các loại nhập lậu.

- *Ngành Y tế*: Tuyền TP kiểm tra 1.399/1.399 cơ sở (đạt 100%), số cơ sở đạt tiêu chuẩn về ATTP: 1.342 cơ sở, xử lý 57 cơ sở, phạt tiền 208.800.000 đồng. Phòng Y tế quận, huyện đã triển khai công tác thanh kiểm tra ATTP năm 2017 được 2.056/2.132 cơ sở (đạt 96,4%), số cơ sở đạt tiêu chuẩn ATTP: 1.967 cơ sở, xử lý 86 cơ sở, phạt 178.350.000 đồng, cảnh cáo 03 cơ sở.

UBND xã, phường thanh, kiểm tra được 7.663/8.001 cơ sở (tỷ lệ kiểm tra đạt 95,8%), số cơ sở đạt tiêu chuẩn ATTP 7.434, xử lý 72 cơ sở, phạt tiền 101.850.000 đồng, cảnh cáo 157 cơ sở.

- *Phòng Cảnh sát môi trường Công an TP. Đà Nẵng*: Trong năm 2017, Công an TP mà nòng cốt là lực lượng Cảnh sát môi trường đã điều tra, phát hiện 92 vụ, phạt tổng số tiền: 677.350.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 8,4 tấn sản phẩm động vật

không rõ nguồn gốc xuất xứ, bốc mùi hôi thối, 800 kg giá đỗ, 356 ống thuốc kích thích tăng trưởng và 55 kg hóa chất của Trung Quốc, 120 kg chả có chất cấm, 01 tấn thức ăn chăn nuôi giả, 750 kg măng tươi có hóa chất cấm Vàng Ô, 70 kg bắp chuối xắt đã ngâm hóa chất, 300 kg sản phẩm động vật chết do bệnh, 55 gói bột nêm Knor, 15 gói bột ngọt Ajinomoto và hơn 13.000 bao bì bột ngọt giả, chuyên mục đích sử dụng 06 cá thể động vật (bò) bị bơm nước cường bức. Qua điều tra khảo sát phát hiện 240 hộ sản xuất rượu thủ công nhỏ lẻ trên địa bàn TP không có giấy phép, tiến hành thu 21 mẫu rượu kiểm tra chất lượng không phát hiện hàm lượng Methanol, Ethanol.

- Đội Cảnh sát Kinh tế- Môi trường, Công an các quận, huyện: Phát hiện 40 vụ, phạt tổng số tiền: 220.300.000 đồng, tịch thu tiêu hủy 02 tấn sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc xuất xứ, bốc mùi hôi thối, 300 kg sản phẩm động vật chết do bệnh, chuyên mục đích sử dụng 06 cá thể động vật (bò) bị bơm nước cường bức.

Các vụ vi phạm điển hình có thể kể đến như:

- ✓ 02 cơ sở kinh doanh măng tươi có sử dụng chất Vàng Ô (Cơ sở kinh doanh măng tươi của bà Lê Thị Bích Ngọc: 482/62 Hoàng Diệu, quận Hải Châu; Cơ sở kinh doanh măng tươi của bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung: thôn Túy Loan Tây 1, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang), xử phạt mỗi đối tượng 46.500.000 đồng, tiêu hủy 750 kg măng tươi có hóa chất;
- ✓ 02 cơ sở sản xuất giá đỗ có sử dụng hóa chất cấm (Cơ sở sản xuất giá đỗ của ông Nguyễn Văn Lự: 389/01/03 đường Cách Mạng Tháng 8, quận Cẩm Lệ; Cơ sở sản xuất giá đỗ của bà Phan Thị Kiều Vân: 629/03 Trường Chinh, quận Cẩm Lệ), xử phạt 02 cơ sở này tổng số tiền là 73.000.000 đồng, buộc tiêu hủy 500 kg giá đỗ có sử dụng hóa chất, 250 ống hóa chất Trung Quốc và đình chỉ hoạt động;
- ✓ 02 cơ sở sản xuất chả có sử dụng phụ gia cấm sử dụng trong sản xuất, chế biến (hàn the) để sản xuất chả bò, chả heo (Cơ sở sản xuất chả của ông Nguyễn Văn Cần: tổ 71 Khái Tây, phường Hòa Quý, Cơ sở sản xuất chả của ông Phạm Chín, địa chỉ: 31 Lê Hữu Trác, quận Sơn Trà) xử phạt 02 cơ sở này tổng số tiền là 70.000.000 đồng, buộc tiêu hủy 120 kg chả có hàn the, 0,6 kg hàn the và đình chỉ hoạt động cơ sở.

### \* Công tác giám sát ô nhiễm thực phẩm

- **Ngành NN&PTNT:** Giám sát ô nhiễm sinh học, hóa chất tồn dư trong thực phẩm nông lâm thủy sản: 522 mẫu/935 mẫu kế hoạch được giao (tỉ lệ giám sát đạt 55,8%). Đến 31/12/2017, đã có kết quả 497 mẫu, trong đó: mẫu đạt yêu cầu là 418 mẫu, mẫu không đạt là 55 mẫu. Cụ thể:

+ Đối với sản phẩm rau: Kiểm tra việc sử dụng thuốc BVTV tại 08 vùng sản xuất rau (Túy Loan Tây, Thạch Nham, Phước Hưng, Ninh An, Phú Nam, Yên Nê, Cẩm Nê, La Hường). Đã lấy 54 mẫu rau tại các vùng sản xuất rau trên địa bàn TP để kiểm tra dư lượng thuốc BVTV, đã có kết quả 48 mẫu, đều không phát hiện tồn dư thuốc BVTV. Đã thực hiện lấy 214 mẫu rau, trái cây để kiểm tra đa dư lượng thuốc BVTV, đạt 208 mẫu, 06 mẫu tồn dư hoạt chất thuốc BVTV vượt so với quy định (*01 mẫu xoài có nguồn gốc từ tỉnh Tiền Giang có tồn dư hoạt chất thuốc BVTV Carbendazim mức 2,0431 mg/kg; 01 mẫu ớt chuông có nguồn gốc từ tỉnh Lâm Đồng tồn dư hoạt chất Dimethomorph mức 2.648 µg/kg, Acetamiprid mức 361µg/kg; 01 mẫu dưa lê có nguồn gốc từ tỉnh Bình Định tồn dư hoạt chất Permethrin mức 135 µg/kg, 01 mẫu nho có nguồn gốc từ tỉnh Ninh Thuận tồn dư hoạt chất Cypermethrin với mức 1.719,4 µg/kg, 01 mẫu Cam Vinh (có nguồn gốc từ tỉnh Nghệ An), tồn dư hoạt chất Carbendazim với mức phát hiện 1,3735 mg/kg*).

+ Đối với thủy sản: lấy 138 mẫu thủy sản, đã có kết quả 132 mẫu, đạt 118 mẫu, 14 mẫu không đạt: Giám sát lấy 118 mẫu thủy sản tại Chợ đầu mối thủy sản Thọ Quang gửi phân tích các chỉ tiêu ATTP. Đã có kết quả 112 mẫu, đạt 98 mẫu, 14 mẫu không đạt: 06 mẫu thủy sản tồn dư Cadimi vượt giới hạn cho phép 50 µg/kg; 08 mẫu tồn dư Thủy ngân vượt giới hạn cho phép 500 µg/kg. Đã lấy 20 mẫu thủy sản kiểm tra chất lượng, tồn dư sinh học và hóa chất trong mẫu thủy sản trên tàu cá và các cơ sở nuôi trồng thủy sản. Trong đó: 10 mẫu tôm nuôi kiểm tra dư lượng kháng sinh Chloramphenicol và Enrofloxacin; 10 mẫu thủy sản trên tàu cá (06 mẫu cá kiểm chỉ tiêu S.aureus, E.coli; 02 mẫu mực kiểm Ethoxyquin; 02 mẫu tôm biển kiểm chỉ tiêu Ethoxyquin, Chloramphenicol).

+ Giám sát tồn dư hóa chất và ô nhiễm sinh học tại các cơ sở giết mổ, kinh doanh gia súc, gia cầm: Đã lấy 88 mẫu thịt (44 mẫu thịt heo, 21 mẫu thịt bò, 22 mẫu thịt gà). Đã có kết quả 79 mẫu trong đó: 35 mẫu không đạt chỉ tiêu về vi sinh. Đã

lấy 14 mẫu thức ăn chăn nuôi, 14 mẫu nước tiểu lợn để kiểm tra các chỉ tiêu về chất cấm Salbutamol, Clenbuterol. Đã có kết quả 18 mẫu, đều đạt yêu cầu.

+ Đối với thực phẩm đã qua chế biến (Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản): Đã lấy 71 mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản để kiểm tra các chỉ tiêu về ATTP, trong đó có 22 mẫu không đạt các chỉ tiêu ATTP. Chi cục đã có văn bản gửi các chủ cơ sở biết và yêu cầu thu hồi các sản phẩm thực phẩm không đảm bảo ATTP, thực hiện các biện pháp kiểm soát phù hợp trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm...

- **Ngành Công thương:** Đã lấy 134 mẫu thực phẩm như bánh mì, chả, thịt bò khô, rượu,... gửi xét nghiệm các chỉ tiêu về vi sinh vật và hóa lý. Kết quả có 58 mẫu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định, 76 mẫu không đạt yêu cầu. Các chỉ tiêu không đạt chủ yếu là *Coliforms*, *Staphylococcus aureus*, Tổng vi sinh vật hiếu khí, tổng số bào tử nấm nem - nấm mốc vượt ngưỡng cho phép, phát hiện chất cấm Hàn the trong sản phẩm Chả lụa (nhãn hiệu Minh Thu) và Khô bò xé (nhãn hiệu Hải Châu), hàm lượng Natri benzoat với hàm lượng 17,4mg/kg trong sản phẩm Khô bò phi lê (nhà phân phối Mai Nhạn); Đã xử phạt các cơ sở này với số tiền 39.726.000 đồng.

- **Ngành Y tế:** Trung tâm Y tế Dự phòng TP. Đà Nẵng đã kiểm tra, giám sát 383 mẫu thực phẩm nhập khẩu, kết quả đạt 100%; lấy mẫu giám sát gửi xét nghiệm tại labo: 305 mẫu thực phẩm, kết quả 283 mẫu đạt, 22 mẫu không đạt (gồm: 94 mẫu nước uống đóng chai, xét nghiệm chỉ tiêu E.coli, Liên cầu phân, P.aeruginosa. Kết quả 82 mẫu đạt, 12 mẫu không đạt và 211 mẫu thực phẩm lưu thông trên thị trường với kết quả 201 mẫu đạt, 10 mẫu không đạt trong đó 5 mẫu chả không đạt (03 mẫu không đạt chỉ tiêu natri benzoate, 01 mẫu không đạt chỉ tiêu kali sorbat, 01 mẫu không đạt cả hai chỉ tiêu natri benzoate và kali sorbat); 01 mẫu bò khô không đạt chỉ tiêu natri benzoate; 01 mẫu bánh kẹo không đạt cả hai chỉ tiêu natri benzoate và kali sorbat; 02 mẫu đồ uống không cồn không đạt cả hai chỉ tiêu natri benzoate và kali sorbat; 01 mẫu cà phê không đạt chỉ tiêu cafein); đã lấy mẫu kiểm tra xét nghiệm nhanh ngành Y tế: 4.498 mẫu thực phẩm các loại tại quán ăn, nhà hàng, khách sạn, kiểm tra chỉ tiêu hóa lý (hàn the, focmon, độ sạch bát đĩa, chất tẩy trắng, phẩm màu...), kết quả 4.470 mẫu đạt, 28 mẫu không đạt (chả xét nghiệm hàn the, độ sạch bát đĩa).



**\* Công tác kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm**

- **Kiểm soát đối với thực phẩm cung ứng từ các tỉnh:** Tăng cường phối hợp với các tỉnh thành cung cấp rau, thịt an toàn cho TP. Đến nay có hơn 13 nhà cung cấp rau an toàn của tỉnh Lâm Đồng tham gia cung ứng rau an toàn cho TP; Đã tổ chức Hội nghị ký kết cung ứng rau thịt, an toàn giữa UBND TP. Đà Nẵng và 5 tỉnh thành khác.

- **Kiểm soát đối với rau an toàn:** Đã kiểm tra việc sử dụng thuốc BVTV tại 08 vùng sản xuất rau trên địa bàn TP. Kết quả kiểm tra cho thấy, thuốc BVTV sử dụng tại các vùng sản xuất rau đều thuộc danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam và được dùng để phòng trừ sâu bệnh trên cây rau; được sử dụng theo nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc, đúng nồng độ liều lượng, đúng cách và đúng lúc); đảm bảo thời gian cách ly theo quy định của nhà sản xuất ghi trên bao bì; bao bì chai lọ thuốc BVTV đã qua sử dụng được thu gom đúng nơi quy định. Chưa phát hiện trường hợp sử dụng thuốc BVTV ngoài danh mục, thuốc cấm, thuốc không rõ nguồn gốc. Đã hướng dẫn nông dân sản xuất rau an toàn theo hướng VietGAP, thường xuyên cử cán bộ theo dõi, hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc BVTV, phân bón đảm bảo thời gian cách ly, an toàn và hiệu quả. Đã lấy 54 mẫu rau tại các vùng sản xuất rau trên địa bàn TP để kiểm tra dư lượng thuốc BVTV, đã có kết quả 48 mẫu, đều không phát hiện tồn dư thuốc BVTV.

- **Kiểm soát đối với gia súc, gia cầm:** Tổ chức các đoàn kiểm tra vệ sinh thú y và kiểm tra tại các cơ sở giết mổ động vật, kinh doanh sản phẩm động vật nhằm chấn chỉnh công tác vệ sinh thú y, quy trình kiểm soát giết mổ. Thực hiện việc lấy mẫu giám sát ATTP: Đã lấy 88 mẫu thịt (45 mẫu thịt heo, 21 mẫu thịt bò, 22 mẫu thịt gà) để các chỉ tiêu về chất cấm (Salbutamol, Clenbutero), ô nhiễm vi sinh vật (E.coli, Salmonella), kim loại nặng (Chì), kháng sinh (Sulfadimidine). Đã có kết quả kiểm tra 79 mẫu trong đó có 35 mẫu không đạt các chỉ tiêu vi sinh (13 mẫu không đạt Salmonella, 34 mẫu không đạt E.Coli). Chi cục cũng đã có công văn cảnh báo cũng như yêu cầu các hộ kinh doanh tại các chợ có mẫu không đạt các chỉ tiêu kiểm tra cần vệ sinh sạch sẽ dao, thớt, dụng cụ buôn bán và vệ sinh xung quanh khu vực bán hàng. Đã lấy 14 mẫu thức ăn chăn nuôi, 14 mẫu nước tiểu lợn để kiểm tra các chỉ tiêu về chất cấm Salbutamol, Clenbuterol. Đã có kết quả 18 mẫu, đều đạt yêu cầu.

- **Kiểm soát đối với thủy sản:** Đối với sản phẩm thủy sản qua cảng cá, có nguồn gốc được đánh bắt từ các vùng biển tập trung từ vĩ tuyến 15 (biển Đà Nẵng) đến vĩ tuyến 18 (vịnh Bắc bộ) và cách bờ từ 20 hải lý đến kinh tuyến 111, trong đó đánh bắt từ vĩ tuyến 16-18 chiếm đa số. Đối với sản phẩm thủy sản qua chợ cá: thủy sản khai thác có nguồn gốc từ Quảng Ngãi, Quảng Bình, Phú Yên, Bình Thuận, Vũng Tàu, Thừa Thiên Huế...; thủy sản nuôi có nguồn gốc chủ yếu từ Quảng Nam, Khánh Hòa, Đồng Tháp, Thanh Hóa và một số tỉnh khác.

- **Kiểm soát nông sản, thủy sản tại Chợ đầu mối Hòa Cường, chợ thủy sản Thọ Quang:** Bố trí cán bộ trực đêm để theo dõi, phối hợp với Ban quản lý chợ hướng dẫn các chủ cơ sở kinh doanh kê khai nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa rau, trái cây, thủy sản ngoại tỉnh nhập vào chợ theo đúng nội dung quy định tại Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND. Kết quả: tại Chợ Hòa Cường: lượng rau, trái cây nhập về chợ là 90.558 tấn rau, trái cây các loại, trong đó: 49.212 tấn rau từ 70 đơn vị cung cấp từ 10 tỉnh; 41.3461 tấn trái cây từ 92 nhà cung cấp trong nước từ 10 tỉnh và 07 đơn vị nhập khẩu. Tại Chợ thủy sản Thọ Quang: sản lượng thủy sản nhập vào TP. Đà Nẵng thông qua cảng cá, chợ cá là 88.725 tấn (trong đó thủy sản khai thác là 86.325 tấn và thủy sản nuôi là 2.400 tấn). Đến nay 100% tàu cá và xe ô tô vận chuyển đều thực hiện kê khai nguồn gốc xuất xứ sản phẩm theo quy định.

- **Kiểm soát chuỗi thực phẩm an toàn** (theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/7/2016 của Bộ NN&PTNT): Đã cấp giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho cơ sở cho 03 cơ sở: Công ty MM Mega Market Việt Nam, Công ty TNHH MTV Nông Bảo Ngọc, Công ty TNHH Tâm Nguyên. Lũy kế từ 2016 đến nay đã xác nhận được 6 cửa hàng chuỗi cung ứng rau an toàn.

**\* Công tác giám sát an toàn thực phẩm tại các Lễ, Hội, Hội nghị**

Ngành Y tế cũng đã tổ chức kiểm tra, giám sát bảo đảm ATTP đối với các sự kiện, lễ hội diễn ra trên địa bàn TP và không để xảy ra ngộ độc thực phẩm tại các sự kiện này: Giải bóng đá Futsal Quốc gia năm 2017; Buổi gặp mặt người nước ngoài nhân dịp Tết Nguyên đán 2017; tổ chức gặp gỡ giữa Thủ tướng và công nhân lao động nhân kỷ niệm 131 năm Ngày Quốc tế lao động 01/5; Lễ hội pháo hoa năm 2017; Chủ tịch nước đi kiểm tra công tác chuẩn bị cho Hội nghị APEC 2017; tổ chức Đại hội Du lịch Golf Châu Á năm 2017; Hội nghị Y học cổ truyền và thực phẩm chức năng Asean lần thứ 27. Tổ chức Hội nghị Bộ trưởng CLMVT lần thứ 2

về hợp tác lao động và Hội nghị Bộ trưởng Lào- Việt Nam lần thứ 5; Lễ hội Giao lưu Văn hóa Việt- Nhật năm 2017; Hội thảo và giao lưu công tác giữa Văn phòng Quốc hội hai nước Việt Nam- Lào; Diễn tập phòng chống khủng bố, bảo đảm an ninh cảng biển tại Đà Nẵng năm 2017; Chợ đêm Helio; Cuộc thi Marathon Quốc tế; Hội nghị Bộ trưởng CLMVT lần thứ 2 về hợp tác lao động và Hội nghị Bộ trưởng Lào- Việt Nam lần thứ 5; Tuần lễ cấp cao APEC 2017 từ 5-11/11/2017 tại Đà Nẵng.

**\* Công tác kiểm soát an toàn thực phẩm tại các chợ**

Tuyên TP đã kiểm tra 09 chợ đã đăng ký xây dựng chợ ATTP trong năm 2016, trong đó có 07 chợ công nhận 07 chợ đạt chuẩn chợ đạt ATTP gồm chợ Cẩm Lệ, Chợ Mới Hòa Thuận, Chợ Phú Lộc, Chợ An Hải Đông, Chợ Túy Loan, Chợ Đống Đa và Chợ Cồn; còn 02 chợ không đạt là chợ Hòa Khánh thuộc quận Liên Chiểu và chợ Non Nước thuộc quận Ngũ Hành Sơn.

Tuyên quận huyện: đã đăng ký xây dựng 19 chợ an toàn và đang triển khai thực hiện, gồm: Hải Châu 2 chợ, Sơn Trà 4 chợ, Cẩm Lệ 3 chợ, Thanh Khê: 3 chợ, Liên Chiểu 1 chợ, Hoà Vang 3 chợ, Ngũ Hành Sơn 3 chợ; Qua kiểm tra, đánh giá sơ bộ đến cuối năm 2017, có 12/19 chợ đăng ký cơ bản đáp ứng được yêu cầu chợ ATTP (các quận Hải Châu, Sơn Trà, Hòa Vang, Cẩm Lệ có đầu tư nâng cấp, cải tạo một số hạng mục chợ như cải tạo nền, hệ thống cống rãnh thoát nước, hệ thống điện, nhà vệ sinh, phân chia phân khu chức năng, sắp xếp lại có trật tự... để cơ bản đáp ứng là chợ ATTP).

Đã xây dựng Đề án “Xây dựng hệ thống quản lý thông tin kiểm soát thực phẩm trên địa bàn TP. Đà Nẵng”, giai đoạn 1: Thí điểm dán tem kiểm soát thực phẩm đối với sản phẩm không bao gói sẵn đang tiêu thụ tại chợ Hàn, Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Công thương đã thống nhất về nội dung Đề án và có văn bản trình xin chủ trương đầu tư dự án thực hiện trong năm 2018.

**2.2.3.3 Giai đoạn 3**

**\* Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cấp ngành**

Toàn TP đã kiểm tra 25.110 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trong tổng số 26.790 cơ sở, đạt tỷ lệ 93,73%. Kết quả có 24.510 cơ sở đạt yêu cầu (91,83%), xử phạt vi phạm hành chính 600 cơ sở (chiếm tỷ lệ 2,39%) với số tiền 1.923,74 triệu đồng, trong đó:

- **Ban Quản lý An toàn thực phẩm:** đã thanh tra, kiểm tra 2.057 trong tổng số 2.057 cơ sở được phân cấp (đạt 100%) và đã lấy 112 mẫu thực phẩm để kiểm tra, qua đó, đã phát hiện và xử phạt 83 cơ sở với số tiền xử phạt hành chính là 227,6 triệu đồng.

- **Sở NN&PTNT:**

+ Đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 724 cơ sở trong tổng số 1.024 cơ sở được phân cấp quản lý (chiếm tỷ lệ 70,7%), gồm: 539/603 tàu cá công suất máy chính từ 90CV trở lên; 125/361 tàu cá công suất máy từ 20CV đến dưới 90CV; 8/8 cơ sở giết mổ, 12/12 cơ sở chăn nuôi; 8/8 vùng rau, 10/10 cơ sở sản xuất rau, giá đỗ, 22/22 cơ sở nuôi trồng thủy sản) Kết quả kiểm tra đều đạt yêu cầu.

+ Đã thành lập 57 đoàn kiểm tra vệ sinh thú y, tổ chức kiểm tra 305 lượt cơ sở, hộ kinh doanh sản phẩm động vật, giết mổ, chăn nuôi, phát hiện và xử lý 142 trường hợp vi phạm với số tiền 288,75 triệu đồng. Nội dung vi phạm chủ yếu là không có tem VSTY, dấu KSGM; không đảm bảo điều kiện VSTY; không thực hiện điều kiện VSTY trong kinh doanh SPĐV, sử dụng thiết bị, vật chứa đựng SPĐV không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y; vận chuyển SPĐV không có giấy chứng nhận kiểm dịch, không đúng số lượng ghi trong giấy chứng nhận kiểm dịch...

+ Ngoài ra, còn kiểm tra 74 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp 944 cơ sở buôn bán thuốc BVTV, phân bón, giống cây trồng; 10 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp dùng trong nuôi trồng thủy sản; 20 cơ sở kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi), kết quả đều đạt yêu cầu, xử lý vi phạm 02 cơ sở kinh doanh thuốc thú y quá hạn sử dụng với số tiền 10 triệu đồng. Đồng thời lấy 59 mẫu vật tư nông nghiệp (gồm: 20 mẫu thuốc BVTV, 21 mẫu phân bón, 18 mẫu vật tư nông nghiệp dùng trong nuôi trồng thủy sản) để kiểm tra các chỉ tiêu về chất lượng, đã có kết quả 01 mẫu thức ăn thủy sản không đạt yêu cầu và đã xử lý vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo.

- **UBND các quận huyện, xã phường:** đã tiến hành kiểm tra 22.329 cơ sở trong tổng số 23.709 cơ sở được phân cấp quản lý (chiếm tỷ lệ 94,18%), qua đó, phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 198 cơ sở với số tiền 329,14 triệu đồng (xem phụ lục 4). Nội dung vi phạm chủ yếu là: Sử dụng khu vực chế biến, bảo quản, nơi ăn không đảm bảo vệ sinh; vi phạm quy định về điều kiện chung bảo đảm ATTP; không có đủ trang thiết bị, dụng cụ phù hợp theo quy định để xử lý nguyên

liệu; không đảm bảo ATTP trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; không thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng thuộc diện khám sức khỏe định kỳ; sản xuất thực phẩm không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; kinh doanh thực phẩm không phù hợp quy định ATTP; kinh doanh thực phẩm quá hạn sử dụng ghi trên bao bì, nhãn mác...

- **Lực lượng Quản lý thị trường TP. Đà Nẵng:** đã kiểm tra 308 cơ sở tại các chợ, các lò giết mổ trên địa bàn, các nhà hàng, cửa hàng ăn uống, các cơ sở sản xuất, kinh doanh rượu thủ công...; qua đó, phát hiện và xử phạt hành chính 55 trường hợp với số tiền 344,25 triệu đồng.

- **Lực lượng Cảnh sát môi trường Công an TP. Đà Nẵng:** đã điều tra phát hiện 122 vụ vi phạm ATTP, phạt tổng số tiền 734 triệu đồng.

#### **\* Công tác giám sát ô nhiễm thực phẩm**

Các cơ quan QLNN về ATTP của TP. Đà Nẵng đã tổ chức lấy 1.666 mẫu thực phẩm (Ban Quản lý ATTP lấy 1.259 mẫu thực phẩm; Sở NN & PTNT lấy 177 mẫu thực phẩm; quận huyện, xã phường lấy 230 mẫu thực phẩm gửi phòng kiểm nghiệm và lấy 2.360 mẫu thực phẩm để kiểm tra bằng phương pháp test nhanh các chỉ tiêu về ATTP) để kiểm tra các chỉ tiêu về ATTP. Cụ thể:

- **Đối với rau, củ, quả nhập từ ngoại tỉnh:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm đã lấy 384 mẫu rau, trái cây, trong đó: 270 mẫu rau, trái cây tại Chợ đầu mối Hòa Cường, 54 mẫu tại các chợ, 60 mẫu tại các cơ sở kinh doanh gửi phân tích tồn dư hoạt chất thuốc BVTV (trong đó có 09 mẫu tại chợ Hòa Khánh). Kết quả có 14 mẫu tồn dư thuốc BVTV vượt mức giới hạn cho phép, chiếm tỷ lệ 3,72%. Kết quả xử lý: Đã có văn bản gửi các chủ hàng và địa phương có sản phẩm tồn dư thuốc BVTV, Ban Quản lý Chợ đầu mối Hòa Cường có biện pháp ngăn chặn, không cho nhập vào chợ tiêu thụ sản phẩm bị phát hiện không an toàn trong thời gian 30 ngày theo quy định của Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND.

- **Đối với rau sản xuất trên địa bàn thành phố:** Sở NN&PTNT đã lấy 49 mẫu rau sản xuất tại các vùng rau trên địa bàn TP. Đà Nẵng để kiểm tra dư lượng thuốc BVTV (75 hoạt chất thuốc BVTV). Kết quả các mẫu đều đạt yêu cầu.

- **Đối với thịt tươi sống và sản phẩm động vật:** Các cơ quan QLNN về ATTP của TP. Đà Nẵng (Ban Quản lý An toàn thực phẩm, Sở NN&PTNT, các cơ quan chức năng cấp quận) đã lấy 186 mẫu thịt các loại để kiểm tra các chỉ tiêu về vi

sinh, chất tạo nạc, kháng sinh, kim loại nặng. Kết quả như sau: *Đối với việc kiểm tra các chất tạo nạc, tồn dư kháng sinh và kim loại nặng*: có 185/186 mẫu đều không phát hiện, chỉ có 01 mẫu thịt heo phát hiện tồn dư chì. *Đối với các chỉ tiêu vi sinh*: Có 72/186 mẫu nhiễm vi sinh vật vượt mức giới hạn cho phép, chiếm tỷ lệ 38,71%. Kết quả xử lý: Đã có thông báo gửi cơ sở và yêu cầu tạm dừng kinh doanh đối với lô hàng có mẫu phát hiện ô nhiễm vi sinh; điều tra nguyên nhân, thực hiện hành động khắc phục; tuân thủ và tăng cường công tác vệ sinh trong quá trình sản xuất, vận chuyển, bảo quản, kinh doanh thực phẩm tại các cơ sở. *Đối với chỉ tiêu vi sinh, vàng ô*: đã lấy 05 mẫu trứng tại các cơ sở kinh doanh, siêu thị để kiểm nghiệm. Kết quả đều đạt yêu cầu theo quy định.

- **Đối với thủy sản**: Ban Quản lý An toàn thực phẩm, Sở NN & PTNT đã thực hiện lấy 143 mẫu thủy sản (70 mẫu tại Chợ đầu mối thủy sản Thọ Quang, 22 mẫu tại các tàu cá, 20 mẫu các cơ sở nuôi trên địa bàn, 21 mẫu tại các chợ dân sinh, 10 mẫu tại cơ sở kinh doanh) gồm: 85 mẫu thủy sản khai thác gửi phân tích tồn dư kim loại nặng, vi sinh; 58 mẫu thủy sản nuôi trồng gửi phân tích tồn dư hóa chất, kháng sinh, vi sinh. **Kết quả**: Có 09 mẫu không đạt (chiếm tỷ lệ 6,29%), trong đó có 08 mẫu thủy sản khai thác tồn dư kim loại nặng (Thủy ngân, Cadimi), 01 mẫu thủy sản nuôi nhiễm vi sinh vượt giới hạn cho phép. **Kết quả xử lý**: Đã có thông báo gửi cơ sở biết và yêu cầu ngừng khai thác loại thủy sản (có kết quả không đạt) tại vùng biển đã khai thác; nhắc nhở và yêu cầu chủ cơ sở thực hiện vệ sinh khâu bảo quản, kinh doanh sản phẩm thủy sản nhằm khắc phục ô nhiễm vi sinh.

- **Đối với sản phẩm chế biến, sản phẩm khác**: Ban Quản lý An toàn thực phẩm, các quận huyện đã lấy 899 mẫu thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống, kinh doanh ở chợ để kiểm tra các chỉ tiêu về ATTP. Trong đó: *Nhóm sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật* (chả thịt, nem chua, tré, bò khô...) đã lấy 156 mẫu kiểm tra các chỉ tiêu về vi sinh, Hàn the, Natri nitrit. Kết quả có 04 mẫu không đạt (02 mẫu tré, 01 chả thịt nhiễm vi sinh và 01 mẫu chả thịt phát hiện hàn the), chiếm tỷ lệ 2,56%. *Nhóm sản phẩm chế biến có nguồn gốc thủy sản* (chả cá, cá mực tằm, mắm các loại, thủy sản khô...), đã lấy 77 mẫu kiểm tra các chỉ tiêu về vi sinh, kim loại nặng, phẩm màu, nấm mốc, hàn the. Kết quả có 03 mẫu chả cá phát hiện hàn the, chiếm tỷ lệ 3,9%. *Nhóm sản phẩm có nguồn gốc thực vật*, đã lấy 257 mẫu (măng chua, dưa cải, đậu khuôn, ớt bột, tương ớt, bột điều, cà phê) để

kiểm tra các chỉ tiêu về vàng ô, hàn the, nấm mốc, phẩm màu, kim loại nặng. Kết quả có 48 mẫu không đạt (47 mẫu ớt bột, 01 mẫu đậu phụng nhiễm nấm mốc và 01 mẫu mì vàng nhiễm vàng ô), chiếm tỷ lệ 18,68%. *Nhóm sản phẩm thức ăn ngay và đồ uống* (bánh các loại, thức ăn chế biến ở các nhà hàng, quán ăn, bún, mỳ, sữa từ các loại hạt, rượu thủ công, nước uống đóng chai, nước đá viên...) đã lấy 409 mẫu kiểm tra các chỉ tiêu về vi sinh, Hàn the, Natri nitrit. Kết quả có 19 mẫu không đạt (05 mẫu thức ăn, 05 mẫu nước uống đóng chai, 04 mẫu nước uống, 04 mẫu nước đá viên không đạt chỉ tiêu về vi sinh; 01 mẫu bơ đậu phụng không đạt chỉ tiêu nấm mốc), chiếm tỷ lệ 4,65%.

*(Đính kèm Phụ lục 3 về Kết quả giám sát ô nhiễm thực phẩm năm 2018)*

**\* Công tác kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm**

- **Kiểm soát đối với thực phẩm cung ứng từ các tỉnh:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm đã tổ chức đoàn công tác khảo sát tại tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Vĩnh Long, là các tỉnh cung ứng lần lượt là 40% sản lượng rau, 20% sản lượng trái cây tiêu thụ cho TP thông qua Chợ đầu mối nông sản Hòa Cường. Theo đó, Ban Quản lý An toàn thực phẩm và Sở NN & PTNT tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Vĩnh Long cùng thống nhất hàng năm sẽ có kế hoạch hợp tác cụ thể giữa 02 đơn vị nhằm: Chia sẻ thông tin về kết quả lấy mẫu giám sát ô nhiễm thực phẩm đối với rau, trái cây cung ứng cho TP; danh mục thuốc BVTV người trồng trọt sử dụng đối với từng chủng loại rau, trái cây để làm cơ sở cho Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm về tồn dư thuốc BVTV; phối hợp xây dựng chương trình hỗ trợ các cơ sở có sản phẩm đạt các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, minh bạch về nguồn gốc tiếp cận, quảng bá thương hiệu, sản phẩm đến người tiêu dùng TP. Sở NN&PTNT chủ trì phối hợp với Ban Quản lý ATTP khảo sát vùng trồng rau thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai (địa phương cung ứng khoảng 30% sản lượng rau tiêu thụ của TP) và khảo sát vùng chăn nuôi tỉnh Bình Định (địa phương cung ứng khoảng 70% gia súc, gia cầm cho TP).

- **Kiểm soát đối với thủy sản:** Đối với sản phẩm thủy sản qua cảng cá, có nguồn gốc được đánh bắt từ các vùng biển tập trung từ vĩ tuyến 15 (biển Đà Nẵng) đến vĩ tuyến 18 (vịnh Bắc bộ) và cách bờ từ 20 hải lý đến kinh tuyến 111, trong đó đánh bắt từ vĩ tuyến 16 – 18 chiếm đa số. Đối với sản phẩm thủy sản qua chợ cá: thủy sản khai thác có nguồn gốc từ Quảng Ngãi, Quảng Bình, Bình Thuận, Vũng

Tàu, Thừa Thiên Huế...; thủy sản nuôi có nguồn gốc chủ yếu từ Quảng Nam, Khánh Hòa, Đồng Tháp, Quảng Ninh và một số tỉnh khác.

- **Kiểm soát nông sản, thủy sản tại Chợ đầu mối Hòa Cường, chợ thủy sản Thọ Quang:** Tại chợ đầu mối Hoà Cường: Bộ trí cán bộ trực đêm để theo dõi, phối hợp với Ban quản lý chợ hướng dẫn các chủ cơ sở kinh doanh kê khai nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa rau, trái cây, thủy sản ngoại tỉnh nhập vào chợ theo đúng nội dung quy định tại Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND. Kết quả: tại Chợ Hòa Cường: tổng sản lượng rau, trái cây nhập về chợ là 92.176 tấn. Trong đó: có 45.141 tấn rau từ 70 đơn vị cung cấp của 10 tỉnh (trong đó khoảng 70% từ Lâm Đồng, Gia Lai); 47.035 tấn trái cây từ 136 nhà cung cấp trong nước của 10 tỉnh (chủ yếu Bến Tre, Cần Thơ, Hậu Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long) và 07 đơn vị nhập khẩu. Tại Chợ thủy sản Thọ Quang: tổng sản lượng thủy sản về chợ là 98.288 tấn. Trong đó: có 13.570 lượt tàu (đạt tỷ lệ 100%) thực hiện kê khai với sản lượng khai báo 91.781 tấn và 7.356 lượt ô tô kê khai (đạt tỷ lệ 100%) với sản lượng khai báo 6.507 tấn.

- **Kiểm soát chuỗi thực phẩm an toàn (theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/7/2016 của Bộ NN&PTNT):** Ban Quản lý An toàn thực phẩm đã xác nhận thêm 02 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nâng số cơ sở được xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn lên 05 cơ sở còn hoạt động (gồm: Công ty TNHH MTV TMDV Siêu thị Co.opMart Đà Nẵng, số 478 đường Điện Biên Phủ; Chi nhánh Công ty MM Mega Market Việt Nam tại Đà Nẵng, đường Cách mạng Tháng 8; Công ty TNHH MTV Nông Bảo Ngọc, số 817 Ngô Quyền; Siêu thị cá sạch- Công ty TNHH Nhật Tân Đông, số 509 đường Điện Biên Phủ; Cửa hàng kinh doanh - Hợp tác xã sản xuất rau an toàn La Hường, Kiôt số 13 chợ Cẩm Lệ) với 6 chuỗi cung ứng được xác nhận; Sở NN & PTNT xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm ếch nuôi an toàn của TP, đang được tiêu thụ tại Hợp tác xã Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ An Hải Đông, với sản lượng tiêu thụ 4-5 kg/ngày. Đối với các chuỗi cung ứng (rau, trái cây, thủy sản, thịt) đã được xác nhận trong năm 2016, 2017, Ban Quản lý ATTP cũng đã tăng cường kiểm tra, giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo: Kiểm tra và lấy 39 mẫu tại 02 cơ sở: Công ty MM Mega Market Việt Nam tại Đà Nẵng (19 mẫu: 01 mẫu thịt heo, 18 mẫu rau quả) và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opMart Đà Nẵng (20 mẫu rau).



**\* Công tác giám sát an toàn thực phẩm tại các Lễ, Hội, Hội nghị:** Ban Quản lý ATTP đã thành lập 27 đoàn và 08 tổ kiểm tra, giám sát ATTP trực tiếp tại 17 sự kiện lễ hội, hội nghị (gồm: Tiệc chiêu đãi người nước ngoài làm việc tại Đà Nẵng của UBND TP. Đà Nẵng nhân dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán; Chuyến thăm và giao lưu Tàu sân bay USS Carl Vinson Hoa Kỳ; Gặp mặt doanh nghiệp đầu xuân) và tiệc chiêu đãi quốc tế tổ chức tại TP. Đà Nẵng đảm bảo không để xảy ra sự cố về ATTP.

**\* Công tác kiểm soát an toàn thực phẩm tại các chợ:** Ban Quản lý ATTP đã thành lập 03 đoàn khảo sát với 33 lượt kiểm tra các chợ trên địa bàn TP; đã chủ trì, phối hợp với Sở Công thương trong việc nghiên cứu, tham mưu, trình UBND TP. Đà Nẵng ban hành “Bộ tiêu chí xây dựng mô hình chợ đảm bảo đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”. Bộ tiêu chí này là cơ sở để các ngành, địa phương, Ban quản lý các chợ triển khai, tổ chức thực hiện việc xây dựng các chợ đủ điều kiện ATTP; Sở Công thương đã thí điểm việc dán tem QR code (1,4 triệu tem) đối với một số thực phẩm được sản xuất tại Đà Nẵng đang bày bán tại chợ Hàn để làm căn cứ truy xuất nguồn gốc thực phẩm; Sở NN & PTNT chỉ đạo Ban Quản lý Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang vận động thương nhân đầu tư trang bị khung tên, bảng hiệu, palet, thùng bảo quản bảo đảm ATTP...

## **2.3 Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018**

### **2.3.1 Những mặt được**

#### **2.3.1.1 Về công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm.**

**Thứ nhất, công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhận được sự quan tâm rất lớn từ Chính phủ và Thành ủy Đà Nẵng.**

**- Sự quan tâm của Chính phủ:** Giai đoạn 2011-2018 đánh dấu sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ đối với công tác bảo đảm ATTP trên phạm vi cả nước. Nhiều văn bản mang tính chiến lược đã được ban hành để chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm ATTP (Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn thực phẩm; Quyết định 20//QĐ- TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, Chỉ thị số 13//CT-TTg ngày

09/5/2016 về việc tăng cường trách nhiệm QLNN về ATTP, ... ). Đối với công tác ATTP tại địa phương, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 13/5/2016 về việc tăng cường trách nhiệm QLNN về ATTP. Đồng thời, Chính phủ cũng quyết liệt chỉ đạo kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP các cấp do đồng chí Chủ tịch UBND cùng cấp làm Trưởng ban chỉ đạo, qua đó, đề cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu địa phương nếu không kiểm soát được ATTP của địa phương mình. Thủ tướng Chính phủ đã thường xuyên chỉ đạo trực tiếp qua các buổi họp Ban Chỉ đạo liên ngành, giao ban trực tuyến với các địa phương về công tác ATTP hoặc trực tiếp thị sát, kiểm tra tình hình ATTP tại một số điểm nóng, qua đó đã giải quyết dứt điểm các vụ việc nóng như: gà nhập lậu, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi (Salbutamol, vàng ô...) hay cá chết hàng loạt ở miền Trung do sự cố môi trường biển, các thông tin không chính xác liên quan đến nước mắm...

Riêng TP. Đà Nẵng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1268/QĐ-TTg ngày 25/8/2017 về *Thí điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng*. Với quyết định này, TP. Đà Nẵng là địa phương thứ hai của cả nước (sau TP. Hồ Chí Minh) được thí điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm trực thuộc UBND TP. Đà Nẵng, tạo điều kiện thống nhất đầu mối QLNN về ATTP trên địa bàn.

- **Sự quan tâm của Thành ủy:** Giai đoạn 2011-2018, Thành ủy đã có những chỉ đạo quyết liệt, sát sao đối với công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn: Chỉ đạo thành lập Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP do đồng chí Huỳnh Đức Thọ - Chủ tịch UBND TP. Đà Nẵng làm Trưởng ban; Ưu tiên bố trí về tài chính, nhân sự cho các hoạt động đảm bảo ATTP do ngành Y tế chủ trì [2,tr.1]; ban hành Chỉ thị 09-CT/TU ngày 04/10/2016 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác ATTP trong tình hình mới và Quyết định số 2526-QĐ/TU ngày 30/11/2016 về ban hành Đề án thực hiện Chương trình “Thành phố 4 an” trên địa bàn Đà Nẵng đến năm 2020. Điều này cho thấy, bên cạnh mục tiêu đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và an sinh xã hội thì ATTP là mối quan tâm lớn mà cả hệ thống chính trị TP. Đà Nẵng phải tập trung giải quyết trong giai đoạn hiện nay.

**Thứ hai, chính quyền thành phố rất tích cực trong công tác chỉ đạo, điều hành**

Chỉ trong 3 năm (2016-2018), UBND TP. Đà Nẵng đã ban hành nhiều Đề án quan trọng nhằm mục tiêu đảm bảo ATTP trên địa bàn TP: Đề án quản lý ATTP theo quy trình từ sản xuất đến tiêu dùng trên địa bàn TP. Đà Nẵng đến năm 2020 theo Quyết định số 8178/QĐ-UBND ngày 28/11/2016; Đề án quản lý thức ăn đường phố trên địa bàn TP. Đà Nẵng đến năm 2020 theo Quyết định số 8847/QĐ-UBND ngày 23/12/2016; Đề án Kiểm soát ATTP nông thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016- 2020 theo Quyết định số 4862/QĐ-UBND ngày 21/7/2016; Đề án cung ứng thủy sản an toàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2017- 2020 theo Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 và Đề án “Quy hoạch khu vực chăn nuôi quy mô nhỏ; kiểm soát giết mổ động vật, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng” theo Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 09/02/2018.

Bên cạnh đó, UBND TP. Đà Nẵng đã ban hành và chỉ đạo các cấp ban hành một số lượng lớn văn bản QLNN về ATTP trên địa bàn TP. Cụ thể, giai đoạn 2011-2018, đã ban hành 49 văn bản (gồm: 17 quyết định, 12 kế hoạch, 15 công văn, 5 văn bản khác) và chỉ đạo ban hành 81 văn bản (gồm: 12 quyết định, 38 kế hoạch, 31 công văn), được tổng hợp tại bảng .

Bảng 2.1. Kết quả ban hành và chỉ đạo ban hành  
văn bản quản lý về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng  
*DVT: văn bản*

Giai đoạn/ Năm	Số lượng văn bản đã ban hành					Số lượng văn bản đã chỉ đạo ban hành				
	Quyết định	Kế hoạch	Công văn	Khác	TỔNG	Quyết định	Kế hoạch	Công văn	Khác	TỔNG
2011-2016	10	5	4	1	20	2	5	19	0	26
2017	3	4	10	0	17	1	8	8	0	17
2018	4	3	1	4	12	9	25	4	0	38
TỔNG	17	12	15	5	49	12	38	31	0	81

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ các báo cáo của Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng)

Ngoài ra, công tác chỉ đạo, điều hành của UBND TP. Đà Nẵng cũng được tăng cường khi có dịch bệnh hoặc vào các giai đoạn cao điểm như tháng hành động về ATTP, Tết Trung thu, Tết Nguyên đán... hoặc khi có các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội trọng đại được tổ chức tại TP (APEC, ABG5, ...).

### **2.3.1.2 Về công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm**

#### **Thứ nhất, có sự vào cuộc đồng bộ của các ngành, các cấp**

Có nhiều cơ quan thực hiện, phối hợp thực hiện công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách về ATTP trên địa bàn Đà Nẵng: Ban Quản lý ATTP TP, Sở NN&PTNT; UBND các quận, huyện; Đài Phát thanh- Truyền hình Đà Nẵng; các cơ quan thông tấn, báo chí ở trung ương và địa phương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động TP. Đà Nẵng và cấp quận, phường.

#### **Thứ hai, các hoạt động giáo dục truyền thông là đa dạng, đặc biệt đề cao trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống và trách nhiệm của cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP**

Công tác giáo dục truyền thông được TP. Đà Nẵng xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đi trước một bước trong các hoạt động bảo đảm ATTP. Hoạt động này được thực hiện thông qua các hoạt động đa dạng như:

- Tổ chức đa dạng các hoạt động nâng cao kiến thức và thực hành về ATTP toàn xã hội, trong đó chú trọng vai trò của UBND cấp quận, phường, vai trò quản lý của các cơ quan chức năng, bên cạnh đó, đề cao trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, trách nhiệm của cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP.

- Các hoạt động tuyên truyền giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng được triển khai đồng bộ, bài bản, tập trung vào dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, Tết Trung thu, ...

- Duy trì và tổ chức hàng năm **Tháng hành động về An toàn thực phẩm**; duy trì định kỳ các chuyên mục trên Đài Phát thanh- Truyền hình TP. Đà Nẵng nhằm giúp người tiêu dùng tự nhận thức về những nguy cơ ATTP, chung tay cùng các cơ quan QLNN trong đảm bảo ATTP.

- Các cơ quan, đơn vị trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức đa dạng các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, phổ biến các qui phạm pháp luật về ATTP cho người dân và toàn xã hội như: tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, phát thanh, truyền hình, báo chí, các cuộc thi, các sản phẩm truyền thông như tờ gấp, poster, các video, băng đĩa hình....

- Công tác cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP và ký cam kết thực hiện các quy định về ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có giấy đăng ký chứng nhận kinh doanh được tiến hành thường xuyên, liên tục và đạt được kết quả khả quan. Tính đến hết năm 2018, 99,11% số cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể trên địa bàn TP được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP; 99,84% cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không có Giấy đăng ký kinh doanh và kinh doanh thức ăn đường phố được ký cam kết ATTP.

### **2.3.1.3 Về công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm**

#### **Thứ nhất, công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm được tăng cường**

TP đã thành lập 4 Đội phản ứng nhanh, lập số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận thông tin ngộ độc thực phẩm của người dân, các cơ sở y tế, các tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn TP; chủ động xây dựng phương án ứng phó khi xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, đặc biệt tập trung vào các bếp ăn tập thể, cơ sở thức ăn đường phố, khu du lịch, lễ hội, bữa ăn tập trung đông người; tổ chức 2 các lớp tập huấn nghiệp vụ kỹ năng điều tra ngộ độc thực phẩm cho cán bộ phụ trách công tác quản lý ATTP của cấp TP, quận huyện và xã phường...

Nhờ các giải pháp này, tình trạng ngộ độc thực phẩm trên địa bàn TP. giai đoạn 2011- 2018 được kiểm soát (chi tiết ở Bảng 2.2).

**Bảng 2.2. Tình hình ngộ độc thực phẩm tại Đà Nẵng giai đoạn 2011- 2018**

<b>Giai đoạn/Năm</b>	<b>Số vụ</b>		<b>Số người mắc</b>	<b>Số người tử vong</b>
	<b>Tổng</b>	<b>Trong đó, số vụ trên 30 người mắc</b>		
2011-2015	13	0	163	0
2016	1	0	6	0
2017	4	0	52	0
2018	0	0	0	0
<b>TỔNG</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>221</b>	<b>0</b>

*(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm và Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng)*

Cụ thể: giai đoạn 2011- 2018 trên địa bàn TP. chỉ xảy ra 18 vụ ngộ độc thực phẩm với 221 người mắc, không có ca tử vong, không có các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể trên 30 người. Bình quân mỗi năm có 2,25 vụ ngộ độc thực phẩm với khoảng 27 người mắc Nếu so với với cả nước <sup>5</sup> thì tình hình ngộ độc thực phẩm trên địa bàn TP. Đà Nẵng cơ bản được kiểm soát.

### **Thứ hai, công tác kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm đối với thực phẩm nhập từ ngoại tỉnh có nhiều chuyển biến**

Nếu ở giai đoạn 2011-2016 chỉ dừng lại ở việc tổ chức phát triển sản xuất và quản lý các cơ sở sản xuất thực phẩm, chưa quan tâm đến việc kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm, nhất là sản phẩm ngoại tỉnh thì từ cuối năm 2016 đến nay, công tác kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm đối với thực phẩm nhập từ ngoại tỉnh có nhiều chuyển biến. Cụ thể:

- *Đã ban hành quy định và thực hiện nghiêm việc kê khai nguồn gốc, xuất xứ các sản phẩm rau, trái cây, thủy sản nhập từ các tỉnh:* Từ năm 2016, UBND TP. Đà Nẵng đã ban hành Quyết định 35/2016/QĐ-UBND về quản lý ATTP đối với sản phẩm rau, trái cây, thủy sản từ các tỉnh nhập vào tiêu thụ tại TP. Đà Nẵng. Theo đó, tất cả các chủ hàng hoặc chủ phương tiện vận chuyển đều phải thực hiện việc kê khai nguồn gốc xuất xứ sản phẩm cho Ban Quản lý chợ đầu mối. Việc lấy mẫu để kiểm tra tồn dư thuốc BVTV được thực hiện ngay tại chợ đầu mối.

- *Đã bước đầu quan tâm đến kiểm soát từ gốc chất lượng thực phẩm cung ứng ngoại tỉnh:* Nhằm đảm bảo chất lượng thực phẩm cung ứng từ gốc thông qua việc tăng cường phối hợp với các tỉnh thành cung cấp rau, thịt an toàn cho TP, việc kiểm soát đối với thực phẩm cung ứng từ các tỉnh bắt đầu được thực hiện từ năm 2016 đến nay. Theo đó, nhiều hoạt động hợp tác đã được tiến hành:

+ Năm 2016, Sở NN&PTNT TP. Đà Nẵng đã tổ chức ký kết với Sở NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng về cung ứng thực phẩm an toàn cho Đà Nẵng.

+ Năm 2017, UBND TP. Đà Nẵng đã tổ chức Hội nghị ký kết cung ứng rau thịt, an toàn giữa với 5 tỉnh thành khác. Cũng trong năm 2017, có hơn 13 nhà cung cấp rau an toàn của tỉnh Lâm Đồng tham gia cung ứng rau an toàn cho TP. Đà Nẵng.

---

<sup>5</sup> Theo thống kê của Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế cho biết, trung bình mỗi năm Việt Nam có khoảng gần 170 vụ ngộ độc với hơn 5.000 người mắc, hơn 27 người chết do ngộ độc thực phẩm

+ Năm 2018, Ban Quản lý An toàn thực phẩm đã tổ chức đoàn công tác khảo sát tại các tỉnh Lâm Đồng (địa phương cung ứng khoảng 40% sản lượng rau cho Đà Nẵng) và Vĩnh Long (địa phương cung ứng khoảng 20% sản lượng trái cây tiêu thụ cho Đà Nẵng), đã đi đến thống nhất kế hoạch hợp tác cụ thể hàng năm giữa Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng với Sở NN & PTNT hai tỉnh nói trên. Cũng trong năm 2018, Sở NN&PTNT TP. Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý ATTP TP. Đà Nẵng khảo sát vùng trồng rau tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai (địa phương cung ứng khoảng 30% sản lượng rau tiêu thụ cho Đà Nẵng) và khảo sát vùng chăn nuôi tỉnh Bình Định (địa phương cung ứng khoảng 70% gia súc, gia cầm cho Đà Nẵng).

**Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện một cách thường xuyên, có sự phối hợp giữa các ngành, các cấp**

Công tác thanh, kiểm tra được phối hợp đồng bộ và tăng cường, đã phát hiện và xử lý nhiều vụ vi phạm pháp luật về chất lượng và ATTP qua đó góp phần ngăn chặn kịp thời các vi phạm của pháp luật về ATTP. Cụ thể: Giai đoạn 2011- 2016, tiến hành 36.304 lượt thanh tra, kiểm tra các cơ sở (trung bình 7.237,6 lượt/năm), trong đó có 2.038 cơ sở vi phạm chiếm tỷ lệ 5,6%, tổng số tiền phạt là 4.465.812.500 đồng. Năm 2017, tỉ lệ thanh kiểm tra toàn TP đạt 92%, tỉ lệ cơ sở đạt yêu cầu 94,3%, số cơ sở bị xử lý 1047 cơ sở (tăng 131 cơ sở so năm với năm 2016), số tiền phạt của các cấp ngành trên toàn TP là 2.575.388.000 đồng (tăng hơn 22 triệu đồng so với năm 2016). Năm 2018, toàn TP đã kiểm tra 25.110 cơ sở trong tổng số 26.790 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố được phân cấp quản lý (chiếm tỷ lệ 93,73%). Trong số đó, có 97,61% cơ sở đạt yêu cầu (tương ứng với 24.510 cơ sở), phát hiện và xử phạt 600 cơ sở với số tiền 1.923,74 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 2,39%).

Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành cũng được thực hiện một cách thường xuyên. Các cấp, các ngành thực hiện một cách đồng bộ trong công tác QLNN về ATTP, góp phần tích cực làm giảm nguy cơ xảy ra ngộ độc thực phẩm. Toàn TP không xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người, không có tử vong do ngộ độc thực phẩm gây ra.

Có sự phối hợp tốt giữa các cấp, các ngành liên quan trong hoạt động thanh tra, kiểm tra như Y tế, NN&PTNT, Công thương, UBND các cấp, lực lượng Cảnh

sát môi trường, lực lượng quản lý thị trường... Các cơ quan thông tấn báo, đài phát thanh, đài truyền hình tham gia tích cực vào các hoạt động thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền, đưa tin phản ánh kịp thời.

### **Thứ tư, công tác kiểm tra, giám sát việc duy trì điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn được quan tâm**

Từ năm 2016, việc xác nhận các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn bắt đầu được quan tâm thực hiện trên địa bàn TP. Đà Nẵng theo tinh thần Quyết định số 3075/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/7/2016 của Bộ NN&PTNT. Theo đó, tính đến hết năm 2018, Đà Nẵng có 05 cơ sở cung ứng thực phẩm an toàn với 6 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn được xác nhận.

Từ đó đến nay, công tác kiểm tra, giám sát các điều kiện duy trì hoạt động đảm bảo ATTP của các chuỗi này cũng đã được quan tâm. Năm 2018, tiến hành kiểm tra và lấy 39 mẫu tại 2 cơ sở (Công ty MM Mega Market Việt Nam tại Đà Nẵng với 19 mẫu, gồm 1 mẫu thịt heo và 18 mẫu rau quả và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opMart Đà Nẵng với 20 mẫu rau.

### **2.3.2 Những mặt chưa được**

#### **2.3.2.1 Về công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm.**

Mặc dù rất tích cực nhưng công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền TP vẫn chưa quyết liệt. Nhận định này cũng nhận được sự đồng tình của 46,5% (186 người) người dân đang sinh sống, học tập, làm việc tại TP. Đà Nẵng trong đợt khảo sát trực tuyến từ ngày 12/2/2019 đến ngày 12/6/2019 (phụ lục 6).

Sự chưa quyết liệt thể hiện ở các nội dung sau:

- Chưa quyết liệt trong việc thống nhất ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn TP: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chưa thật sự đồng bộ, số lượng văn bản còn quá nhiều (phụ lục 2), hệ thống thủ tục hành chính còn rườm rà, qua nhiều khâu (phụ lục 1).

- Chưa có chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn TP (chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản); chưa đẩy mạnh hiệu quả việc kết nối giữa cung và cầu từ các vùng sản xuất rau an toàn đến người tiêu thụ.



- Chưa quan tâm bố trí ngân sách để đầu tư trang thiết bị máy móc phục vụ việc kiểm nghiệm các chất cấm sử dụng trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm; trang bị phương tiện vận chuyển chuyên dùng phục vụ công tác QLNN về ATTP; chưa quan tâm bố trí ngân sách để đẩy nhanh việc xây dựng mô hình chợ đảm bảo điều kiện ATTP theo Bộ tiêu chí của UBND TP. Đà Nẵng ban hành.

- Chưa thật sự quan tâm đúng mức đến công tác cán bộ làm công tác ATTP cấp quận, huyện. Theo báo cáo của Ban chỉ đạo liên ngành, đội ngũ này đa số là kiêm nhiệm lại chưa được tập huấn, đào tạo, lại luân chuyển liên tục làm cho công tác quản lý ATTP đã khó lại càng khó thêm [2].

- Chưa có các giải pháp mang tính toàn diện để đảm bảo ATTP: Mỗi loại thực phẩm đều có chuỗi giá trị với các mắt xích là các nhà cung ứng từ khâu đầu vào cho đến khâu đầu ra. Mỗi mắt xích đều có vai trò quan trọng như nhau tạo nên chất lượng thực phẩm đến tay người tiêu dùng. Hay nói cách khác, để có thực phẩm an toàn đến tay người tiêu dùng thì phải đảm bảo an toàn tất cả các khâu mắt xích trong toàn bộ chuỗi thực phẩm. Tuy vậy, việc quản lý để đảm bảo an toàn trong tất cả các khâu của chuỗi chưa được thực hiện tốt. Việc hiểu như thế nào là an toàn ở từng khâu (đầu vào an toàn, sản xuất an toàn, thu gom an toàn, chế biến an toàn, phân phối an toàn) chưa được quy định rõ để làm cơ sở cho việc tổ chức quản lý.

### **2.3.2.2 Về công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm**

Hiệu quả công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về ATTP chưa cao. Thể hiện:

**Thứ nhất, ý thức của người tiêu dùng thực phẩm chưa cao:** Việc buôn bán, sử dụng hàng hóa thực phẩm không có nhãn mác, không rõ nguồn gốc trong quá trình sơ chế, chế biến sản phẩm thực phẩm vẫn còn tồn tại. Bên cạnh đó, nguồn hàng thực phẩm nhập vào TP. Đà Nẵng bằng nhiều con đường khác nhau với số lượng rất lớn, đa dạng, chất lượng chưa rõ, trong khi một bộ phận đáng kể người dân TP thu nhập còn thấp, có xu hướng lựa chọn thực phẩm giá rẻ, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không đảm bảo chất lượng. Cũng qua kết quả khảo sát, có một thực trạng là, người tiêu dùng, mặc dù vẫn rất quan tâm đến vấn đề ATTP (Bảng 2.3), rất lo ngại về chất lượng ATTP (Bảng 2.4) nhưng có đến 92,5% trong số họ vẫn lựa

chọn mua hàng ở những nơi không đảm bảo an toàn như chợ tạm, lề đường, hè phố (biểu đồ 2.1).

Bảng 2.3. Kết quả khảo sát về mức độ quan tâm của người dân Đà Nẵng về vấn đề an toàn thực phẩm (câu hỏi Q6)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rat quan tam	262	65.5	65.5	65.5
	Quan tam	102	25.5	25.5	91.0
	It quan tam	34	8.5	8.5	99.5
	Khong quan tam	2	.5	.5	100.0
	Total	400	100.0	100.0	

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát từ phần mềm SPSS)

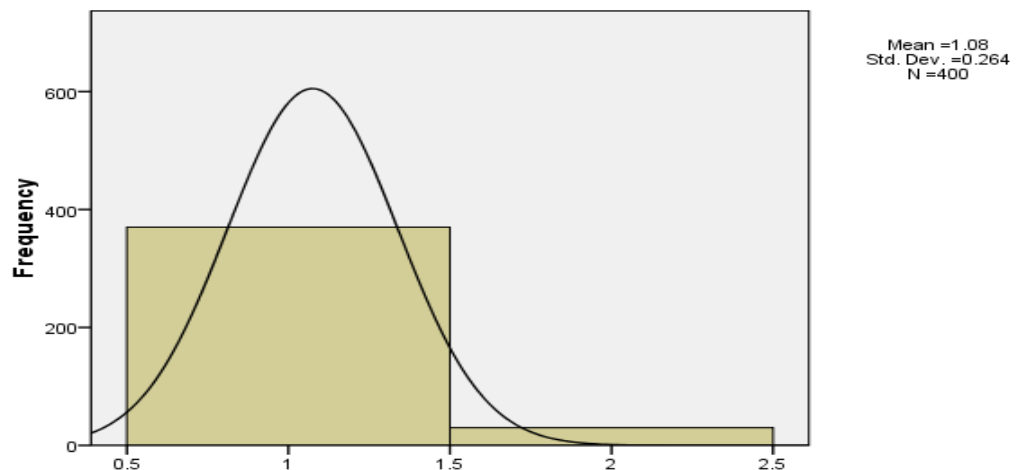
Bảng 2.4. Kết quả khảo sát về mức độ tin tưởng của người dân Đà Nẵng về tính an toàn của các loại thực phẩm mà họ dùng hàng ngày (câu hỏi Q7)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Tuyet doi tin tuong	8	2.0	2.0	2.0
	Rat tin tuong	21	5.2	5.2	7.2
	Tin tuong	208	52.0	52.0	59.2
	It tin tuong	149	37.2	37.2	96.5
	Khong tin tuong	14	3.5	3.5	100.0
	Total	400	100.0	100.0	

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát từ phần mềm SPSS)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Co	370	92.5	92.5	92.5
	Khong	30	7.5	7.5	100.0
	Total	400	100.0	100.0	

Histogram



Biểu đồ 2.1. Kết quả khảo sát về việc có hay không việc mua thực phẩm ở các địa điểm thuận tiện như chợ tạm, vỉa hè, đường phố (câu hỏi Q8)

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát từ phần mềm SPSS)

Theo đó, có 91% người được hỏi quan tâm đến vấn đề ATTP (*trong đó: rất quan tâm chiếm 65,5%, quan tâm chiếm 25,5%*), chỉ có 9% người được hỏi ít quan tâm hoặc không quan tâm đến vấn đề ATTP (*trong đó: ít quan tâm chiếm 8,5%, quan tâm chiếm 0,5%*). Trong số 400 người được hỏi, có 40,7% là ít tin tưởng hoặc không tin tưởng vào tính an toàn của các loại thực phẩm mà bản thân dùng hàng ngày (*trong đó: ít tin tưởng chiếm 37,2%, quan tâm chiếm 3,5%*). Tuy số người quan tâm đến vấn đề ATTP là cao (91%) và mức độ ít tin tưởng/ không tin tưởng là khá lớn (40,7%), nhưng có đến 370 trong tổng số 400 người được hỏi (chiếm 92,5%) vẫn mua thực phẩm ở các địa điểm thuận tiện như chợ tạm, vỉa hè, đường phố.

**Thứ hai, ý thức của tư thương về đảm bảo thực phẩm an toàn cũng chưa cao:** Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ do tuyến quận, huyện quản lý còn vi phạm về các điều kiện đảm bảo ATTP như cơ sở nhà xưởng xuống cấp, trang thiết bị còn lạc hậu, cũ kỹ; điều kiện cơ sở vật chất tại các cơ sở thức ăn đường phố còn tạm bợ, chưa đáp ứng các điều kiện đảm bảo ATTP; việc buôn bán sản phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ còn diễn ra ở các chợ tạm, chợ truyền thống.

**Thứ ba, ý thức của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cũng chưa cao:**

Kết quả khảo sát cho thấy, có 201 trong tổng số 400 người được hỏi cho rằng, một trong những nguyên nhân mất ATTP tại Đà Nẵng là do cán bộ, công chức những nhiều, tư lợi trong thực thi công vụ (Bảng 2.5).

Bảng 2.5. Kết quả khảo sát về nguyên nhân mất an toàn thực phẩm tại Đà Nẵng do cán bộ, công chức những nhiều, tư lợi trong thực thi công vụ

N	Valid	201
	Missing	199

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	CBCC con nhung nhieu, tu loi trong thuc thi cong vu	201	50.2	100.0	100.0
Missing	System	199	49.8		
Total		400	100.0		

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát từ phần mềm SPSS)

**Thứ tư, gần 50% người dân đang sinh sống, học tập, làm việc tại thành phố Đà Nẵng được khảo sát cũng cho rằng công tác tuyên truyền chưa thực sự hiệu quả**

Công tác tuyên truyền chưa hiệu quả là nhận định nhận được sự đồng tình của một bộ phận người dân đang sinh sống, học tập, làm việc tại TP. Đà Nẵng trong đợt khảo sát trực tuyến từ ngày 12/2/2019 đến ngày 12/6/2019 (Bảng 2.6).

Bảng 2.6. Kết quả khảo sát về nguyên nhân mất an toàn thực phẩm tại Đà Nẵng do công tác tuyên truyền chưa hiệu quả

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Công tác tuyên truyền chưa hiệu quả	195	48.8	100.0	100.0
Missing	System	205	51.2		
Total		400	100.0		

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát từ phần mềm SPSS)

Theo đó, khi được hỏi: “Thời gian qua vẫn xảy ra các trường hợp vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, theo Anh/Chị, đâu là những NGUYÊN NHÂN xuất phát từ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm”, có 48,8% (195 người trong tổng số 400 người được khảo sát) cho rằng: “Công tác tuyên truyền chưa hiệu quả” là một trong những nguyên nhân.

### **2.3.2.3 Về công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm**

**Thứ nhất, công tác kiểm tra, giám sát các điều kiện đảm bảo an toàn đối với các sản phẩm rau, quả, thịt, thủy sản tươi sống nhập từ các tỉnh còn bất cập**

Việc kiểm soát thực phẩm chỉ tập trung vào chợ đầu mối, trong khi ở các chợ dân sinh, chợ tạm, chất lượng thực phẩm do tiểu thương vận chuyển từ các địa phương lân cận để bán hàng ngày thì hầu như chưa có biện pháp để kiểm soát. Hiện việc kê khai và kiểm soát thực phẩm an toàn được thực hiện chủ yếu tại các chợ đầu mối. Trong khi đó, sản phẩm rau, quả, thịt, thủy sản tươi sống nhập từ các tỉnh về TP với số lượng rất lớn, đến các đối tượng sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, không đăng ký kinh doanh, thu mua từ nhiều cơ sở và không có hồ sơ nguồn gốc rõ ràng. Đó là chưa kể nhiều trường hợp tiểu thương buôn bán ở các chợ truyền thống đến từ các

vùng lân cận quanh TP. Đà Nẵng (Đại Lộc, Điện Bàn, Hội An, Thăng Bình thuộc tỉnh Quảng Nam; Nam Đông, Lăng Cô thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, ...) mang thực phẩm từ nơi họ sống đến bán tại chợ.

Bên cạnh đó, mặc dù, UBND TP. Đà Nẵng đã ban hành Quyết định 35/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 quy định quản lý ATTP đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản đã qua chế biến không bao gói sẵn và sản phẩm rau, trái cây, thủy hải sản nhập vào tiêu thụ tại TP, góp phần kiểm soát chất lượng ATTP đối với thực phẩm rau củ quả nhập vào TP. Tuy nhiên, việc thực hiện các quy định về ATTP tại các chợ thuộc tuyến quận huyện vẫn còn bất cập như cơ sở vật chất còn hạn chế, hệ thống cống rãnh thoát nước thải chưa đảm bảo, khả năng lây nhiễm khuẩn đến thực phẩm cao. Vẫn xảy ra tình trạng tư thương sử dụng các hóa chất bảo quản thực phẩm không rõ nguồn gốc, đặc biệt là với rau, củ, quả, nội tạng động vật [4].

### **Thứ hai, mức xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe**

Theo quy định hiện hành, tùy theo mức độ vi phạm mà các hành vi vi phạm về ATTP có thể bị xử lý hành chính theo quy định tại Nghị định 115/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/09/2018 về quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP hoặc bị xử lý hình sự theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cụ thể, pháp luật xử lý vi phạm pháp luật về ATTP quy định 3 hình thức xử lý là: **(1) Xử phạt vi phạm hành chính:** Những hành vi vi phạm quy định pháp luật về ATTP bị xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại các điều 22, 23, Luật Xử phạt Vi phạm hành chính năm 2012, gồm: các hình thức xử phạt chính (phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt trục xuất), các hình thức xử phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc không thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP) và các biện pháp khắc phục hậu quả (buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra; tái chế hoặc buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện; các biện pháp khắc phục hậu quả khác theo quy định của pháp luật); **(2) Xử lý hình sự:** Những hành vi vi phạm quy định pháp luật về ATTP gây nguy hiểm cho xã hội bị xử lý hình sự được quy định

tại các điều 193, 194, 195, 197, 240 và 317, Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, gồm: tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (tùy theo mức độ vi phạm thì bị phạt tù từ ít nhất 2 năm đến nhiều nhất là chung thân và các hình thức xử phạt bổ sung như bị phạt tiền đến 18 tỷ đồng; bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản (đối với cá nhân) hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, hoạt động ở một số lĩnh vực, cấm huy động vốn (đối với pháp nhân thương mại)); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (tùy theo mức độ vi phạm thì bị phạt tù từ ít nhất 2 năm đến nhiều nhất là tử hình và các hình thức xử phạt bổ sung như bị phạt tiền đến 20 tỷ đồng; bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản (đối với cá nhân) hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, hoạt động ở một số lĩnh vực, cấm huy động vốn (đối với pháp nhân thương mại)); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (tùy theo mức độ vi phạm thì bị phạt tù từ ít nhất 2 năm đến nhiều nhất là 20 năm và các hình thức xử phạt bổ sung như bị phạt tiền đến 15 tỷ đồng; bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản (đối với cá nhân) hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, hoạt động ở một số lĩnh vực, cấm huy động vốn (đối với pháp nhân thương mại)); Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người (tùy theo mức độ vi phạm thì bị phạt tù từ ít nhất 1 năm đến nhiều nhất là 12 năm và các hình thức xử phạt bổ sung như bị phạt tiền đến 100 triệu đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm; tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm (tùy theo mức độ vi phạm thì bị phạt tù từ ít nhất 1 năm đến nhiều nhất là 20 năm và các hình thức xử phạt bổ sung như bị phạt tiền đến 100 triệu đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm và (3) **Xem xét trách nhiệm dân sự:** Những hành vi vi phạm quy định pháp luật về ATTP tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự, còn phải bồi thường và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật (Điều 6, Luật ATTP).

Giai đoạn 2011-2018, trong các đợt thanh tra, kiểm tra về ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng đều phát hiện các trường hợp vi phạm (Bảng 2.7).

Bảng 2.7. Thống kê số lượng cơ sở vi phạm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018

Thời gian	Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố (cơ sở)	Số cơ sở/lượt kiểm tra	Số cơ sở vi phạm (cơ sở)	Tỷ lệ cơ sở vi phạm so với tổng cơ sở/lượt kiểm tra (%)
2011-2016	13.742 (thời điểm 2016)	36.304 lượt	2.038	5,60
2017	15.830	14.672 cơ sở	961	6,50
2018	26.790	25.110 cơ sở	600	2,39

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm và Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng)

Trong số các vi phạm đó, có thể kể đến các trường hợp hết sức nghiêm trọng, nguy hiểm đến sức khỏe người tiêu dùng nhưng vẫn chỉ dừng lại ở việc xử phạt hành chính. Có thể kể đến các trường hợp vi phạm điển hình như: phát hiện chất cấm hàn the trong sản phẩm Chả lụa (nhãn hiệu Minh Thu) và Khô bò xé (nhãn hiệu Hải Châu); phát hiện hàm lượng Natri benzoat cao trong sản phẩm Khô bò phi lê (nhà phân phối Mai Nhật); phát hiện 2 cơ sở kinh doanh măng tươi có sử dụng chất Vàng Ô (Cơ sở kinh doanh măng tươi của bà Lê Thị Bích Ngọc có địa chỉ tại 482/62 Hoàng Diệu, quận Hải Châu và Cơ sở kinh doanh măng tươi của bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung có địa chỉ tại thôn Túy Loan Tây 1, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang), 2 cơ sở sản xuất giá đỗ có sử dụng hóa chất cấm (Cơ sở sản xuất giá đỗ của ông Nguyễn Văn Lựu có địa chỉ tại 389/01/03 đường Cách Mạng Tháng 8, quận Cẩm Lệ; Cơ sở sản xuất giá đỗ của bà Phan Thị Kiều Vân có địa chỉ tại 629/03 Trường Chinh, quận Cẩm Lệ), 2 cơ sở sản xuất chả có sử dụng phụ gia cấm sử dụng trong sản xuất, chế biến (hàn the) để sản xuất (Cơ sở sản xuất chả của ông Nguyễn Văn Cần có địa chỉ tại tổ 71 Khái Tây, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn; Cơ sở sản xuất chả của ông Phạm Chín, địa chỉ tại 31 Lê Hữu Trác, quận Sơn Trà)...

Có thể khái quát kết quả xử lý vi phạm ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng như Bảng 2.8. Thông qua bảng này, có thể thấy mức xử phạt còn thấp: chỉ xử phạt hành chính với mức xử phạt bình quân 2.019.711 đồng/cơ sở vi phạm), không có trường hợp nào bị xử lý hình sự.

Bảng 2.8. Kết quả xử lý vi phạm an toàn thực phẩm trên địa bàn Đà Nẵng giai đoạn 2011-2018

Thời gian	Số trường hợp vi phạm	Xử phạt hành chính		Xử lý hình sự (trường hợp)
		Số tiền (đồng)	Bình quân	

			<b>mức xử phạt (đồng/trường hợp)</b>	
2011-2015	2.038	4.465.812.500	2.191.272	0
2016	1.280	2.547.090.000	1.989.914	0
2017	961	917.526.000	954.762	0
2018	600	1.923.740.000	3.206.233	0
<b>TỔNG</b>	<b>4.879</b>	<b>9.854.168.500</b>	<b>2.019.711</b>	<b>0</b>

*(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm và Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng)*

**Thứ ba, cơ sở để xem xét xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm chưa được đảm bảo, làm cho công tác thanh kiểm tra vẫn chưa thực sự tạo niềm tin về thực phẩm đảm bảo an toàn**

Để xử lý vi phạm về ATTP, các cơ quan chức năng thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra phải tổ chức lấy mẫu để kiểm nghiệm. Việc đưa ra kết luận thực phẩm mất an toàn hay không, các cơ sở có vi phạm định về ATTP hay không, chỉ có thể căn cứ vào kết quả kiểm nghiệm. Hiện Đà Nẵng đã thành lập Trung tâm Kiểm nghiệm thực phẩm chuyên sâu vào tháng 3/2019, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác gửi mẫu kiểm nghiệm, xử lý vi phạm trong quá trình thanh, kiểm tra, tuy nhiên, việc tổ chức công tác kiểm nghiệm trên địa bàn TP còn một số bất cập: (1) Nhiều chỉ tiêu cơ quan thanh tra, kiểm tra cần lấy mẫu kiểm nghiệm để có cơ sở xử lý vi phạm nhưng chưa có phòng kiểm nghiệm được chỉ định nào trong nước có thể thực hiện được, ví dụ: chỉ tiêu Natri benzoat đã được phát hiện một số cơ sở sử dụng trong chế biến chả thịt, tuy nhiên đến nay chưa có phòng kiểm nghiệm nào trong nước được chỉ định thử nghiệm. (2) Khả năng kiểm tra dư lượng thuốc BVTV của các phòng thí nghiệm được chỉ định tối đa 96 chỉ tiêu hoạt chất thuốc BVTV, nhưng trên thị trường hiện nay có rất nhiều loại thuốc BVTV với nhiều hoạt chất khác nhau nên khó khăn trong công tác kiểm soát ATTP đối với sản phẩm rau củ quả. (3) Thực tế kiểm tra, có nhiều hóa chất nguy hiểm được sử dụng với hàm lượng cao, sai mục đích làm ảnh hưởng sức khỏe người sử dụng nhưng các chất này nằm ngoài danh mục hóa chất độc hại trong quy định của nhà nước, do đó, không có cơ sở xử phạt. Điều này cũng đồng nghĩa rằng trong một số trường hợp, cơ quan chức năng vào cuộc thanh tra, kiểm tra nhưng không bị xử phạt thì chưa hẳn kết luận chính xác là thực phẩm mà cá nhân, tổ chức đó sản xuất, kinh doanh đảm bảo an toàn.



Những khó khăn này cho thấy, dù công tác thanh tra, kiểm tra hiện nay có kết luận cơ sở được thanh, kiểm tra là không vi phạm các điều kiện ATTP thì thực phẩm tại các cơ sở này vẫn chưa thể đảm bảo tuyệt đối an toàn.

#### **Thứ tư, các điều kiện phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát an toàn thực phẩm còn hạn chế**

Báo cáo của Ban chỉ đạo liên ngành về An toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng và Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng cho thấy các điều kiện về nhân sự và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo ATTP còn những hạn chế nhất định.

- **Về nhân sự:** QLNN về ATTP là lĩnh vực có tính chất công việc phức tạp, đòi hỏi phải có kinh nghiệm công tác và nắm vững quy định pháp luật xuyên suốt. Tuy nhiên, thời gian qua đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách về ATTP ở tuyến quận, huyện chưa được ổn định và còn thiếu. Do thiếu cán bộ chuyên trách, công tác kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (12.031 cơ sở) thuộc tuyến quận, huyện quản lý còn hạn chế, chỉ tiến hành kiểm tra thăm định cấp giấy chứng nhận do Phòng Kinh tế quận, Phòng Kinh tế - Hạ tầng cấp quận, huyện [2]. Bên cạnh đó, phần lớn cán bộ làm nhiệm vụ quản lý ATTP chỉ được đào tạo, tập huấn kiến thức qua các lớp ngắn ngày, chưa được đào tạo chuyên ngành. Hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ATTP ở quận, huyện đều kiêm nhiệm, không chuyên trách, vị trí công việc không ổn định, nên chuyên môn hạn chế [2].

- **Về phương tiện đi lại:** Chưa có xe chuyên dùng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, lấy mẫu giám sát ATTP, khảo sát vùng sản xuất nông sản ở các tỉnh cung ứng cho TP.

- **Về máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác thử nghiệm, lấy mẫu thực phẩm:** Máy móc kiểm nghiệm hiện chưa đáp ứng nhu cầu kiểm nghiệm các chỉ tiêu hoạt chất thuốc BVTV ngoài danh mục chỉ định (hiện chỉ có 96 chỉ tiêu) [3]. Bên cạnh đó, trang thiết bị cần thiết để thu thập mẫu thực phẩm của lực lượng Cảnh sát môi trường (như máy giám định nhanh, thiết bị test nhanh mẫu, thiết bị đo kiểm nghiệm, ...) hiện còn thiếu [3].

#### **2.3.3 Nguyên nhân của những bất cập**

Qua nghiên cứu tình hình tại TP. Đà Nẵng, có thể thấy, những bất cập trên xuất phát từ một số nguyên nhân như sau:

Thứ nhất, trên 80% sản lượng rau quả, thủy sản và thịt mà TP tiêu thụ được nhập từ ngoại tỉnh về các chợ đầu mối và cơ sở giết mổ tập trung bởi các chủ vừa thu gom từ nông hộ nhỏ ở các địa phương khác.

Thứ hai, hoạt động ở các chợ, cơ sở giết mổ, cơ sở kinh doanh thực phẩm, thức ăn đường phố, ... hoạt động chủ yếu vào ban đêm.

Thứ ba, quản lý ATTP là nhiệm vụ khó khăn với khối lượng công việc lớn nhưng lực lượng cán bộ QLNN về ATTP phần lớn kiêm nhiệm lại thường luân chuyển, trong khi Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng mới được thí điểm thành lập từ cuối năm 2017.

Thứ tư, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chưa thật sự đồng bộ, số lượng văn bản còn quá nhiều do 3 ngành: Y tế, NN&PTNT, Công thương cùng ban hành văn bản quản lý đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý nên khó khăn cho địa phương trong triển khai thực hiện.

## **Kết luận chương 2**

Chương 2 đã mô tả khái quát về thành phố Đà Nẵng, đã mô tả, phân tích và đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến nay tập trung vào 3 nội dung: Công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; Công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm và Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm. Theo đó, tác giả đã chỉ ra 8 thành công và 6 bất cập trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Trong đó, nội dung thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm được phân tích trên cả 5 phương diện: Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cấp ngành; Công tác giám sát ô nhiễm thực phẩm; Công tác kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm; Công tác giám sát an toàn thực phẩm tại các Lễ, Hội, Hội nghị và Công tác kiểm soát an toàn thực phẩm tại các chợ.

Thông qua chương 2, đề tài có một đóng góp quan trọng đó là đã đánh giá được những mặt được và chưa được của thực trạng công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng hiện nay, làm cơ sở để nghiên cứu và đề xuất các giải pháp ở chương 3.

### CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

#### 3.1 Bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng

Các quốc gia đang đầu tư và nghiên cứu sử dụng các thực phẩm (chiếu xạ, biến đổi gen), sử dụng chất kích thích tăng trưởng, sử dụng kháng sinh ... để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Bên cạnh đó, sự biến đổi khí hậu làm cho Trái đất nóng lên, vấn đề ô nhiễm môi trường sống ... làm tăng nguy cơ ngộ độc thực phẩm do vi sinh vật gây ra. Nếu không có sự kiểm soát tốt thực phẩm nhập khẩu thì việc sử dụng các thực phẩm này sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân TP. Đà Nẵng.

Ở trong nước, đảm bảo ATTP được xem yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo sức khỏe nhân dân và phát triển giống nòi. Bên cạnh đó, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO, đòi hỏi các địa phương phải tăng cường hơn nữa công tác bảo đảm ATTP của địa phương mình để thực hiện nghĩa vụ của các nước thành viên (các biện pháp về ATTP và kiểm dịch động vật, thực vật (SPS), ...). Ngoài ra, tình trạng tư thương vì lợi nhuận, bất chấp sức khỏe cộng đồng, vi phạm đạo đức kinh doanh trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm (như việc lạm dụng kháng sinh trong chăn nuôi, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, sử dụng phụ gia ngoài danh mục cho phép, quá liều lượng cho phép...) làm mất niềm tin của người tiêu dùng.

Những vấn đề trên có những ảnh hưởng nhất định đến công tác QLNN về ATTP tại thành phố Đà Nẵng- thành phố du lịch thu hút gần 8 triệu lượt khách tham quan mỗi năm, trong đó khách quốc tế hơn 2 triệu lượt/năm (*năm 2018: thu hút 7,6 triệu lượt khách tham quan, trong đó có 2,875 triệu lượt khách quốc tế*<sup>6</sup>; trong 7 tháng đầu năm, TP. Đà Nẵng đón hơn 5 triệu lượt khách, trong đó gần 1,9 triệu khách

---

<sup>6</sup> <https://conghuong.vn/da-nang-dat-muc-tieu-don-81-trieu-luot-khach-du-lich-trong-nam-2019-115180.html>

quốc tế<sup>7</sup>)- cũng là thị trường nhập khẩu và là thị trường xuất khẩu một số mặt hàng thực phẩm cho các địa phương và các nước trên thế giới.

Xem xét bối cảnh trong nước và quốc tế sẽ là cơ sở để đề xuất những giải pháp để hoàn thiện công tác QLNN về ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng, góp phần hoàn thành mục tiêu đảm bảo ATTP như Đề án “Thành phố 4 an” đã đề ra.

## **3.2 Quan điểm đảm bảo an toàn thực phẩm ở Việt Nam và thành phố Đà Nẵng**

### **3.2.1. Quan điểm của Trung ương**

Vấn đề VSATTP được Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm nhưng chỉ thực sự được luật hóa từ năm 2010, đánh dấu bằng sự ra đời của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 17/06/2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2011.

Sau khi Luật An toàn thực phẩm chính thức có hiệu lực, ngày 21/10/2011 Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Chỉ thị số 08-CT/TW của về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới. Theo đó, có 3 nhiệm vụ cần tập trung thực hiện tốt: *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm”, “Nâng cao năng lực và chất lượng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm” và “Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến thực sự về hành vi vi phạm an toàn thực phẩm, đẩy mạnh xã hội hóa công tác an toàn thực phẩm”.*

Trong đó, phải *“chú trọng việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, tổ chức thực hiện đồng bộ hiệu quả các chính sách và pháp luật về an toàn thực phẩm. Sớm ban hành chiến lược quốc gia về an toàn thực phẩm đến năm 2020 và đẩy nhanh việc hướng dẫn thực hiện Luật An toàn thực phẩm và các quy chuẩn về an toàn thực phẩm; nghiên cứu phát hiện, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các quy định liên quan cho phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế; phân định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương. Tăng cường kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định của pháp*

---

<sup>7</sup> <http://www.nguoiitieudung.com.vn/da-nang-da-dang-hoa-san-pham-du-lich-de-thu-hut-khach-d77563.html>

*luật liên quan đến an toàn thực phẩm. Kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm. Cùng cố tổ chức, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.”*

Ngày 04/01/2012, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011- 2020 và tầm nhìn 2030 (Quyết định số 20/QĐ-TTg) đặt mục tiêu đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 là: “Đến năm 2020: Về cơ bản, việc kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước” và “Đến năm 2030, công tác an toàn thực phẩm được quản lý một cách chủ động, có hiệu quả dựa trên các bằng chứng và thực hiện kiểm soát theo chuỗi; 100% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm; 100% cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm”.

Theo Chiến lược này, đến năm 2020, Việt Nam phải hoàn thành các chỉ tiêu cụ thể: “95% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, 100% người quản lý, 80% người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm”; “Các tỉnh có dân số từ 1 triệu người trở lên có phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn ISO 17025”, “100% cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm quy mô công nghiệp, tập trung được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; tỉ lệ cơ sở sản xuất, bảo quản, sơ chế, chế biến thực phẩm quy mô tập trung áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm như GMP, HACCP, ISO 9001, ISO 22000... đạt ít nhất 80%; 70% cơ sở chế biến nông sản, 100% cơ sở chế biến thủy sản thực phẩm quy mô công nghiệp áp dụng quản lý chất lượng theo HACCP, GMP, GHP (Thực hành vệ sinh tốt), đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm; 80% cảng cá, tàu cá từ 90 mã lực trở lên, cơ sở sản xuất nước đá độc lập phục vụ chế biến thủy sản, cơ sở thu mua nguyên liệu, cơ sở sơ chế nông lâm thủy sản đạt quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và áp dụng các chương trình quản lý chất lượng như GMP, SSOP (Quy phạm vệ sinh chuẩn); 100% tỉnh, thành phố phê duyệt và triển khai quy hoạch và đảm bảo điều kiện cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất thực phẩm an

*toàn (tập trung vào đối tượng rau, chè, thịt và thủy sản tiêu thụ nội địa); 100% vùng nuôi thủy sản chủ lực, tập trung có sản lượng hàng hóa lớn phục vụ cho chế biến công nghiệp; 80% vùng nuôi nhỏ lẻ được giám sát dư lượng hóa chất độc hại; 60% diện tích sản xuất rau, chè áp dụng VietGAP (Quy định của Việt Nam về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt)”; “80% cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, 100% bếp ăn tập thể được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; 80% chợ được quy hoạch và kiểm soát an toàn thực phẩm (không bao gồm chợ tự phát)”; “Giảm 30% số vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính từ 30 người mắc trở lên được ghi nhận so với trung bình giai đoạn 2006 - 2010. Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận dưới 7 người/100.000 dân”.*

Năm 2017, sau hơn 6 năm thực hiện Luật An toàn thực phẩm, Chính phủ đã có báo cáo số 211/BC-CP ngày 18/5/2017 về tình hình thực thi chính sách, pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2016. Báo cáo đã đề ra mục đích đối với công tác quản lý ATTP trong tình hình mới và các chỉ tiêu cần đạt đến năm 2020, cụ thể:

+ Về mục đích quản lý ATTP: “Vấn đề an toàn thực phẩm phải được kiểm soát trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm; phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm song song với phát triển sản xuất, kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước”

+ Về các mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt đến năm 2020: “Giảm 5% số vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính từ 30 người mắc trở lên được ghi nhận so với trung bình giai đoạn 2011-2015; Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính: dưới 7 người/100.000 dân; 100% phòng thử nghiệm của các tỉnh có dân số trên 1 triệu dân đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005; 80% người sản xuất, chế biến, 80% người kinh doanh thực phẩm, 80% người tiêu dùng và 85% người quản lý, lãnh đạo có kiến thức đúng và thực hành đúng về an toàn thực phẩm; Tiếp tục đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị cho một số Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ), trọng tâm là các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; Tỷ lệ mẫu vượt mức cho

phép/tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm nông sản  $\leq 6\%$ ; Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm thủy sản  $\leq 4\%$ ; 100% các tỉnh/thành phố Trung ương có mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm”.

Điều này cho thấy, đảm bảo ATTP là một trong những ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

### **3.2.2. Quan điểm của chính quyền thành phố Đà Nẵng**

Về phía chính quyền TP. Đà Nẵng, ATTP là một trong bốn mối quan tâm hàng đầu của TP hiện nay. Ngay từ năm 2016, chính quyền TP. Đà Nẵng đã quyết tâm xây dựng Đà Nẵng là TP văn minh, hiện đại, được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP. Đà Nẵng lần thứ XXI nhiệm kỳ 2016-2020. Trên cơ sở Nghị quyết này, Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Đề án thực hiện Chương trình “Thành phố 4 an” trên địa bàn Đà Nẵng đến năm 2020 kèm theo Quyết định số 2526-QĐ/TU ngày 30/11/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy (gọi tắt là Đề án “Thành phố 4 an”).

Theo đó, Đề án “4 an” đặt mục tiêu chung là *“Cân đối các nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, xây dựng thành phố Đà Nẵng giàu đẹp, an bình, văn minh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác phòng ngừa và đấu tranh đẩy lùi tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiếp tục nâng cao chất lượng an sinh xã hội”*<sup>8</sup>.

Trong đó, mục tiêu cụ thể về ATTP là: *“Về an toàn thực phẩm, Đà Nẵng tổ chức tuyên truyền, phổ biến để 100% người quản lý, người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống có kiến thức và thực hành đúng các quy định về an toàn thực phẩm, hướng đến thành phố an toàn về tiêu dùng và vệ sinh an toàn thực phẩm; có biện pháp để 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ*

---

<sup>8</sup> Trích Đề án thực hiện Chương trình “Thành phố 4 an” trên địa bàn Đà Nẵng đến năm 2020 (Quyết định số 2526-QĐ/TU ngày 30/11/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng).

*phải cam kết và thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; xây dựng và phát triển nguồn nguyên liệu sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; thúc đẩy áp dụng rộng rãi mô hình VietGap và các mô hình sản xuất an toàn khác; kiểm soát chặt chẽ hàng hoá lưu thông, phân phối, ngăn chặn thực phẩm giả, nhập lậu, gian lận thương mại; tăng cường phòng, chống ngộ độc thực phẩm; không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính từ 30 người mắc trở lên; không chế tỷ lệ người mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận dưới 6 người/100.000 dân”.<sup>9</sup>*

Điều này cũng cho thấy, chính quyền TP. Đà Nẵng rất quan tâm đến công tác đảm bảo ATTP cho người dân và du khách đến với Đà Nẵng.

### **3.3 Giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng**

#### **3.3.1 Về công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm**

**Mục tiêu của giải pháp:** Giải pháp này nhằm tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng.

**Nội dung của giải pháp:** Để thực hiện giải pháp, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cần đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành công tác QLNN về ATTP trên địa bàn thành phố theo hướng:

**Thứ nhất,** phải xác định thật rõ vai trò của từng chủ thể trong quá trình thực hiện mục tiêu đảm bảo ATTP cho TP. Đà Nẵng, cụ thể:

+ Phải xem cán bộ, công chức là lực lượng quyết định sự thành công của mục tiêu xây dựng TP đảm bảo ATTP, từ đó, định hướng các hoạt động để nâng cao ý thức, tinh thần, trách nhiệm, kỷ cương của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ về QLNN về ATTP.

+ Phải xem người tiêu dùng là lực lượng quyết định sự tồn tại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh không đảm bảo ATTP, là kênh thông tin hỗ trợ đắc lực nhất

---

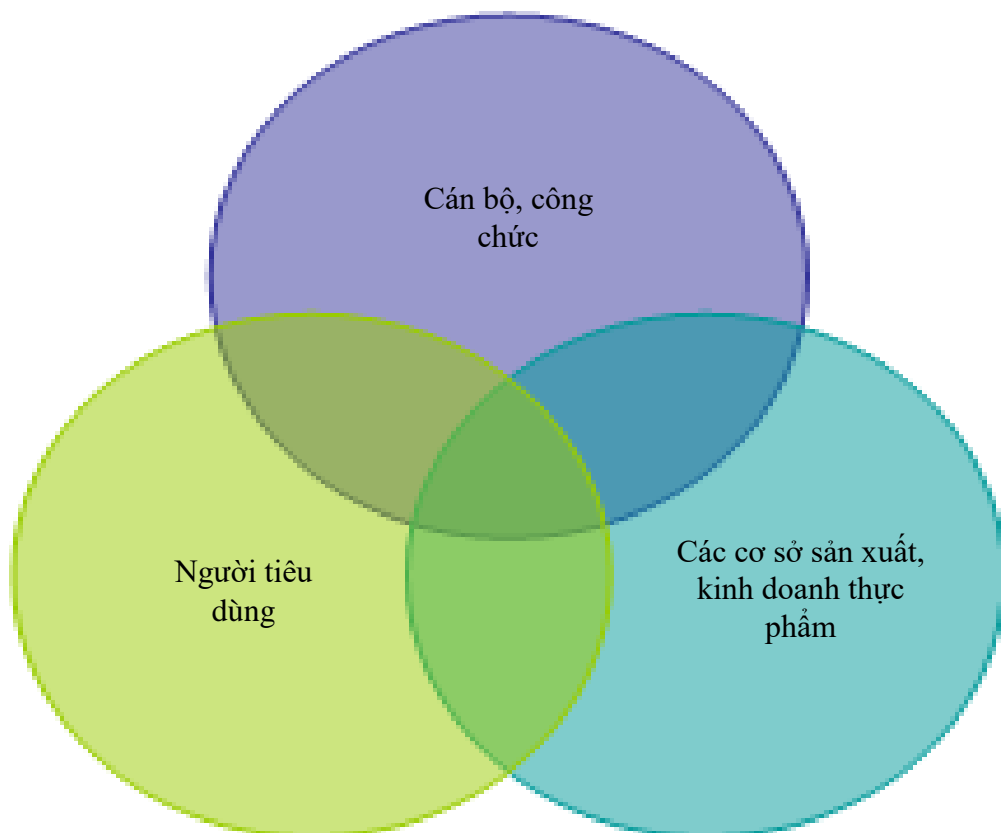
<sup>9</sup> Trích Đề án thực hiện Chương trình “Thành phố 4 an” trên địa bàn Đà Nẵng đến năm 2020 (Quyết định số 2526-QĐ/TU ngày 30/11/2016 của Ban Thường vụ Thành uỷ Đà Nẵng).



cho các cơ quan QLNN về ATTP, từ đó, định hướng các hoạt động để nâng cao vai trò của Hiệp hội Bảo vệ người tiêu dùng tại TP. Đà Nẵng, đồng thời, có quy trình rõ ràng, đơn giản, bảo mật để khuyến khích người tiêu dùng phản ánh các trường hợp mất an toàn vệ sinh thực phẩm, vi phạm pháp luật ATTP.

+ Phải xem các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là lực lượng quyết định chất lượng cuộc sống của cộng đồng, của thế hệ con cháu tương lai, từ đó, có các hoạt động định hướng giá trị, niềm tin, vị thế của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên thị trường, cũng như các hoạt động hỗ trợ họ trong quá trình chuyển đổi để đảm bảo chất lượng thực phẩm tuyệt đối an toàn trong từng khâu của quá trình sản xuất, chế biến, cung ứng thực phẩm.

Có thể mô tả ba chủ thể trên qua sơ đồ 3.1 sau đây.



Sơ đồ 3.1. Ba chủ thể trong thực hiện mục tiêu đảm bảo thành phố 4 an

**Thứ hai**, chỉ cho lưu hành thực phẩm “sạch”, thực phẩm “an toàn” trên thị trường:

+ Khẩn trương xác định nhóm sản phẩm thực phẩm theo chuỗi giá trị, phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thông lệ quốc tế.

+ Khẩn trương xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật cho từng loại, nhóm sản phẩm thực phẩm theo hướng “sạch”, “an toàn”; tiến tới xóa bỏ toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đủ chuẩn.

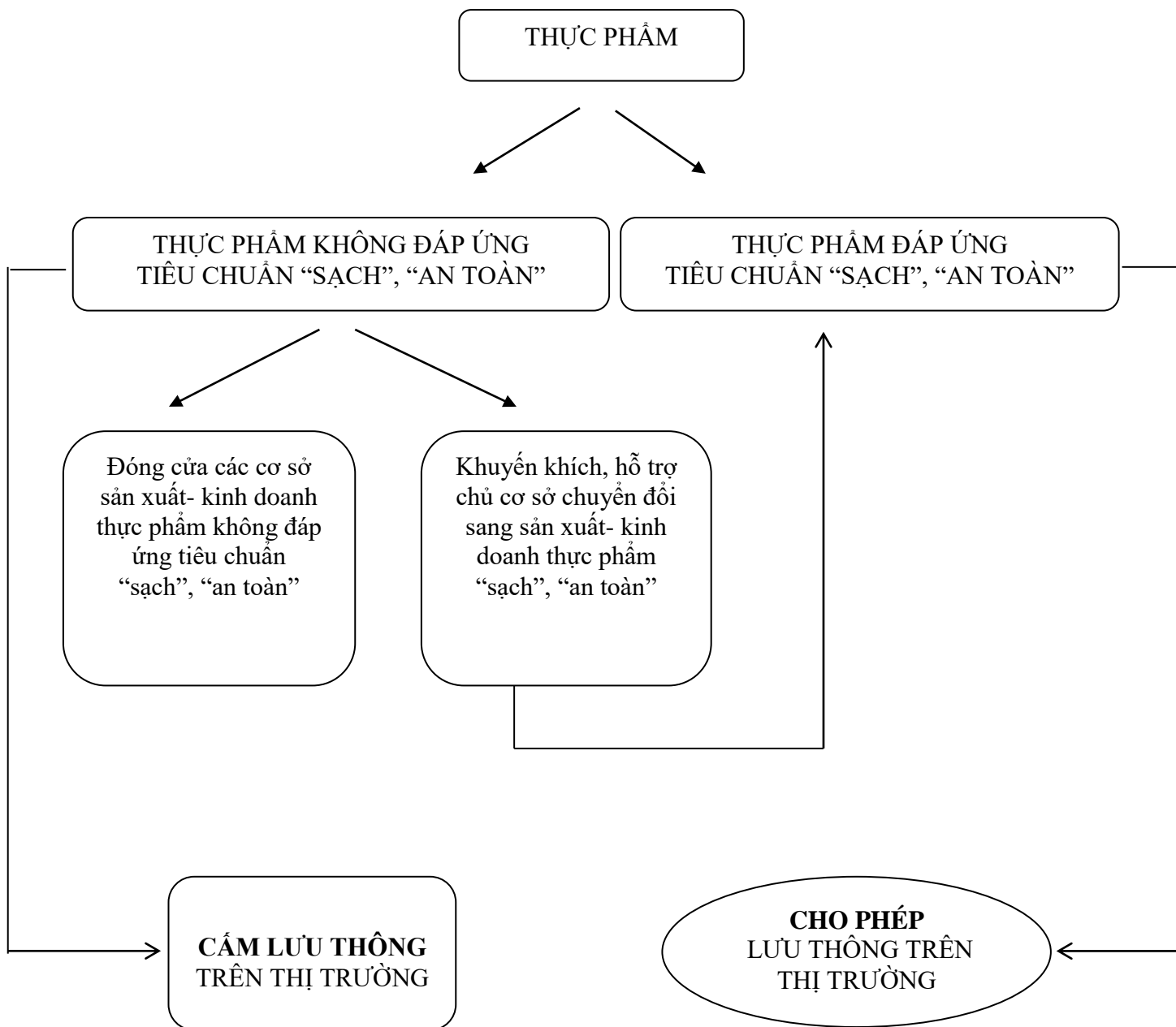
+ Tiếp tục phát huy tác dụng của các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như tiêu chuẩn ISO 22000, tiêu chuẩn HACCP, tiêu chuẩn GAP, tiêu chuẩn GMP,...).

+ Tiếp tục quản lý hoạt động sản xuất, chế biến thực phẩm trên địa bàn TP. theo hướng tập trung, tiến tới xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn một cách có hệ thống, cho từng loại thực phẩm.

+ Chỉ đạo tăng cường tần suất, lực lượng thanh tra, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn và có chủ trương tăng cường tính răn đe trong các quyết định xử lý:

- Nếu phát hiện cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn “sạch”, “an toàn”, tuyệt đối không cho phép lưu thông trên thị trường.
- Từng bước hạn chế tiến đến cấm lưu hành những thực phẩm không đảm bảo các tiêu chuẩn thực phẩm “sạch”, thực phẩm “an toàn”.
- Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong quá trình chuyển đổi sang hướng “sạch”, “an toàn”.

Có thể mô tả chủ trương này như sơ đồ 3.2 sau đây:



Sơ đồ 3.2. Mô tả chủ trương xử lý thực phẩm không đáp ứng tiêu chuẩn “sạch”, “an toàn” của chính quyền thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay

**Thứ ba**, quyết liệt hơn nữa trong việc chỉ đạo, điều hành:

- + Chỉ đạo Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với các Sở ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương hợp nhất các văn bản hướng dẫn thực thi công tác QLNN về ATTP trên địa bàn TP.

+ Có chủ trương, chính sách khuyến khích, vận động các cá nhân, tổ chức đầu tư vào sản xuất nông nghiệp sạch, tạo nguồn cung ứng thực phẩm an toàn tại chỗ cho TP, đồng thời, đẩy mạnh việc kết nối cung- cầu, liên kết các tổ chức, cá nhân trong chuỗi giá trị để giải quyết vấn đề đầu ra cho sản phẩm thực phẩm sạch, tạo sự yên tâm cho họ trong quá trình đầu tư.

+ Quan tâm bố trí ngân sách để đầu tư trang thiết bị máy móc phục vụ việc kiểm nghiệm các chất cấm sử dụng trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm; trang bị phương tiện vận chuyển chuyên dùng phục vụ công tác QLNN về ATTP;

+ Quan tâm hơn nữa công tác cán bộ làm công tác ATTP cấp quận, huyện; từ tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển công tác cho phù hợp.

+ Quan tâm đẩy nhanh tiến độ việc xây dựng mô hình chợ đảm bảo điều kiện ATTP theo Bộ tiêu chí của UBND TP. Đà Nẵng ban hành.

+ Quan tâm xây dựng các tiêu chuẩn an toàn cho từng khâu của các chuỗi giá trị thực phẩm để đảm bảo tính toàn diện trong đảm bảo ATTP khâu sản xuất, cung ứng đến tiêu thụ.

**Thứ tư**, có chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác QLNN về ATTP như việc xây dựng các phòng thí nghiệm ATTP tư, ... để test nhanh thực phẩm có nguy cơ mất ATTP làm cơ sở xử lý vi phạm về ATTP. Từ đó, rút ngắn thời gian có kết quả kiểm nghiệm, đẩy nhanh quy trình xử lý các cơ sở thực phẩm không đảm bảo an toàn.

**Cách thức thực hiện giải pháp:** Để thực hiện giải pháp này, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cần ban hành Chỉ thị tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, trong đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan QLNN có liên quan: Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp quận và cấp phường.

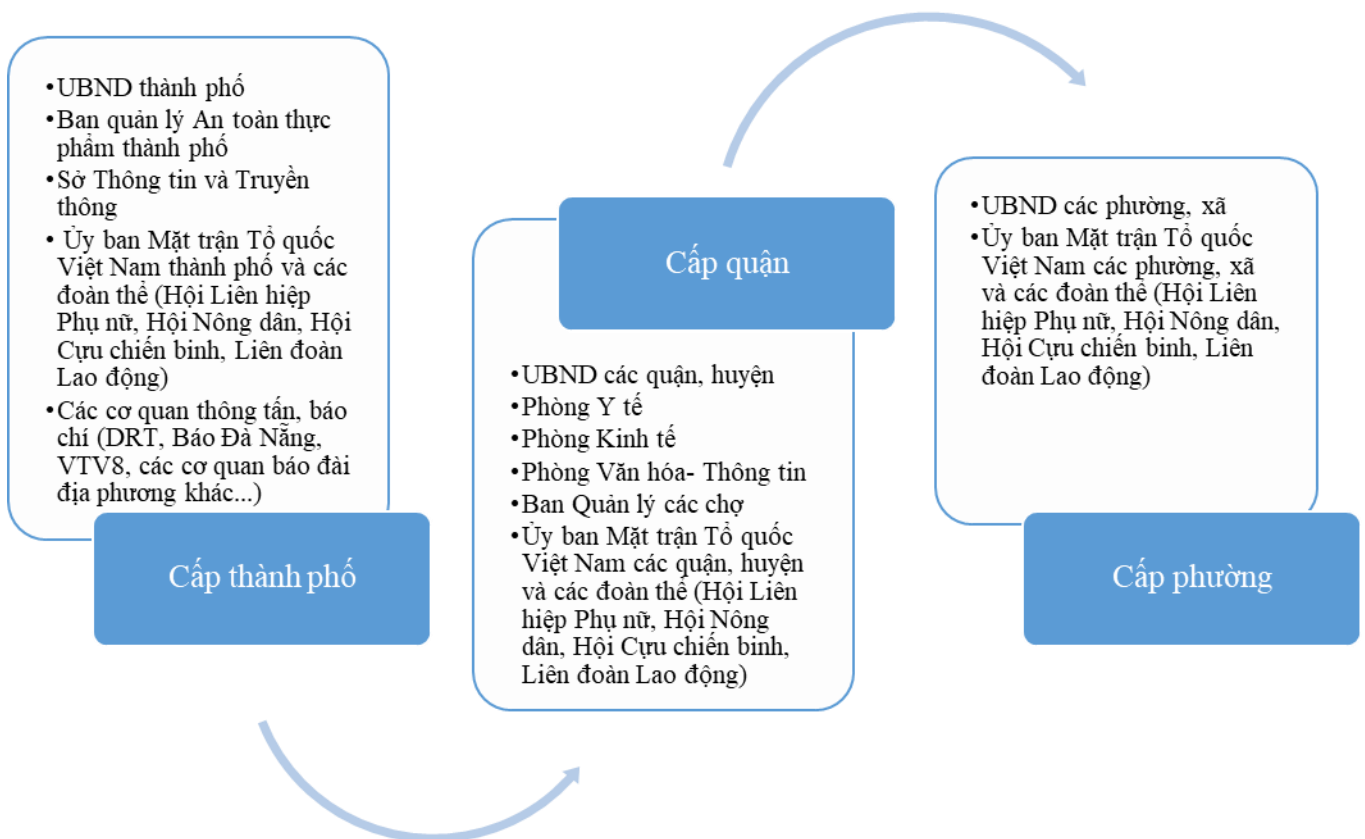
### **3.3.2 Về công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm**

Mục tiêu của giải pháp: Mục tiêu của giải pháp là tăng cường công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về ATTP, các cơ quan QLNN về ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng, từ đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của tư thương, của người tiêu dùng thực phẩm và của đội ngũ cán bộ, công chức thực thi công vụ QLNN về ATTP.

Nội dung của giải pháp:

**Thứ nhất**, tiếp tục phát huy vai trò của các cơ quan QLNN về ATTP, của các tổ chức đoàn thể ở các ba cấp: thành phố, quận, phường, bao gồm các cơ quan được mô tả ở sơ đồ 3.3 bên dưới.

Trong đó đặc biệt đề cao vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, trong công tác truyền thông, giáo dục pháp luật về ATTP, bởi trong gia đình, phụ nữ thường là người đưa ra các quyết định cho việc lựa chọn thực phẩm.



Sơ đồ 3.3. Các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện công tác tuyên truyền về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng

**Thứ hai**, lập đường dây nóng để các tổ chức, cá nhân phát hiện, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP của các cá nhân, tổ chức; các hành vi nhũng nhiễu của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ về QLNN về ATTP và có chính sách thưởng nóng cho họ.

**Thứ ba**, đổi mới nội dung công tác tuyên truyền hướng theo đối tượng:

+ Đối với cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Đề cao đạo đức kinh doanh, ý thức, trách nhiệm của họ vì sức khỏe cộng đồng, vì tương lai thế hệ con cháu mai sau.

+ Đối với người tiêu dùng: Đề cao ý thức tự bảo vệ sức khỏe của mình, của gia đình, của tập thể mà mình phục vụ; đề cao việc xây dựng thói quen tốt khi quyết định mua thực phẩm: quan tâm đến chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ, thương hiệu; mạnh dạn cung cấp chứng cứ, thông tin cho các cơ quan chức năng để tố cáo, lên án, tẩy chay các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn.

+ Đối với cán bộ, công chức thực thi công vụ: Đề cao trách nhiệm nghề nghiệp, xem họ là nhân tố quan trọng, quyết định thành công của các chủ trương xây dựng TP An toàn thực phẩm. Đồng thời, đề cao năng lực và phẩm chất của họ: năng lực sẽ giúp cho TP có những giải pháp đảm bảo ATTP hữu ích, gắn với thực tiễn, khả thi; phẩm chất của họ sẽ giúp tạo ra một môi trường quản lý lành mạnh, trong sạch, liêm chính, công bằng.

**Thứ tư**, tiếp tục phát huy hiệu quả của tất cả các hình thức tuyên truyền hiện có, kể cả mạng xã hội.

**Thứ năm**, tiếp tục đa dạng hóa hoạt động tuyên truyền hướng theo đối tượng, đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng các video clip đồ họa tuyên truyền riêng theo đối tượng (cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm; người tiêu dùng; cán bộ, công chức thực thi chức năng QLNN về ATTP) để đạt được hiệu quả tuyên truyền cao hơn.

**Thứ sáu**, xây dựng nội dung phong trào 3 giác (tự giác, phát giác và tố giác) và tổ chức phát động đến người dân trên toàn TP nhằm khuyến khích họ *tự giác*

thực hiện pháp luật về ATTP, *phát giác* các sản phẩm thực phẩm mất an toàn và sẵn sàng *tố giác* các hành vi vi phạm ATTP đến các cơ quan chức năng.

**Cách thức thực hiện giải pháp:** Để thực hiện giải pháp này, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cần ban hành công văn hướng dẫn công tác tuyên truyền đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trong đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị có liên quan được mô tả ở sơ đồ 3.3.

### **3.3.3 Về công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm**

**Mục tiêu của giải pháp:** Mục tiêu của giải pháp là tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, từ đó, tiếp tục kiểm soát tốt tình trạng ngộ độc thực phẩm, hạn chế số vụ, số người mắc ngộ độc thực phẩm; kiểm soát tốt nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm; đảm bảo tính răn đe đối với các hành vi vi phạm an toàn thực phẩm.

**Nội dung của giải pháp:** Để tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng cần có sự vào quan tâm của các cơ quan QLNN về ATTP các cấp. Cụ thể:

**Thứ nhất,** Ủy ban nhân dân cấp quận cần có biện pháp bố trí đủ và ổn định đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác QLNN về ATTP trên địa bàn để đảm bảo tính xuyên suốt, có kinh nghiệm công tác và nắm vững quy định pháp luật về ATTP.

**Thứ hai,** Ban Quản lý An toàn thực phẩm cần có các biện pháp chủ động, tích cực theo dõi và cập nhật danh mục các chỉ tiêu hoạt chất thuốc BVTV sử dụng trên thị trường, từ đó, tăng cường máy móc kiểm nghiệm bổ sung thêm các chỉ tiêu hoạt chất thuốc BVTV ngoài danh mục chỉ định hiện nay.

**Thứ ba,** Ban Quản lý an toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng cần đẩy mạnh phân cấp cho Ban Quản lý các chợ trong việc tổ chức kê khai nguồn gốc thực phẩm cho tư thương tại chợ do mình phụ trách, đồng thời tăng cường sự phối hợp của Ban Quản lý các chợ với đội ngũ thanh tra chuyên ngành ATTP cấp phường và cấp quận

(đang được thí điểm thực hiện theo Quyết định số 47/2018/QĐ-TTg ngày 26/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ) để việc thanh tra, kiểm tra chất lượng thực phẩm được thường xuyên.

**Thứ tư,** Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng cần tiếp tục chỉ đạo các cơ quan QLNN về ATTP trên địa bàn, các đoàn thể, các cơ quan thông tấn, báo chí vào cuộc mạnh mẽ trong thông tin, công khai các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn TP.

**Thứ năm,** Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng cần quan tâm bố trí ngân sách địa phương để trang bị thiết bị máy móc phục vụ việc kiểm nghiệm các chất cấm sử dụng trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm; trang bị phương tiện vận chuyển chuyên dùng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ATTP trên địa bàn TP.

**Thứ sáu,** chính quyền TP cần có chế tài mạnh, đảm bảo tính răn đe, đối với các hành vi vi phạm về ATTP.

**Thứ bảy,** chính quyền TP cần có biện pháp hỗ trợ người tiêu dùng trong các tranh chấp dân sự liên quan đến ATTP.

**Cách thức thực hiện giải pháp:** Để thực hiện giải pháp này, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cần ban hành công văn hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trong đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị có liên quan được.

### **3.3.4 Giải pháp khác**

Để đẩy mạnh QLNN về ATTP trên địa bàn TP. Đà Nẵng, bên cạnh ba giải pháp về công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về ATTP; công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về ATTP và công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về ATTP, cần có các giải pháp hỗ trợ khác.

**Mục tiêu của giải pháp:** Mục tiêu của giải pháp là hoàn thiện các công tác khác của hoạt động QLNN về ATTP (công tác nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất,



ứng dụng công nghệ thông tin, ...) bên cạnh 03 giải pháp chính là công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về ATTP (đã nêu ở giải pháp 1); công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về ATTP (đã nêu ở giải pháp 2) và công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về ATTP (đã nêu ở giải pháp 3), góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về ATTP tại thành phố Đà Nẵng.

**Nội dung của giải pháp:** Nội dung giải pháp này bao gồm:

**Thứ nhất,** tăng cường hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố. Cụ thể:

- Tổ chức thống kê số lượng công chức cần tuyển dụng cho mỗi cơ quan, đơn vị trong QLNN về ATTP gắn với bản mô tả công việc chi tiết, cụ thể và những yêu cầu về kinh nghiệm công tác, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp...

**Thứ hai,** tăng cường xây dựng đội ngũ công chức, viên chức quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm giỏi chuyên môn, liêm chính trong thực thi công vụ.

- Tổ chức thống kê số lượng công chức cần tuyển dụng cho mỗi cơ quan, đơn vị trong QLNN về ATTP gắn với bản mô tả công việc chi tiết, cụ thể và những yêu cầu về kinh nghiệm công tác, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp...
- Tuyển dụng đủ số lượng công chức đáp ứng yêu cầu về chất lượng và số lượng theo danh mục thống kê.
- Thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, nhất là giáo dục ý thức đạo đức nghề nghiệp, tác phong, thái độ làm việc; lấy “giỏi chuyên môn, liêm chính trong thực thi công vụ” làm mục tiêu phấn đấu cho xây dựng đội ngũ công chức QLNN về ATTP.

**Thứ ba,** quan tâm bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc xây dựng các Phòng Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm.

**Thứ tư**, quan tâm học hỏi kinh nghiệm các địa phương ở trong và ngoài nước để vận dụng vào điều kiện, tình hình TP. Đà Nẵng.

**Thứ năm**, tăng cường hơn nữa sự liên kết vùng, miền, nhất là giữa thành phố Đà Nẵng với các địa phương lân cận và các địa phương cung cấp lượng lớn rau, củ, quả, thịt cho TP. Đà Nẵng.

**Thứ sáu**, có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chưa đảm bảo các tiêu chí thực phẩm “sạch”, “an toàn”.

**Thứ bảy**, có chính sách ưu đãi về thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế khoán ...) đối với các cá nhân, tổ chức cung ứng thực phẩm theo hướng “sạch”, “an toàn” (như hệ thống chuỗi siêu thị VinMart, các cửa hàng thực phẩm sạch Levim Mart, NongPro, Organica, An Phú Farm, Tâm An, ...) để giảm chi phí, góp phần giảm giá bán thực phẩm, thu hút người tiêu dùng, dần dần tạo thói quen xem các điểm cung ứng thực phẩm an toàn là điểm đến quen thuộc mà người tiêu dùng thực phẩm lựa chọn.

**Cách thức thực hiện giải pháp:** Để thực hiện giải pháp này, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cần giao các các cơ quan chuyên môn trực thuộc có liên quan như Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý An toàn thực phẩm khi xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, phải lưu ý đến các hoạt động nội dung trên và đảm bảo thực hiện xuyên suốt trong dài hạn.

### **3.4 Kiến nghị**

Để hoàn thiện QLNN về ATTP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến, ngoài những giải pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng như đã đề cập ở mục 3.3, cần có sự vào cuộc của các cơ quan QLNN ở Trung ương. Cụ thể:

#### **3.4.1 Kiến nghị với Quốc hội**

- Kiến nghị Quốc hội xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành về QLNN về ATTP theo hướng tăng mức phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm như cố tình sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, trong sản xuất, chế biến, bảo

quản thực phẩm; sử dụng cá chất phụ gia vượt hàm lượng cho phép ... Những hành vi này cần được xem là đặc biệt nghiêm trọng, tuy không gây ngộ độc cấp tính nhưng về lâu dài, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Về lâu dài, cần xem xét bổ sung các hành vi vi phạm như sử dụng chất cấm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm; sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm nhiễm hóa chất độc hại thành một tội danh để xử lý hình sự, mặc dù không gây ngộ độc cấp tính nhưng nó gây hại về lâu dài cho sức khỏe người tiêu dùng.

- Kiến nghị Quốc hội bổ sung chế tài đóng cửa vĩnh viễn đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về ATTP, không phân biệt mức độ vi phạm trong xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Kiến nghị Quốc hội bổ sung chế tài xử lý nghiêm, cho ra khỏi ngành những cán bộ, công chức, viên chức những nhiều, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm... trong quá trình thực hiện chức năng QLNN về ATTP.

### **3.4.2 Kiến nghị với Chính phủ**

- Kiến nghị Chính phủ xây dựng, ban hành hướng dẫn chi tiết việc xử lý hình sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP; xây dựng và ban hành danh mục các chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm để tạo thuận lợi cho cơ quan QLNN trong công tác thanh tra, kiểm tra, đồng thời cũng để các tổ chức, cá nhân trong mắt xích sản xuất, cung ứng, tiêu dùng thực phẩm nhận diện đầy đủ các chất cấm theo quy định của nhà nước, hiểu rõ chất nào được sử dụng, không được sử dụng trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm.

- Kiến nghị Chính phủ có cơ chế hỗ trợ pháp lý cho người tiêu dùng trong các vụ việc yêu cầu bồi thường thiệt hại trong các tranh chấp dân sự giữa họ và các cá nhân, tổ chức kinh doanh thực phẩm.

- Kiến nghị Chính phủ đơn giản hóa quy trình, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến ATTP thay vì tiến hành khởi kiện vì giải quyết bằng con đường tòa án luôn phức tạp, mất nhiều thời gian.

- Kiến nghị Chính phủ đầu tư xây dựng phần mềm báo cáo thống kê về tình hình đảm bảo ATTP toàn quốc. Trong đó:

- Phải xây dựng và thống nhất các chỉ tiêu báo cáo về ATTP hàng tháng, hàng quý, hàng năm cho từng đối tượng thực hiện báo cáo: Ban chỉ đạo An toàn vệ sinh thực phẩm cấp tỉnh, Ban Quản lý An toàn thực phẩm, Sở Y tế, Sở Công thương, Sở NN&PTNT, Ban chỉ đạo An toàn vệ sinh thực phẩm cấp huyện và Ban quản lý các chợ.
- Phải phân quyền báo cáo cho các cấp, các ngành, các cơ quan, đến Ban quản lý các chợ của địa phương.
- Phải ban hành quy định hướng dẫn cách nhập thông tin báo cáo và thống nhất thời gian thực hiện báo cáo cho từng cơ quan, đơn vị liên quan.
- Phải giao cho một cơ quan làm đầu mối để quản lý, vận hành phần mềm và trích xuất dữ liệu cần thiết phục vụ kịp thời công tác QLNN về ATTP ở các cấp.

- Kiến nghị Chính phủ đầu tư xây dựng phần mềm truy xuất nguồn gốc thực phẩm cho tất cả các sản phẩm thực phẩm từ khâu đầu tiên (sản xuất, nhập khẩu), qua các khâu trung gian (phân phối, lưu trữ), đến người tiêu dùng thực phẩm. Trong đó:

- Giao cho một cơ quan làm đầu mối để quản lý, vận hành phần mềm.
- Phân quyền cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị.
- Giao quyền truy cập đến tất cả cá nhân, tổ chức.

- Bắt buộc các cá nhân, tổ chức được cấp phép sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện việc kê khai nguồn gốc cho tất cả thực phẩm, nguyên liệu sản xuất thực phẩm đầu vào của mình.

### **Kết luận chương 3**

Chương 3 trình bày về bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng và quan điểm đảm bảo an toàn thực phẩm ở Việt Nam và thành phố Đà Nẵng. Từ đó, đề ra các giải pháp nhằm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng 3 giải pháp, ứng với 3 nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đã được đi sâu phân tích ở chương 2. Cụ thể, tác giả đã đề xuất các giải pháp về công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; các giải pháp về công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm và các giải pháp về công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, tác giả cũng đề cập một số giải pháp khác và kiến nghị để công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng được tăng cường, nhờ đó, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cũng được nâng cao.

Thông qua chương 3, đề tài có một đóng góp quan trọng đó là đề xuất hệ thống giải pháp khả thi, gắn với đặc thù thành phố Đà Nẵng để hoàn thiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong thời gian đến. Các giải pháp này sẽ giúp hoàn thiện các bất cập của công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng đã trình bày ở chương 2.

## PHẦN KẾT LUẬN

Với 3 chương, đề tài “*Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng*” đã nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về cơ sở lý luận và thực tiễn của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến nay, từ đó đưa ra hệ thống quan điểm, giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030. Các kết quả đã đạt được gồm:

**Về mặt lý luận**, đề tài đã nghiên cứu, hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, trong đó kế thừa, bổ sung, phát triển ba nội dung quan trọng là *khái niệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và các tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm*.

**Về mặt thực tiễn**, đề tài đạt được những kết quả sau đây:

- Đề tài góp phần làm sâu sắc thêm kinh nghiệm của một số địa phương ở Việt Nam về đảm bảo an toàn thực phẩm và rút ra những giá trị có thể vận dụng để hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Đề tài đã phân tích và đưa ra những đánh giá có cơ sở về 8 thành công và 6 bất cập của thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến nay ở 3 nội dung: công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm và công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Đề tài đã đề xuất 3 giải pháp chính nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, ở 3 nội dung: công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm; công tác thông tin, giáo dục truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm và công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm và một số giải pháp hỗ trợ khác. Tác giả cũng đã đưa ra một số kiến nghị đối với Quốc hội và Chính phủ nhằm tạo cơ chế, chính sách, hàng lang pháp lý để tổ chức công tác QLNN về ATTP tại TP. Đà

Năng trong thời gian tới được thuận lợi.

Với những kết quả nghiên cứu đã đạt được, đề tài góp phần hệ thống cơ sở khoa học của quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm một cách đầy đủ và toàn diện theo cách tiếp cận của khoa học quản lý công, đồng thời cũng góp phần hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng thông qua hệ thống các giải pháp đồng bộ, khả thi, giải quyết các bất cập đã nêu ở chương 2.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã nhận được nhiều ý kiến góp ý có giá trị của các nhà khoa học, đặc biệt là những ý kiến tư vấn, đánh giá của các nhà khoa học trong Hội đồng xét duyệt, Hội đồng đánh giá tiến độ và Hội đồng nghiệm thu đề tài. Với tinh thần hết sức cầu thị, tác giả đã nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh sửa đề đề tài. Tuy vậy, đề tài chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý độc giả để đề tài này được hoàn thiện hơn.

Qua đây, tác giả xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Kinh tế, Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Khoa Lý luận chính trị, quý Thầy cô, các nhà khoa học, bạn bè và gia đình đã tạo điều kiện, giúp đỡ tác giả trong suốt thời gian nghiên cứu, hoàn thành đề tài. Xin chân thành cảm ơn 400 anh chị em bạn bè là những người đang sinh sống, làm việc, học tập tại thành phố Đà Nẵng đã tham gia khảo sát trực tuyến, giúp tác giả có được những thông tin hữu ích phục vụ nghiên cứu của mình.

Trân trọng cảm ơn./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

- [1] Lê Thị Hồng Ánh (2017), *Giáo trình Vệ sinh an toàn thực phẩm*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng (2016), *Báo cáo thực trạng công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2016*.
- [3] Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng (2017), *Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2017*.
- [4] Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng (2019), *Tài liệu Hội nghị sơ kết 1 năm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng và tổng kết công tác bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2018*.
- [5] Ban Tuyên giáo Trung ương (2012), *Chủ trương của Đảng và nhà nước ta về an toàn thực phẩm*, Nhà xuất bản Thanh niên.
- [6] Chính phủ (2017), *Báo cáo số 211/BC-CP ngày 08/5/2017 về tình hình thực thi chính sách, pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2016*.
- [7] Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2017), *Niên giám Thống kê năm 2017*.
- [8] Nguyễn Tiến Dũng (2018), *Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] Trần Đáng (2006), *Áp dụng GMP-GHP-HACCP cho các cơ sở chế biến thực phẩm vừa và nhỏ*, Nhà xuất bản Hà Nội.
- [10] Trần Đáng (2008), *An toàn thực phẩm*, Nhà xuất bản Hà Nội.
- [11] Học viện Hành chính (2008), *Giáo trình Hành chính đại cương (dùng cho sau đại học)*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [12] Lâm Quốc Hùng, Nguyễn Hùng Long (2015), *Giám sát ngộ độc thực phẩm*, Nxb Y học.



- [13] Nguyễn Công Khẩn, Trần Quang Trung (2012), *Hướng dẫn chung công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- [14] Bùi Thị Hồng Nương (2019), *Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
- [15] Ngô Thị Xuân (2016), *Quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, Trường Đại học Thương mại, Hà Nội.
- [16] Trần Thị Hải Yến (2017), *Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm đối với thịt lợn trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

#### **Các văn bản quy phạm pháp luật**

- [17] Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI (2011), Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới.
- [18] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Kết luận số 11-KL/TW ngày 19/1/2017 của Ban Bí thư về việc thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới.
- [19] Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng (2016), Quyết định số 2526-QĐ/TU ngày 30/11/2016 về ban hành Đề án thực hiện Chương trình “Thành phố 4 an” trên địa bàn Đà Nẵng đến năm 2020.
- [20] Bộ Y tế (2010), Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sửa đổi, bổ sung một số quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 5-1:2010/BYT đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng ban hành kèm theo Thông tư số 30/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- [21] Bộ Y tế (2012), Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 Quy định điều kiện chung đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- [22] Bộ Y tế (2013), Thông tư số 24/2013/TT-BYT ngày 14/8/2013 ban hành quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.
- [23] Bộ Y tế (2014), Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 Quy định về quản lý an toàn thực phẩm.
- [24] Bộ Y tế (2014), Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
- [25] Bộ Y tế (2015), Thông tư số 44/2015/TT-BYT, ngày 30/11/2015 về danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm quy định danh mục vitamin và chất khoáng sử dụng trong thực phẩm; yêu cầu về quản lý đối với sử dụng vi chất dinh dưỡng sử dụng để bổ sung, tăng cường vào thực phẩm.
- [26] Bộ Y tế (2016), Thông tư số 17/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế.
- [27] Bộ Y tế (2016), Thông tư số 37/2016/TT-BYT- BNV ngày 25/10/2016 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.
- [28] Bộ Y tế (2016), Thông tư số 50/2016/TT-BYT, ngày 30/12/2016 quy định mức giới hạn tối đa dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- [29] Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2013), Thông tư liên tịch 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.
- [30] Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2014), Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNN&PTNT- BCT ngày 27/10/2014 hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.
- [31] Chính phủ (2012), Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ban hành ngày 09/02/2012 về việc Quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

- [32] Chính phủ (2013), Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Hà Nội.
- [33] Chính phủ (2016), Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.
- [34] Chính phủ (2017), Nghị định số 43/2017/NĐ-CP quy định nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa, cách ghi nhãn hàng hóa.
- [35] Chính phủ (2018), Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- [36] Chính phủ (2018), Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 về quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.
- [37] Quốc hội (2015), Bộ luật hình sự.
- [38] Quốc hội (2006), Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật
- [39] Quốc hội (2007), Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá.
- [40] Quốc hội (2010), Luật An toàn thực phẩm.
- [41] Quốc hội (2010), Luật Bảo vệ quyền lợi Người tiêu dùng.
- [42] Quốc hội (2012), Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- [43] Quốc hội (2017), Luật Thủy sản.
- [44] Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04/01/2012 về *Phê duyệt chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030.*
- [45] Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định số 1268/QĐ-TTg ngày 25/8/2017 về *Thí điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng.*

#### **Tài liệu từ các website**

<https://trungtamnghienquuthucpham.vn/>

<https://www.worldbank.org/vi/>

## PHỤ LỤC

### **Phụ lục 1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Nguồn: Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng

[http://tthc.danang.gov.vn/index.php?option=com\\_thutuchanhchinh](http://tthc.danang.gov.vn/index.php?option=com_thutuchanhchinh))

Hệ thống các thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng gồm 6 thủ tục hành chính được công khai trên Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng (<http://www.danang.gov.vn>), từ mã số DNG-287913 đến mã số DNG-287918.

#### **1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:**

#### **CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM, KINH DOANH DỊCH VỤ ĂN UỐNG**

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống			
Mã thủ tục	DNG-287913	Thông tin công bố (Dữ liệu chuẩn hóa từ năm 2017)	<ul style="list-style-type: none"><li>Số QĐ: 2121/QĐ-UBND</li><li>Ngày hiệu lực: 28/05/2018</li></ul>
Mức trực tuyến	2	Cách thức nộp trực tuyến	Thủ tục này chưa thể nộp trực tuyến
Thời hạn giải quyết	1. 15 ngày làm việc đối với cơ sở đạt yêu cầu khi thẩm định lần 1. 2. Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu sau khi được thẩm định lần 1 chờ hoàn thiện, bổ sung thẩm định lần 2 thì thời gian hẹn thẩm định lần 2 không quá 15 ngày đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; 60 ngày đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm kể từ ngày thẩm định lần 1.		
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức, cá nhân</li></ul>	Lĩnh vực	An toàn thực phẩm
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý an toàn thực phẩm	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	

Cơ quan phối hợp & CQ được ủy quyền							
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm.						
Trình tự thực hiện	<p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm.</p> <p><b>Bước 2:</b> Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ban Quản lý An toàn thực phẩm kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, có văn bản gửi cho cơ sở bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p><b>Bước 3:</b> Đối với hồ sơ hợp lệ, trong thời gian 10 ngày làm việc, Ban quản lý có Quyết định thành lập đoàn thẩm định và tổ chức thẩm định tại cơ sở. Đối với cơ sở đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;</p> <p><b>Bước 4:</b> Trả Giấy chứng nhận cho cơ sở.</p>						
Thành phần hồ sơ	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Loại giấy tờ</th> <th>Mẫu đơn, tờ khai</th> <th>Số lượng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>           1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, theo Mẫu số 01 Thông tư 26/2012/TT-BYT.            2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).            3. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở), bao gồm:            + Bản vẽ sơ đồ thiết kế mặt bằng của cơ sở và khu vực xung quanh;            + Sơ đồ quy trình sản xuất thực phẩm, quy trình kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống hoặc quy trình bảo quản, phân phối sản phẩm;            + Bản thuyết minh về cơ sở vật chất;            + Bản kê trang thiết bị, dụng cụ của cơ sở.            4. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống:            + Đối với cơ sở dưới 30 người: Nộp bản sao giấy xác nhận (có xác nhận của cơ sở);         </td> <td> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <a href="#">Bảng vẽ sơ đồ thiết kế mặt bằng của cơ sở.doc</a></li> <li>• <a href="#">Danh mục các trang thiết bị, dụng cụ.doc</a></li> <li>• <a href="#">Danh sách chủ cơ sở và nhân viên trực tiếp chế biến thực phẩm.doc</a></li> <li>• <a href="#">Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.doc</a></li> <li>• <a href="#">Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.doc</a></li> <li>• <a href="#">Quy trình công nghệ.doc</a></li> <li>• <a href="#">Thuyết minh về cơ sở vật chất.doc</a></li> </ul> </td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Loại giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng	1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, theo Mẫu số 01 Thông tư 26/2012/TT-BYT. 2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở). 3. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở), bao gồm: + Bản vẽ sơ đồ thiết kế mặt bằng của cơ sở và khu vực xung quanh; + Sơ đồ quy trình sản xuất thực phẩm, quy trình kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống hoặc quy trình bảo quản, phân phối sản phẩm; + Bản thuyết minh về cơ sở vật chất; + Bản kê trang thiết bị, dụng cụ của cơ sở. 4. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống: + Đối với cơ sở dưới 30 người: Nộp bản sao giấy xác nhận (có xác nhận của cơ sở);	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <a href="#">Bảng vẽ sơ đồ thiết kế mặt bằng của cơ sở.doc</a></li> <li>• <a href="#">Danh mục các trang thiết bị, dụng cụ.doc</a></li> <li>• <a href="#">Danh sách chủ cơ sở và nhân viên trực tiếp chế biến thực phẩm.doc</a></li> <li>• <a href="#">Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.doc</a></li> <li>• <a href="#">Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.doc</a></li> <li>• <a href="#">Quy trình công nghệ.doc</a></li> <li>• <a href="#">Thuyết minh về cơ sở vật chất.doc</a></li> </ul>	
Loại giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng					
1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, theo Mẫu số 01 Thông tư 26/2012/TT-BYT. 2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở). 3. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở), bao gồm: + Bản vẽ sơ đồ thiết kế mặt bằng của cơ sở và khu vực xung quanh; + Sơ đồ quy trình sản xuất thực phẩm, quy trình kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống hoặc quy trình bảo quản, phân phối sản phẩm; + Bản thuyết minh về cơ sở vật chất; + Bản kê trang thiết bị, dụng cụ của cơ sở. 4. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống: + Đối với cơ sở dưới 30 người: Nộp bản sao giấy xác nhận (có xác nhận của cơ sở);	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <a href="#">Bảng vẽ sơ đồ thiết kế mặt bằng của cơ sở.doc</a></li> <li>• <a href="#">Danh mục các trang thiết bị, dụng cụ.doc</a></li> <li>• <a href="#">Danh sách chủ cơ sở và nhân viên trực tiếp chế biến thực phẩm.doc</a></li> <li>• <a href="#">Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.doc</a></li> <li>• <a href="#">Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.doc</a></li> <li>• <a href="#">Quy trình công nghệ.doc</a></li> <li>• <a href="#">Thuyết minh về cơ sở vật chất.doc</a></li> </ul>						

	<p>+ Đối với cơ sở từ 30 người trở lên: Nộp danh sách đã được xác nhận (có xác nhận của cơ sở).</p> <p>5. Giấy xác nhận đủ sức khỏe chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống:</p> <p>+ Đối với cơ sở dưới 30 người: Nộp bản sao giấy xác nhận (Có xác nhận của cơ sở);</p> <p>+ Đối với cơ sở từ 30 người trở lên: Nộp danh sách kết quả khám sức khỏe của chủ cơ sở và của người tham gia trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (Có xác nhận của cơ sở).</p>
Số bộ hồ sơ	01 bộ
Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng, Số 06 Trần Quý Cáp, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Mẫu đơn, tờ khai	
Yêu cầu ĐK thực hiện TTHC	<p><b>I. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</b></p> <p>1. Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm khi có đủ các điều kiện sau đây: Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Chương IV của Luật An toàn thực phẩm; Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh thực phẩm trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Nộp kèm theo hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng cung cấp nước thủy cục hoặc hóa đơn thanh toán tiền nước. Trường hợp sử dụng nước giếng khoan thì phải có phiếu xét nghiệm vi sinh, hóa lý đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn nước dùng cho ăn uống phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) số 01:2009/BYT đối với loại hình dịch vụ ăn uống.</li> <li>- Trường hợp trong Giấy nhận Đăng ký kinh doanh không có địa chỉ nơi nộp Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì phải bổ sung hợp đồng thuê mặt bằng.</li> </ul> <p><b>II. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b></p> <p>1. Cơ sở sản xuất nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm) trên địa bàn thành phố;</p> <p>2. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Bộ Kế hoạch Đầu tư và Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p>

	3. Cơ sở bếp ăn tập thể (BATT) có quy mô kinh doanh từ 200 suất ăn/lần phục vụ trở lên ngoài khu công nghiệp; các BATT trong khu công nghiệp không kể số lượng suất ăn; căn tin trường PTTH, Cao đẳng, Đại học và cơ quan thuộc thành phố quản lý. 4. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Ban quản lý An toàn thực phẩm.		
Kết quả thực hiện	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm, theo Mẫu số 03b Thông tư 26/2012/TT-BYT		
Lệ phí	<b>Mô tả</b>		<b>Mức phí</b>
	Phí Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm theo phân cấp của Bộ Y tế, Bộ Công thương		1.000.000 đồng /lần/cơ sở
	Phí Thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: Phục vụ dưới 200 suất ăn		700.000 đồng /lần/cơ sở
	Phí Thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên		1.000.000 đồng /lần/cơ sở
	Phí Thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm theo phân cấp của Bộ Y tế, Bộ Công thương		3.000.000 đồng/lần/cơ sở
	Phí Thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản		700.000 đồng /lần/cơ sở
	Chưa có phí		
Văn bản quy định lệ phí			
Căn cứ pháp lý của TTHC	<b>ID</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>
	128513	<u>Nghị định 15/2018/NĐ-CP</u>	02/02/2018
	119194	<u>Thông tư 286/2016/TT-BTC</u>	14/11/2016
	119173	<u>Thông tư 279/2016/TT-BTC</u>	14/11/2016
	95256	<u>Thông tư 58/2014/TT-BCT</u>	22/12/2014
	73196	<u>Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT</u>	03/12/2014
			<b>Trích yếu</b>
			quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm
			Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp
			Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế
			Quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của bộ Công thương
			Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm

	43946 <u>Thông tư 47/2014/TT-BYT</u>	11/12/2014	Hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống
	28010 <u>Thông tư 26/2012/TT-BYT</u>	30/11/2012	Quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của bộ y tế
	25495 <u>Luật 55/2010/QH12</u>	17/06/2010	An toàn thực phẩm
Tình trạng hiệu lực	Còn hiệu lực		



## 2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

### CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ CÒN THỜI HẠN NHƯNG THAY ĐỔI TÊN CỦA CƠ SỞ, ĐỔI CHỦ CƠ SỞ, THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ NHƯNG KHÔNG THAY ĐỔI VỊ TRÍ VÀ TOÀN BỘ QUY TRÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM

Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận và còn thời hạn nhưng thay đổi tên của cơ sở, đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và toàn bộ quy trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm			
Mã thủ tục	DNG-287914	Thông tin công bố (Dữ liệu chuẩn hóa từ năm 2017)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số QĐ: 2121/QĐ-UBND</li> <li>• Ngày hiệu lực: 28/05/2018</li> </ul>
Mức trực tuyến	2	Cách thức nộp trực tuyến	Thủ tục này chưa thể nộp trực tuyến
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc		
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>• - Tổ chức, cá nhân</li> </ul>	Lĩnh vực	An toàn thực phẩm
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý an toàn thực phẩm	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	
Cơ quan phối hợp & CQ được ủy quyền			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm		
Trình tự thực hiện	<p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ xin cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm.</p> <p><b>Bước 2:</b> Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ Ban Quản lý An toàn thực phẩm có trách nhiệm cấp đổi Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp đổi Giấy chứng nhận.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trả Giấy chứng nhận cho cơ sở.</p>		
Thành phần hồ sơ	<b>Loại giấy tờ</b>	<b>Mẫu đơn, tờ khai</b>	<b>Số lượng</b>
	1. Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận: (Theo Mẫu 4 ban hành kèm theo Thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <u>Đơn đề nghị cấp đổi giấy</u></li> </ul>	

	<p>tu 26/2012/TT-BYT).</p> <p>2. Biên bản thẩm định hoặc kiểm tra gần nhất (Bản sao có có xác nhận của cơ sở).</p> <p>3. Giấy chứng nhận (Bản gốc).</p> <p>4. Văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi trên: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định thành lập; Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận sự thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở (Bản sao).</p> <p>5. Giấy xác nhận đủ sức khỏe, tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở mới đối với trường hợp thay đổi tên chủ cơ sở (Bản sao có xác nhận của cơ sở).</p>	<p><u>chung nhan CS du dieu kien ATTP.doc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <u>Giay chung nhan co so du dieu kien ATTP.doc</u></li> </ul>							
Số bộ hồ sơ	01 bộ								
Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng, Số 06 Trần Quý Cáp, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng								
Mẫu đơn, tờ khai									
Yêu cầu ĐK thực hiện TTHC	<p><b>I. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</b> Không có.</p> <p><b>II. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b>          Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn thời hạn nhưng thay đổi tên của cơ sở, đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí.</p>								
Kết quả thực hiện	Giấy chứng nhận								
Lệ phí	Chưa có phí <table style="width: 100%; border: none;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;"><u>Mô tả</u></th> <th style="text-align: center;"><u>Mức phí</u></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lệ phí</td> <td style="text-align: center;">Không thu</td> </tr> </tbody> </table>		<u>Mô tả</u>	<u>Mức phí</u>	Lệ phí	Không thu			
<u>Mô tả</u>	<u>Mức phí</u>								
Lệ phí	Không thu								
Văn bản quy định lệ phí									
Căn cứ pháp lý của TTHC	<table style="width: 100%; border: none;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;"><u>ID</u></th> <th style="text-align: center;"><u>Tên văn bản</u></th> <th style="text-align: center;"><u>Ngày ban hành</u></th> <th style="text-align: center;"><u>Trích yếu</u></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>119194</td> <td><u>Thông tư 286/2016/TT-BTC</u></td> <td>14/11/2016</td> <td>Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm</td> </tr> </tbody> </table>	<u>ID</u>	<u>Tên văn bản</u>	<u>Ngày ban hành</u>	<u>Trích yếu</u>	119194	<u>Thông tư 286/2016/TT-BTC</u>	14/11/2016	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm
<u>ID</u>	<u>Tên văn bản</u>	<u>Ngày ban hành</u>	<u>Trích yếu</u>						
119194	<u>Thông tư 286/2016/TT-BTC</u>	14/11/2016	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm						

		định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp
	119173 <u>Thông tư 279/2016/TT-BTC</u> 14/11/2016	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế
	95256 <u>Thông tư 58/2014/TT-BCT</u> 22/12/2014	Quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của bộ Công thương
	73196 <u>Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT</u> 03/12/2014	Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm
	43946 <u>Thông tư 47/2014/TT-BYT</u> 11/12/2014	Hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống
	28010 <u>Thông tư 26/2012/TT-BYT</u> 30/11/2012	Quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của bộ y tế
Tình trạng hiệu lực	Còn hiệu lực	

**3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:  
CẤP GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC, THỰC PHẨM DÙNG CHO  
CHẾ ĐỘ ĂN ĐẶC BIỆT, SẢN PHẨM DINH DƯỠNG DÙNG CHO TRẺ ĐẾN 36 THÁNG TUỔI**

Cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến <u>36 tháng tuổi</u>			
Mã thủ tục	DNG-287915	Thông tin công bố (Dữ liệu chuẩn hóa từ năm 2017)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số QĐ: 2121/QĐ-UBND</li> <li>• Ngày hiệu lực: 28/05/2018</li> </ul>
Mức trực tuyến	2	Cách thức nộp trực tuyến	Thủ tục này chưa thể nộp trực tuyến
Thời hạn giải quyết	<p>1. 07 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký hợp lệ thì Ban Quản lý cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.</p> <p>2. Đối với hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian 07 ngày kể từ khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì Ban Quản lý thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời.</p>		
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổ chức, cá nhân</li> </ul>	Lĩnh vực	An toàn thực phẩm
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý an toàn thực phẩm	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	
Cơ quan phối hợp & CQ được ủy quyền			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm.		
Trình tự thực hiện	<p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm;</p> <p><b>Bước 2:</b> Ban Quản lý An toàn thực phẩm tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra hồ sơ.</p> <p>Đối với hồ sơ đầy đủ, trong thời gian 07 ngày làm việc, Ban Quản lý An toàn thực phẩm thẩm định hồ sơ và cấp Giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.</p> <p>Nếu hồ sơ còn thiếu hoặc không đồng ý với hồ sơ công bố sản phẩm của cơ sở hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì Ban Quản lý An toàn thực phẩm có văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu. Ban Quản lý chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần.</p>		

	<p>Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì Ban Quản lý thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời. Sau 90 ngày làm việc kể từ khi có công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu cơ sở không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ không còn giá trị.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trả Giấy tiếp nhận cho cơ sở.</p>		
Thành phần hồ sơ	<p><b>Loại giấy tờ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bản công bố sản phẩm (theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP);</li> <li>2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản sao công chứng);</li> <li>3. Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản sao có xác nhận của cơ sở);</li> <li>4. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của cơ sở).</li> <li>5. Giấy công bố của phụ gia thực phẩm được sử dụng trong quá trình chế biến, sản xuất (nếu có sử dụng phụ gia, bản sao có xác nhận của cơ sở).</li> </ol>	<p><b>Mẫu đơn, tờ khai</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <a href="#">Ban cong bo san pham.doc</a></li> <li>• <a href="#">Giay tiep nhan dang ky ban cong bo san pham.doc</a></li> </ul>	<p><b>Số lượng</b></p>
Số bộ hồ sơ	01 bộ/01 sản phẩm		
Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng, Số 06 Trần Quý Cáp, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
Mẫu đơn, tờ khai			
Yêu cầu ĐK thực hiện TTHC	Không có		
Kết quả thực hiện	Giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, theo Mẫu 03 Nghị định 15/2018/NĐ-CP		

Lệ phí	<b><u>Mô tả</u></b>	<b><u>Mức phí</u></b>		
	Phí công bố lần đầu	500.000 đ/lần/sản phẩm		
	Phí công bố lại	300.000 đồng/lần/sản phẩm		
	Chưa có phí			
Văn bản quy định lệ phí				
Căn cứ pháp lý của TTHC	<b><u>ID</u></b>	<b><u>Tên văn bản</u></b>	<b><u>Ngày ban hành</u></b>	<b><u>Trích yếu</u></b>
	128513	<u>Nghị định 15/2018/NĐ-CP</u>	02/02/2018	quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm
	122041	<u>Nghị định 43/2017/NĐ-CP</u>	14/04/2017	về nhãn hàng hóa
	119173	<u>Thông tư 279/2016/TT-BTC</u>	14/11/2016	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế
	25495	<u>Luật 55/2010/QH12</u>	17/06/2010	An toàn thực phẩm
Tình trạng hiệu lực	Còn hiệu lực			

**4. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:  
CẤP GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN CẤP GIẤY TIẾP  
NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH**

<u>Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với các sản phẩm đã được cơ quan cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm theo quy định hiện hành</u>			
Mã thủ tục	DNG-287916	Thông tin công bố (Dữ liệu chuẩn hóa từ năm 2017)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số QĐ: 2121/QĐ-UBND</li> <li>• Ngày hiệu lực: 28/05/2018</li> </ul>
Mức trực tuyến	2	Cách thức nộp trực tuyến	Thủ tục này chưa thể nộp trực tuyến
Thời hạn giải quyết	1. 10 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký hợp lệ thì Ban Quản lý cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm. 2. Đối với hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì Ban Quản lý thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời.		
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổ chức, cá nhân</li> </ul>	Lĩnh vực	An toàn thực phẩm
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý an toàn thực phẩm	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	
Cơ quan phối hợp & CQ được ủy quyền			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm.		
Trình tự thực hiện	<b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ đăng ký Xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm; <b>Bước 2:</b> Ban Quản lý An toàn thực phẩm tiếp nhận hồ sơ và trả giấy biên nhận hồ sơ. <b>Bước 3:</b> Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Ban Quản lý An toàn thực phẩm có trách nhiệm xem xét hồ sơ và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc không đồng ý với nội dung quảng cáo của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì		

	<p>Ban Quản lý phải có văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu. Ban Quản lý chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung Ban Quản lý thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời. Sau 90 ngày làm việc kể từ khi có công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ không còn giá trị;</p> <p><b>Bước 4:</b> Trả Giấy xác nhận nội dung quảng cáo cho tổ chức, cá nhân.</p>		
Thành phần hồ sơ	<p align="center"><b>Loại giấy tờ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo (theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP);</li> <li>Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);</li> <li>Mẫu nhãn sản phẩm (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân);</li> <li>Đối với quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có kịch bản dự kiến quảng cáo và nội dung dự kiến quảng cáo ghi trong đĩa hình, đĩa âm thanh; đối với quảng cáo trên các phương tiện khác thì phải có ma kết (mẫu nội dung) dự kiến quảng cáo (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân);</li> <li>Đối với nội dung quảng cáo ngoài công dụng, tính năng của sản phẩm ghi trong bản công bố sản phẩm thì phải có tài liệu khoa học chứng minh (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân).</li> </ol>	<p align="center"><b>Mẫu đơn, tờ khai</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><a href="#">Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo.doc</a></li> <li><a href="#">Xác nhận nội dung quảng cáo.doc</a></li> </ul>	<p align="center"><b>Số lượng</b></p>
Số bộ hồ sơ	01 bộ		
Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng, Số 06 Trần Quý Cáp, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
Mẫu đơn, tờ khai			
Yêu cầu ĐK thực hiện TTHC	Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng.		
Kết quả thực hiện	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, theo Mẫu 11 Nghị định 15/2018/NĐ-CP		
Lệ phí	<u>Mô tả</u>	<u>Mức phí</u>	



	Phí	1.200.000 đồng/lần/ sản phẩm																												
	Chưa có phí																													
Văn bản quy định lệ phí																														
Căn cứ pháp lý của TTHC	<table border="1"> <thead> <tr> <th><u>ID</u></th> <th><u>Tên văn bản</u></th> <th><u>Ngày ban hành</u></th> <th><u>Trích yếu</u></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>128513</td> <td><u>Nghị định 15/2018/NĐ-CP</u></td> <td>02/02/2018</td> <td>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm</td> </tr> <tr> <td>119173</td> <td><u>Thông tư 279/2016/TT-BTC</u></td> <td>14/11/2016</td> <td>Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế</td> </tr> <tr> <td>41535</td> <td><u>Thông tư 40/2012/TT-BCT</u></td> <td>21/12/2012</td> <td>Quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương</td> </tr> <tr> <td>32607</td> <td><u>Nghị định 181/2013/NĐ-CP</u></td> <td>14/11/2013</td> <td>Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng Cáo</td> </tr> <tr> <td>27617</td> <td><u>Luật 16/2012/QH13</u></td> <td>21/06/2012</td> <td>Quảng cáo</td> </tr> <tr> <td>25495</td> <td><u>Luật 55/2010/QH12</u></td> <td>17/06/2010</td> <td>An toàn thực phẩm</td> </tr> </tbody> </table>	<u>ID</u>	<u>Tên văn bản</u>	<u>Ngày ban hành</u>	<u>Trích yếu</u>	128513	<u>Nghị định 15/2018/NĐ-CP</u>	02/02/2018	quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm	119173	<u>Thông tư 279/2016/TT-BTC</u>	14/11/2016	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế	41535	<u>Thông tư 40/2012/TT-BCT</u>	21/12/2012	Quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương	32607	<u>Nghị định 181/2013/NĐ-CP</u>	14/11/2013	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng Cáo	27617	<u>Luật 16/2012/QH13</u>	21/06/2012	Quảng cáo	25495	<u>Luật 55/2010/QH12</u>	17/06/2010	An toàn thực phẩm	
<u>ID</u>	<u>Tên văn bản</u>	<u>Ngày ban hành</u>	<u>Trích yếu</u>																											
128513	<u>Nghị định 15/2018/NĐ-CP</u>	02/02/2018	quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm																											
119173	<u>Thông tư 279/2016/TT-BTC</u>	14/11/2016	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế																											
41535	<u>Thông tư 40/2012/TT-BCT</u>	21/12/2012	Quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương																											
32607	<u>Nghị định 181/2013/NĐ-CP</u>	14/11/2013	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng Cáo																											
27617	<u>Luật 16/2012/QH13</u>	21/06/2012	Quảng cáo																											
25495	<u>Luật 55/2010/QH12</u>	17/06/2010	An toàn thực phẩm																											
Tình trạng hiệu lực	Còn hiệu lực																													

**5. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:  
CẤP GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

<u>Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm</u>			
Mã thủ tục	DNG-287917	Thông tin công bố (Dữ liệu chuẩn hóa từ năm 2017)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số QĐ: 2121/QĐ-UBND</li> <li>• Ngày hiệu lực: 28/05/2018</li> </ul>
Mức trực tuyến	2	Cách thức nộp trực tuyến	Thủ tục này chưa thể nộp trực tuyến
Thời hạn giải quyết	Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra, nếu kết quả của tổ chức, cá nhân đạt yêu cầu thì Ban Quản lý có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 08 (đối với tập thể) hoặc Mẫu số 9 (đối với cá nhân) ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BYT.		
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổ chức, cá nhân</li> </ul>	Lĩnh vực	An toàn thực phẩm
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý an toàn thực phẩm	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	
Cơ quan phối hợp & CQ được ủy quyền			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm		
Trình tự thực hiện	<p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân nộp bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm.</p> <p><b>Bước 2:</b> Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ban quản lý An toàn thực phẩm lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>Bước 3:</b> Thực hiện kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định của Cục An toàn thực phẩm- Bộ Y tế và Cục quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản- Bộ NN &amp; PNTN Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công thương.</p>		

	<b>Bước 4: Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:</b> - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung, câu hỏi kiến thức chuyên ngành.		
Thành phần hồ sơ	<b>Loại giấy tờ</b>  <b>Bộ hồ sơ đối với tổ chức:</b> 1. Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và danh sách đề nghị xác nhận kiến thức về ATTP theo theo Mẫu số 06 ban kèm theo thông tư số 47/2014/TT-BYT và Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC; 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức); 3. Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật. <b>Bộ hồ sơ đối với cá nhân:</b> 1. Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo thông tư số 47/2014/TT-BYT; 2. Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân; 3. Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.	<b>Mẫu đơn, tờ khai</b>  <ul style="list-style-type: none"> <li>• <a href="#">Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.doc</a></li> <li>• <a href="#">Đơn Đề nghị xác nhận kiến thức về ATTP.doc</a></li> <li>• <a href="#">Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.doc</a></li> </ul>	<b>Số lượng</b>
Số bộ hồ sơ	01 bộ		
Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng, Số 06 Trần Quý Cáp, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
Mẫu đơn, tờ khai			
Yêu cầu ĐK thực hiện TTHC	Không có		
Kết quả thực hiện	Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm		
Lệ phí	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <span><b><u>Mô tả</u></b></span> <span><b><u>Mức phí</u></b></span> </div>		

	Phí	30.000 đồng/người		
	Chưa có phí			
Văn bản quy định lệ phí				
Căn cứ pháp lý của TTHC	<b><u>ID</u></b>	<b><u>Tên văn bản</u></b>	<b><u>Ngày ban hành</u></b>	<b><u>Trích yếu</u></b>
	38038	<u>Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT</u>	09/04/2014	Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
	25495	<u>Luật 55/2010/QH12</u>	17/06/2010	An toàn thực phẩm
Tình trạng hiệu lực	Còn hiệu lực			

## 6. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

<u>Tự công bố sản phẩm</u>			
Mã thủ tục	DNG-287918	Thông tin công bố (Dữ liệu chuẩn hóa từ năm 2017)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số QĐ: 2121/QĐ-UBND</li> <li>Ngày hiệu lực: 28/05/2018</li> </ul>
Mức trực tuyến	2	Cách thức nộp trực tuyến	Thủ tục này chưa thể nộp trực tuyến
Thời hạn giải quyết	Ngay sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó.		
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức, cá nhân</li> </ul>	Lĩnh vực	An toàn thực phẩm
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý an toàn thực phẩm	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	
Cơ quan phối hợp & CQ được ủy quyền			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm		
Trình tự thực hiện	<p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân nộp bộ hồ sơ tự công bố sản phẩm đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm.</p> <p><b>Bước 2:</b> Ban Quản lý An toàn thực phẩm tiếp nhận bản tự công bố của tổ chức, cá nhân để lưu trữ hồ sơ.</p> <p><b>Bước 3:</b> Ban Quản lý An toàn thực phẩm sẽ đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang điện tử của Ban quản lý.</p>		
Thành phần hồ sơ	<b>Loại giấy tờ</b>		<b>Mẫu đơn, tờ khai</b>
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bản tự công bố sản phẩm theo Mẫu số 01 ban kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP</li> <li>2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày</li> </ol>		<ul style="list-style-type: none"> <li><u>Ban tu cong bo san</u></li> </ul>
			<b>Số lượng</b>

	nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản sao công chứng); 3. Mẫu nhãn sản phẩm ( chính thức hoặc dự kiến)	<u>pham.doc</u>											
Số bộ hồ sơ	Không có												
Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng, Số 06 Trần Quý Cáp, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng												
Mẫu đơn, tờ khai													
Yêu cầu ĐK thực hiện TTHC	Tài liệu trong hồ sơ tự công bố phải thể hiện bằng Tiếng Việt, trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang Tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm công bố.												
Kết quả thực hiện	Tên tổ chức, cá nhân và tên sản phẩm được đăng tải trên trang điện tử của Ban quản lý												
Lệ phí	Chưa có phí Chưa có phí												
Văn bản quy định lệ phí													
Căn cứ pháp lý của TTHC	<table border="1"> <thead> <tr> <th><u>ID</u></th> <th><u>Tên văn bản</u></th> <th><u>Ngày ban hành</u></th> <th><u>Trích yếu</u></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>128513</td> <td>Nghị định 15/2018/NĐ-CP</td> <td>02/02/2018</td> <td>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm</td> </tr> <tr> <td>25495</td> <td>Luật 55/2010/QH12</td> <td>17/06/2010</td> <td>An toàn thực phẩm</td> </tr> </tbody> </table>	<u>ID</u>	<u>Tên văn bản</u>	<u>Ngày ban hành</u>	<u>Trích yếu</u>	128513	Nghị định 15/2018/NĐ-CP	02/02/2018	quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm	25495	Luật 55/2010/QH12	17/06/2010	An toàn thực phẩm
<u>ID</u>	<u>Tên văn bản</u>	<u>Ngày ban hành</u>	<u>Trích yếu</u>										
128513	Nghị định 15/2018/NĐ-CP	02/02/2018	quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm										
25495	Luật 55/2010/QH12	17/06/2010	An toàn thực phẩm										
Tình trạng hiệu lực	Còn hiệu lực												

**Phụ lục 2.**  
**DANH MỤC VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM ĐƯỢC CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI ĐÀ NẴNG BAN HÀNH GIAI ĐOẠN 2011-2018**

**I. Giai đoạn 1 (2011-2016)**

**1. Văn bản do UBND TP và Ban chỉ đạo liên ngành về ATVSTP ban hành**

- ✓ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 5/01/2016 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về ATTP ngành Công thương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong dịp trước, trong và ngoài Tết Bính Thân-2016.
- ✓ Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 5/5/2016 về việc thành lập Tổ Công tác về ATTP thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Quyết định số 3198/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 về việc phê duyệt Bảng chấm điểm đánh giá nhà hàng, cơ sở ăn uống đạt chuẩn phục vụ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 9/7/2016 về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình an toàn thực phẩm và triển khai Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Quyết định số 60/QĐ-BCĐATTP ngày 11/7/2016 Ban hành Quy chế làm việc Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Quyết định số 4862/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 Ban hành Đề án Kiểm soát ATTP nông thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2020.
- ✓ Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND thành phố về quy định quản lý ATTP đối với sản phẩm nông lâm thủy sản đã qua chế biến không bao gói sẵn và sản phẩm rau, trái cây, thủy sản nhập vào tiêu thụ tại thành phố Đà Nẵng.

- ✓ Quyết định số 8178/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 về việc phê duyệt Đề án quản lý ATTP theo quy trình từ sản xuất đến tiêu dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020. Tổng mức vốn đầu tư là 186 tỷ đồng.
- ✓ Quyết định số 8847/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc phê duyệt đề án Quản lý thức ăn đường phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020.
- ✓ Kế hoạch số 1173/KH-UBND ngày 19/02/2016 về truyền thông vệ sinh ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2016 trên địa bàn thành phố.
- ✓ Kế hoạch số 3028/KH-UBND ngày 27/4/2016 về triển khai tháng hành động vì ATTP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2016.
- ✓ Kế hoạch số 62/KH-BCĐ ngày 27/7/2016 Công tác bảo đảm ATTP 6 tháng cuối năm 2016.
- ✓ Kế hoạch số 6467/KH-UBND ngày 29/7/2016 Về việc triển khai công tác truyền thông ATTP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2016.
- ✓ Kế hoạch số 9985/KH-UBND ngày 7/12/2016 xây dựng chuỗi cung cấp rau, quả, thịt an toàn cho thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2020.
- ✓ Công văn số 798/UBND-VX ngày 03/02/2016 về việc tăng cường triển khai công tác quản lý ATTP.
- ✓ Công văn số 816/UBND-KTN ngày 03/02/2016 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 01/KH-BCĐ389 của Ban chỉ đạo Quốc gia Chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.
- ✓ Công văn số 1624/UBND-VX ngày 10/03/2016 về việc tăng cường triển khai các hoạt động trong lĩnh vực y tế.
- ✓ Công văn số 3794/UBND-VX ngày 25/5/2016 về việc tăng cường triển đầu tư cho Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.
- ✓ Chương trình phối hợp số 60/CTrPH ngày 27/6/2016 giữa UBND thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại thành phố về vận động và giám sát đảm bảo ATTP giai đoạn 2016-2020.



## **2. Văn bản do UBND thành phố Đà Nẵng chỉ đạo ban hành**

- ✓ Quyết định số 73/QĐ-SYT ngày 4 tháng 01 năm 2016 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc thanh tra, kiểm tra liên ngành ATTP phục vụ tết Nguyên Đán Bính Thân 2016 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Quyết định số 179/QĐ-SNN ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Sở NN&PTNT về việc Thành lập Tổ giúp việc tham mưu công tác quản lý chất lượng ATTP ngành NN&PTNT thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Kế hoạch số 550/KH-SCT ngày 14 tháng 4 năm 2016 của Sở Công thương về việc triển khai Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh ATTP năm 2016 của ngành Công thương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Kế hoạch số 70/KH-ATTP ngày 19 tháng 04 năm 2016 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thành phố Đà Nẵng về việc triển khai đợt thanh, kiểm tra về ATTP trong “Tháng hành động vì chất lượng, vệ sinh ATTP” năm 2016.
- ✓ Kế hoạch số 727/KH-SNN ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Sở NN&PTNT về việc triển khai Tháng hành động vì ATTP ngành NN & PTNT năm 2016.
- ✓ Kế hoạch số 780/KH-SNN ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Sở NN&PTNT triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố tại Công văn số 3117/UBND-KTN ngày 01/5/2016 về việc đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ rau sạch trên địa bàn thành phố.
- ✓ Kế hoạch số 770/KH-SCT ngày 20 tháng 5 năm 2016 triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP của ngành Công thương trong năm 2016.
- ✓ Công văn số 210/SCT-KTATMT ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Sở Công thương triển khai thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam về bapr đảm ATTP;
- ✓ Công văn số 219/SCT-KTATMT ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Sở Công thương phối hợp điều tra, khảo sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh bún, mì, phở;

- ✓ Công văn số 354/SCT-KTATMT ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Sở Công thương cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và Bản cam kết đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ ngành Công thương;
- ✓ Công văn số 427/SCT-KTATMT ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Sở Công thương tăng cường tuyên truyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng chất cấm trong thực phẩm;
- ✓ Công văn số 105/QLCL-CL ngày 7 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản về việc tăng cường kiểm tra ngăn chặn việc sử dụng chất Vàng Ô trong chế biến, kinh doanh Dưa cải, măng tươi.
- ✓ Công văn số 156/CCCNTY-TTra ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Chi Cục Chăn nuôi và Thú y về việc ký cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.
- ✓ Công văn số 423/SCT-KTATMT ngày 18 tháng 4 năm 2016 của Sở Công thương triển khai ký cam kết không sử dụng chất cấm và phụ gia thực phẩm;
- ✓ Công văn số 78/ATTP-TTTT ngày 27 tháng 04 năm 2016 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm về việc “reo băng rôn tuyên truyền về ATTP.
- ✓ Công văn số 424/SCT-KTATMT ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Sở Công thương triển khai công tác quản lý thực phẩm tại các chợ siêu thị;
- ✓ Công văn số 818/SCT-KTATMT ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Sở Công thương ký cam kết đảm bảo chất lượng ATTP tại các chợ, siêu thị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
- ✓ Công văn số 876/SCT-KTATMT ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Sở Công thương rà soát, đánh giá, xếp loại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, các chợ;

- ✓ Công văn số 872/SCT-KTATMT ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Sở Công thương cung cấp danh sách sổ bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố;
- ✓ Công văn số 920/SCT-KTATMT ngày 08 tháng 6 năm 2016 của Sở Công thương cung cấp số liệu kiểm tra, kiểm soát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố.
- ✓ Công văn số 1016/SCT-KTATMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Sở Công thương đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện lập dự toán kinh phí sửa chữa nâng cấp chợ đảm bảo ATTP theo lộ trình.
- ✓ Công văn số 1209/SCT-KTATMT ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Sở Công thương hướng dẫn các tiêu chí để xây dựng chợ đảm bảo an toàn vệ sinh ATTP.
- ✓ Công văn số 1824/SYT-NVY ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Sở Y tế về triển khai các hoạt động về ATTP trong 6 tháng cuối năm 2016 thuộc ngành y tế;
- ✓ Công văn số 1104/SYT-NVY ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Sở Y tế về tăng cường bảo đảm ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm tại các khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
- ✓ Công văn số 1956/SYT-NVY ngày 9 tháng 8 năm 2016 của Sở Y tế về bảo đảm ATTP trong mùa bão, lũ năm 2016;
- ✓ Công văn số 1550/SNN-VP ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Sở NN&PTNT về việc xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ năm trong chương trình giám sát của HĐND đối với ngành, trong đó có chương trình ATTP.

## **II. Giai đoạn 2 (2017)**

### **1. Văn bản do UBND thành phố và Ban chỉ đạo liên ngành về ATVSTP ban hành**

- ✓ Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Đề án liên kết nhằm thúc đẩy và

mở rộng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại các siêu thị và bếp ăn tập thể.

- ✓ Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND thành phố về việc thành lập Văn phòng Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn vệ sinh thực phẩm thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND thành phố về việc ban hành tiêu chuẩn bình xét bảng đăng ký và bảng bảng chấm điểm các danh hiệu văn hóa có bổ sung tiêu chí về an toàn thực phẩm.
- ✓ Kế hoạch 108/KH-UBND ngày 06/01/2017 về truyền thông tổng thể về ATTP trên địa bàn thành phố giai đoạn 2017-2020,
- ✓ Kế hoạch số 1066/KH-UBND ngày 16/2/2017 về thực hiện công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2017;
- ✓ Kế hoạch số 1704/KH-UBND ngày 10/3/2017 về năm cao điểm hành động vệ sinh ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2017.
- ✓ Kế hoạch số 8077/KH-UBND ngày 11/10/2017 về thực hiện Kế hoạch thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm thuộc UBND thành phố đã được Thủ tướng phê duyệt.
- ✓ Công văn số 127/UBND-KGVX ngày 09/01/2017 của UBND thành phố về việc quản lý an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể các khu công nghiệp.
- ✓ Công văn số 1513/UBND-KGVX ngày 06/03/2017 của UBND thành phố về việc triển khai chương trình "Thành phố 4 an " theo kết luận tại Thông báo số 180-TB/TU.
- ✓ Công văn số 599/UBND-KGVX ngày 20/01/2017 của UBND thành phố về việc triển khai Thông báo 168-TB/TU ngày 03/01/2017 của Thường trực Thành ủy.
- ✓ Công văn số 1654/UBND-KGVX ngày 09/3/2017 của UBND thành phố về việc thí điểm thanh tra chuyên ngành ATTP.
- ✓ Công văn số 1469/VP-KGVX ngày 11/5/2017 về việc đầu tư Dự án tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng ATTP.

- ✓ Công văn số 3823/UBND-KGVX ngày 24/5/2017 về việc thống nhất Bộ tiêu chí đánh giá việc thực hiện công tác ATTP.
- ✓ Công văn số 1889/VP-KGVX ngày 13/6/2017 về việc tình hình triển khai chỉ thị số 13/CT-TTg của TTCP về ATTP.
- ✓ Công văn số 4483/UBND-KT ngày 16/6/2017 về việc rà soát, đánh giá nội dung triển khai công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn thành phố.
- ✓ Công văn số 2725/VP-KGVX ngày 16/8/2017 của Văn phòng UBND thành phố về tiếp tục triển khai Chỉ thị 13/C-TTg của Thủ tướng Chính phủ về an toàn thực phẩm.
- ✓ Công văn số 6725/UBND-KT ngày 29/8/2017 của UBND thành phố về triển khai Đề án Xây dựng hệ thống quản lý thông tin kiểm soát thực phẩm trên địa bàn thành phố.

## **2. Văn bản do UBND thành phố Đà Nẵng chỉ đạo ban hành**

- ✓ Quyết định số 212/QĐ-SYT ngày 12/4/2017 của Sở Y tế về việc thanh tra ATTP trong tháng hành động vì chất lượng VSAATP năm 2017 trên địa bàn TPĐN.
- ✓ Kế hoạch 212/KH-MTTQ-BTT ngày 15/2/2017 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng về thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và Chương trình “Thành phố 4 an” năm 2017.
- ✓ Kế hoạch 219/KH-MTTQ-BTT ngày 28/7/2017 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận TQVN thành phố về thực hiện Chương trình phối hợp vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2017.
- ✓ Kế hoạch 176/KH-STTTT ngày 03/03/2017 của Sở Thông tin và Truyền thông về triển khai nhiệm vụ đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2017.
- ✓ Kế hoạch số 118/KH-SVHTT ngày 28/02/2017 của Sở Văn hóa và Thể thao về việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình "Thành phố 4 an" đến năm 2020 của ngành văn hóa và thể thao.

- ✓ Kế hoạch số 449/KH-SGDDT ngày 28/02/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công tác bảo đảm ATTP tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2017.
- ✓ Kế hoạch số 324/KH-SNN ngày 28/02/2017 của Sở NN&PTNT về thực hiện công tác ATTP năm 2017 ngành NN&PTNT.
- ✓ Kế hoạch số 427/KH-SNN-TTra ngày 13/03/2017 của Sở NN&PTNT về việc triển khai thực hiện Quyết định số 266/QĐ-BNN-TTra của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Kế hoạch Năm cao điểm thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017.
- ✓ Kế hoạch số 977/KH-SYT ngày 25/4/2017 của Sở Y tế về việc kiểm tra tình hình thực hiện công tác ATTP tại các quận, huyện năm 2017.
- ✓ Công văn số 405/SYT-NVY ngày 27/02/2017 của Sở Y tế về việc triển khai kế hoạch thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố năm 2017.
- ✓ Công văn số 517/SYT-NVY ngày 08/3/2017 của Sở Y tế về việc quản lý ATTP đối với BATT tại các KCN.
- ✓ Công văn số 404/SYT-NVY ngày 01/3/2017 của Sở Y tế về việc triển khai Đề án quản lý thức ăn đường phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020.
- ✓ Công văn số 434/SYT-NVY ngày 01/3/2017 của Sở Y tế về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm ATTP trong mùa lễ hội.
- ✓ Công văn 586/SYT-NVY ngày 15/3/2017 của Sở Y tế về việc tăng cường các biện pháp phòng chống ngộ độc rượu.
- ✓ Công văn số 1498/SYT-NVY ngày 13/6/2017 của Sở Y tế về việc rà soát báo cáo thực hiện Đề án, kế hoạch về ATTP.
- ✓ Công văn số 1607/SYT-NVY ngày 27/6/2017 của Sở Y tế về việc rà soát các công việc đảm bảo y tế phục vụ Apec năm 2017.
- ✓ Công văn số 1632/SYT-NVY ngày 29/6/2017 của Sở Y tế về việc tham mưu văn bản nhằm tăng cường công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

### **III. Giai đoạn 3 (2018 đến nay)**

#### **1. Văn bản do UBND thành phố và Ban chỉ đạo liên ngành về ATVSTP ban hành**

- ✓ Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý ATTP trên địa bàn thành phố.
- ✓ Quyết định số 5556/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 về ban hành Bộ tiêu chí xây dựng mô hình chợ đảm bảo đủ điều kiện ATTP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 về việc ban hành Đề án “Quy hoạch khu vực chăn nuôi quy mô nhỏ; kiểm soát giết mổ động vật, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn thành phố”.
- ✓ Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 về việc phê duyệt Đề án “Thí điểm dán tem QR code kiểm soát đối với một số sản phẩm thực phẩm sản xuất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đang tiêu thụ tại chợ Hàn”.
- ✓ Kế hoạch số 1540/KH-UBND ngày 07/03/2018 về thực hiện công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn thành phố năm 2018.
- ✓ Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 05/4/2018 của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố về triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2018 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 05/4/2018 của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố về tổ chức Lễ phát động “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2018 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Công văn số 3028/UBND-SNN ngày 26/4/2018 về việc tăng cường kiểm soát, ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu.
- ✓ Thông báo số 19/TB-VP ngày 06/02/2018 của Ban chỉ đạo liên ngành về Vệ sinh An toàn thực phẩm về Thông báo kết luận họp Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP định kỳ.

- ✓ Thông báo số 85/TB-VP ngày 18/5/2018 của Ban chỉ đạo liên ngành về Vệ sinh An toàn thực phẩm về Thông báo kết luận họp Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP định kỳ
- ✓ Thông báo số 209/TB-VP ngày 26/9/2018 của Ban chỉ đạo liên ngành về Vệ sinh An toàn thực phẩm về Thông báo kết luận họp Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP định kỳ
- ✓ Thông báo số 293/TB-VP ngày 09/11/2018 của Ban chỉ đạo liên ngành về Vệ sinh An toàn thực phẩm về Thông báo kết luận họp Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP định kỳ

## **2. Văn bản do UBND thành phố Đà Nẵng chỉ đạo ban hành**

### **a. Văn bản do Ban Quản lý An toàn thực phẩm ban hành**

- ✓ Quyết định số 849/QĐ-BQLATTP ngày 18/10/2018 phê duyệt Kế hoạch và Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện hạng mục khảo sát cơ sở trồng trọt, sản xuất, thu gom tại các tỉnh cung cấp rau, quả cho thành phố Đà Nẵng thông qua chợ Đầu mối Hòa Cường.
- ✓ Quyết định số 244/QĐ-BQLATTP ngày 27/4/2018,
- ✓ Quyết định số 285/QĐ-BQLATTP ngày 11/5/2018;
- ✓ Quyết định số 286/QĐ-BQLATTP ngày 11/5/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch giám sát ATTP nông sản tại chợ đầu mối Hòa Cường, Thọ Quang và Giám sát ô nhiễm thực phẩm năm 2018;
- ✓ Quyết định số 567/QĐ-BQLATTP ngày 31/7/2018 về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn;
- ✓ Quyết định số 580/QĐ-BQLATTP ngày 06/8/2018 về giám sát chất lượng thực phẩm trong công tác hậu kiểm năm 2018;
- ✓ Quyết định số 832/QĐ-BQLATTP ngày 16/10/2018 phê duyệt Kế hoạch Giám sát an toàn thực phẩm tại các chợ tuyến quận quản lý.
- ✓ Kế hoạch số 62/KH-BQLATTP ngày 30/01/2018
- ✓ Kế hoạch số 130/KH-BQLATTP ngày 09/3/2018
- ✓ Kế hoạch số 287/KH-BQLATTP ngày 11/5/2018 về Chương trình thí điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và kinh doanh dịch vụ ăn uống cam kết thực phẩm an toàn trên địa bàn thành phố.



- ✓ Kế hoạch số 01/KH-BQLATTP ngày 08/01/2018 về triển khai công tác đảm bảo ATTP Tết Nguyên Đán và Mùa lễ hội năm 2018;
- ✓ Kế hoạch số 118/KH-BQLATTP ngày 05/3/2018 về triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP năm 2018; Kế hoạch số 186/KH-BQLATTP ngày 30/3/2018 về đảm bảo ATTP phục vụ lễ hội pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng (DIFF) năm 2018;
- ✓ Kế hoạch số 212/KH-BQLATTP ngày 06/4/2018, Kế hoạch số 304/KH-BQLATTP ngày 16/5/2018;
- ✓ Kế hoạch số 498/KH-BQLATTP ngày 20/7/2018,
- ✓ Kế hoạch số 726/KH-BQLATTP về kiểm tra định kỳ quý I, II, III, IV các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- ✓ Kế hoạch số 339/KH-BQLATTP ngày 23/5/2018 kiểm tra 08/8 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố;
- ✓ Kế hoạch số 343/KH-BQLATTP ngày 28/3/2018 về kiểm tra công tác đảm bảo ATTP tại các chợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
- ✓ Kế hoạch số 596/KH-BQLATTP ngày 24/8/2018 triển khai đợt thanh tra, kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2018;
- ✓ Kế hoạch số 34/KH-BQLATTP ngày 17/01/2018 về giám sát nông sản, thủy sản trong dịp Tết Nguyên Đán và Mùa lễ hội năm 2018;
- ✓ Kế hoạch số 90/KH-BQLATTP ngày 08/02/2018 về lấy mẫu giám sát ATTP đối với sản phẩm bánh chưng, tết trong dịp Tết Nguyên Đán;
- ✓ Kế hoạch số 261/KH-BQLATTP ngày 02/5/2018 về lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh ATTP năm 2018;
- ✓ Kế hoạch số 752/KH-BQLATTP ngày 15/10/2018 về giám sát tồn dư chất cấm trong sản phẩm nông sản;
- ✓ Kế hoạch số 753/KH-BQLATTP ngày 15/10/2018 giám sát an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thịt, trứng tại các cơ sở kinh doanh trên địa bàn thành phố;
- ✓ Kế hoạch số 198/KH-BQLATTP ngày 03/4/2018 về truyền thông về ATTP năm 2018; Quy chế số 549/QC-BQLATTP-PTTH ngày

07/8/2018 về phối hợp công tác tuyên truyền ATTP giữa Ban Quản lý An toàn thực phẩm và Đài Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng...

- ✓ Công văn số 04/BQLATTP-NVu ngày 08/01/2018.

**b. Văn bản do Sở NN&PTNT ban hành**

- ✓ Quyết định số 527/QĐ-SNN ngày 15/12/2017 về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành NN & PTNT năm 2018;
- ✓ Quyết định số 528/QĐ-SNN ngày 15/12/2017 về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2018;
- ✓ Kế hoạch số 697/KH-SNN ngày 02/4/2018 về thực hiện công tác An toàn thực phẩm năm 2018 ngành NN&PTNT;
- ✓ Kế hoạch số 631/KH-SNN ngày 23/3/2018 Kế hoạch công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2018 (quản lý lĩnh vực vật tư nông nghiệp và ATTP sản phẩm thực phẩm nông lâm sản và thủy sản);
- ✓ Kế hoạch số 715/KH-SNN ngày 03/4/2018 Kế hoạch tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng;
- ✓ Kế hoạch 2479/KH-SNN ngày 31/10/2018 về Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018.
- ✓ Công văn số 735/SNN-PTNT ngày 05/4/2018 về quản lý hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh cá nóc;
- ✓ Công văn số 846/SNN-PTNT ngày 16/4/2018 về triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2018;
- ✓ Công văn số 1001/SNN-PTNT ngày 04/5/2018 về việc tăng cường kiểm soát, ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu;

**c. Văn bản do sở, ngành, Mặt trận và các Hội, đoàn thể ban hành**

- ✓ Kế hoạch số 297/KH-STTTT ngày 28/03/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà Nẵng về việc triển khai nhiệm vụ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2018.

- ✓ Kế hoạch số 345/KH-MTTQ-BTT ngày 28/3/2018 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng về thực hiện chương trình phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP năm 2018.
- ✓ Kế hoạch số 185-KH/HND ngày 14/3/2018 của Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố Đà Nẵng về thực hiện hiện công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2018.
- ✓ Kế hoạch số 109/BTV-GĐXH ngày 16/3/2018 của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đà Nẵng về Thực hiện Chương trình An toàn thực phẩm trong hệ thống các cấp Hội năm 2018.

**Phụ lục 3**  
**KẾT QUẢ GIÁM SÁT Ô NHIỄM THỰC PHẨM NĂM 2018**

STT	Loại mẫu/ Đơn vị thực hiện giám sát	Địa điểm lấy mẫu	Số lượng mẫu lấy	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ mẫu không đạt (%)
<b>1</b>	<b>Rau, trái cây</b>		<b>433</b>	<b>14</b>	<b>3,23</b>
-	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	Chợ đầu mối Hòa Cường, cơ sở kinh doanh, tại các chợ dân sinh trên địa bàn thành phố	384	14	3,65
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tại các vùng sản xuất rau trên địa bàn thành phố	49	0	0
<b>2</b>	<b>Thủy sản</b>		<b>143</b>	<b>9</b>	<b>6,29</b>
-	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	Tại Chợ đầu mối thủy sản Thọ Quang, cơ sở kinh doanh, tại các chợ dân sinh trên địa bàn thành phố	101	8	7,92
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tại các tàu cá, tại các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố	42	1	2,38
<b>3</b>	<b>Thịt các loại</b>		<b>186</b>	<b>72</b>	<b>38,71</b>
-	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	Cơ sở chuyên doanh, siêu thị, tại các chợ dân sinh trên địa bàn thành phố	94	29	30,85
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cơ sở kinh doanh, cơ sở giết mổ	86	41	47,67
-	Các quận/ huyện	Tại các chợ	6	2	33,33
<b>4</b>	<b>Trứng gia cầm</b>	Cơ sở chuyên doanh, siêu thị	5	0	0
<b>5</b>	<b>Thực phẩm đã qua chế biến</b>		<b>899</b>	<b>74</b>	<b>8,23</b>
-	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	- Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống;	675	22	3,26
-	Các quận/ huyện	- Tại các chợ	224	52	23,21
	<b>Tổng số</b>		<b>1.666</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(Nguồn: Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**PHỤ LỤC 4.**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM CÁC QUẬN, HUYỆN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2018**

TT	Hoạt động	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó						
				Cẩm Lệ	Hải Châu	Hòa Vang	Liên Chiểu	Ngũ Hành Sơn	Thanh Khê	Sơn Trà
<b>1</b>	<b>Công tác kiểm tra</b>									
a	Tổng số cơ sở quản lý	cơ sở	23.709	3.231	3.749	4.541	3.688	1.916	2.819	3.765
b	Số cơ sở kiểm tra	cơ sở	22.329	3.231	3.749	4.541	3.142	1.916	2.652	3.098
	<i>Tỷ lệ cơ sở được kiểm tra</i>	%	<i>94,18</i>	<i>100,00</i>	<i>100</i>	<i>100,00</i>	<i>85,20</i>	<i>100</i>	<i>94,08</i>	<i>82,28</i>
c	Số cơ sở đạt	cơ sở	22.137	3.208	3.705	4.497	3.135	1.887	2.652	3.053
	<i>Tỷ lệ cơ sở đạt</i>	%	<i>99,14</i>	<i>99,00</i>	<i>98,83</i>	<i>99,03</i>	<i>99,78</i>	<i>98,40</i>	<i>100</i>	<i>98,55</i>
d	Số cơ sở phạt tiền	cơ sở	198	23	44	50	7	29	0	45
e	Số tiền phạt	triệu đồng	329,14	46,45	76,51	105,53	10,50	26,1	0	90
<b>2</b>	<b>Công tác cấp Giấy chứng nhận</b>									
a	Tổng số cơ sở quản lý	cơ sở	2.834	249	1.076	241	297	243	215	513
b	Số cơ sở cấp mới kể từ 01/01/2018	cơ sở	574	81	150	53	80	63	23	124
c	Tổng số cơ sở được cấp giấy chứng nhận	cơ sở	2.790	249	1.076	235	264	243	215	508

TT	Hoạt động	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó						
				Cẩm Lệ	Hải Châu	Hòa Vang	Liên Chiểu	Ngũ Hành Sơn	Thanh Khê	Sơn Trà
d	Tỷ lệ cơ sở được cấp giấy chứng nhận	%	98,45	100	100	97,51	88,89	100,00	100	99,03
<b>3</b>	<b>Công tác cấp giấy cam kết cơ sở bảo đảm ATTP</b>									
a	Tổng số cơ sở quản lý	cơ sở	20.468	2.982	2.669	4.182	3.331	1.533	2.604	3.167
b	Số cơ sở ký cam kết mới kể từ 01/01/2018	cơ sở	1.447	334	248	273	410	156	26	-
c	Tổng số cơ sở đã ký cam kết	cơ sở	20.435	2.982	2.669	4.182	3.331	1.533	2.604	3.134
d	Tỷ lệ cơ sở đã ký cam kết	%	99,84	100,00	100	100	100	100,00	100	99
<b>4</b>	<b>Giám sát ô nhiễm thực phẩm</b>									
a	Test nhanh									
-	Số mẫu lấy	mẫu	2.360	472	580	309	151	34	150	664
-	Số mẫu đạt	mẫu	2.329	464	580	287	151	34	149	664
b	Kiểm nghiệm									
-	Số mẫu lấy	mẫu	230	8	149	6		19	17	31
-	Số mẫu không đạt	mẫu	54	0	26	3		1	3	21

(Nguồn: Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**Phụ lục 5.**  
**PHIẾU KHẢO SÁT**  
*(Dành cho người dân đang sinh sống, học tập, làm việc  
tại thành phố Đà Nẵng)*

*Để giúp cho công tác nghiên cứu khoa học về hoạt động quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) tại thành phố Đà Nẵng, Anh/Chị vui lòng dành thời gian điền thông tin vào Phiếu khảo sát này bằng cách đánh dấu chọn vào ô trả lời hoặc ghi câu trả lời vào những chỗ chừa sẵn. Chúng tôi đảm bảo một cách chắc chắn rằng thông tin thu thập được sẽ chỉ dành cho mục đích nghiên cứu khoa học và sẽ không có bất cứ ảnh hưởng nào đến cá nhân người cung cấp thông tin. Xin cảm ơn Anh/Chị!*

**PHẦN 1. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**Q.1 Giới tính:**

Nam (1)   
Nữ (2)

**Q.2 Độ tuổi (Tính đến năm 2019)**

Dưới 35 tuổi (1)   
Từ 35 đến 55 tuổi (2)   
Từ 56 đến 60 (3)   
Từ 61 trở lên (4)

**Q.3 Anh/Chị đã có mấy năm sinh sống/học tập/làm việc tại Đà Nẵng (tính đến 2019)**

Dưới 1 năm (1)   
Từ 1 đến 5 năm (2)   
Từ 6 đến 10 năm (3)   
Trên 10 năm (4)

**Q.4 Mức thu nhập bình quân hàng tháng của cá nhân Anh/Chị**

Dưới 5 triệu đồng (1)   
Từ 5 đến dưới 10 triệu đồng (2)   
Từ 10 đến 20 triệu đồng (3)   
Từ 20 triệu đồng trở lên (4)

**Q.5 Trong chuỗi cung ứng, tiêu thụ thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng, ngoài vai trò là người tiêu dùng thực phẩm, Anh/Chị vui lòng cho biết cá nhân mình còn có vai trò nào khác (có thể không chọn hoặc chọn nhiều hơn 1 vai trò trong danh sách cho sẵn)**

Nhà cung cấp đầu vào cho quá trình sản xuất thực phẩm (1)   
Nhà sản xuất thực phẩm (2)   
Nhà thu gom thực phẩm (3)   
Nhà chế biến thực phẩm (4)   
Nhà phân phối thực phẩm (5)

## **PHẦN 2. THÔNG TIN LẤY Ý KIẾN KHẢO SÁT**

**Q.6 Anh/Chị vui lòng cho biết mức độ quan tâm của mình đối với vấn đề an toàn thực phẩm**

- Rất quan tâm (1)   
Quan tâm (2)   
Ít quan tâm (3)   
Không quan tâm (4)

**Q.7 Mức độ tin tưởng của Anh/Chị về tính an toàn của các loại thực phẩm mà bản thân dùng hàng ngày**

- Tuyệt đối tin tưởng (1)   
Rất tin tưởng (2)   
Tin tưởng (3)   
Ít tin tưởng (4)   
Không tin tưởng (5)

**Q.8 Anh/Chị có thường mua thực phẩm ở các địa điểm thuận tiện như chợ tạm, vỉa hè, đường phố hay không**

- Có (1)   
Không (2)

**Q.9 Theo Anh/Chị, vai trò của nhà nước so với các chủ thể khác (nhà sản xuất, nhà chế biến, nhà phân phối, nhà tiêu dùng, ...) trong tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là gì**

- Nhà nước đóng vai trò quyết định (1)   
Nhà nước và các chủ thể khác có vai trò như nhau (2)   
Các chủ thể khác đóng vai trò quyết định (3)   
Không biết (4)

**Q.10 Thời gian qua vẫn xảy ra các trường hợp vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, theo Anh/Chị, đâu là những nguyên nhân xuất phát từ sự quản lý của nhà nước về an toàn thực phẩm**

- Công tác chỉ đạo, điều hành chưa quyết liệt (1)   
Hệ thống pháp luật còn nhiều kẽ hở (2)   
Cán bộ, công chức còn những thiếu sót, tư lợi trong thực thi công vụ (3)   
Tổ chức bộ máy quản lý còn bất cập (4)   
Phương tiện, điều kiện để kiểm soát ATTP còn thiếu (5)   
Ngân sách dành cho quản lý ATTP chưa nhiều (6)   
Các giải pháp quản lý chưa đảm bảo tính toàn diện (7)   
Công tác tuyên truyền chưa hiệu quả (8)   
Công tác thanh tra, kiểm tra chưa thường xuyên (9)   
Chế tài xử lý chưa đủ mạnh (10)   
Ý kiến khác (Xin nêu rõ) (11) .....

-----HẾT-----

*Trân trọng cảm ơn Anh/Chị đã giúp chúng tôi hoàn thành Phiếu khảo sát.  
Kính chúc Anh/Chị luôn sức khỏe, hạnh phúc và thành công!*

**Thông tin tác giả:**

Họ và tên: Trương Thị Thu Hiền,  
Điện thoại: 0935 635 005. E-mail: [hienttt@due.edu.vn](mailto:hienttt@due.edu.vn)



**Phụ lục 6.**  
**PHÂN TÍCH SƠ BỘ KẾT QUẢ KHẢO SÁT NGƯỜI DÂN**  
**ĐANG SINH SỐNG, HỌC TẬP, LÀM VIỆC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Hình thức khảo sát: Trực tuyến  
Thời gian: Từ ngày 12/02/2019 đến ngày 12/6/2019  
Phương pháp chọn mẫu: Ngẫu nhiên phi xác suất.  
Kích thước mẫu: Được tính toán theo công thức Slovin:

$$n = N / (1 + N \cdot \varepsilon^2) = 1.064.070 / (1 + 1.064.070 \times 0,05^2) \approx 400$$

(Trong đó: N: dân số thành phố Đà Nẵng tại thời điểm khảo sát,  
 $\varepsilon$  : sai số cho phép (5%))

Link Phiếu khảo sát online tại địa chỉ:

<https://docs.google.com/forms/d/1Gp0-hiG8oQ20Dk-eN7g9A0jgUQKFTLc0IRdSBTNyxwM/edit>

Kết quả khảo sát tổng hợp online tại địa chỉ:

[https://docs.google.com/forms/d/1Gp0-hiG8oQ20Dk-eN7g9A0jgUQKFTLc0IRdSBTNyxwM/edit#response=ACYDBNhLM3C6II0fnEt6TQp7vpJLWpuaArQDdcU6VFxkWO0nCdgUUVjJ8SdYgJx4\\_H4ytzY](https://docs.google.com/forms/d/1Gp0-hiG8oQ20Dk-eN7g9A0jgUQKFTLc0IRdSBTNyxwM/edit#response=ACYDBNhLM3C6II0fnEt6TQp7vpJLWpuaArQDdcU6VFxkWO0nCdgUUVjJ8SdYgJx4_H4ytzY)

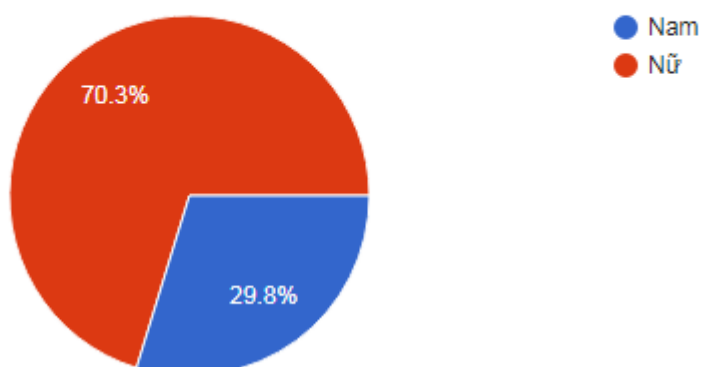
Phân tích sơ bộ kết quả tổng hợp online tại địa chỉ:

<https://docs.google.com/forms/d/1Gp0-hiG8oQ20Dk-eN7g9A0jgUQKFTLc0IRdSBTNyxwM/edit#responses>

## PHẦN 1. THÔNG TIN CÁ NHÂN

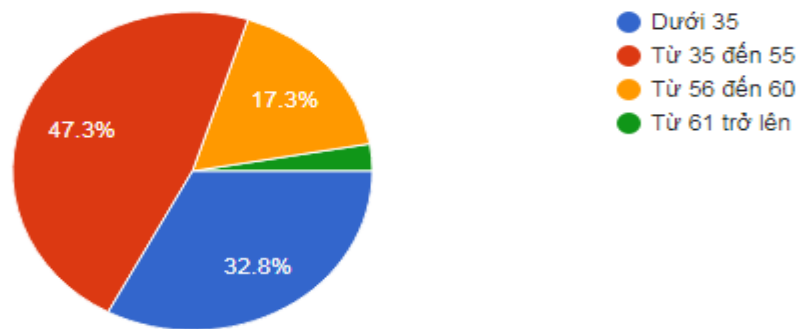
### Q1. GIỚI TÍNH

400 responses



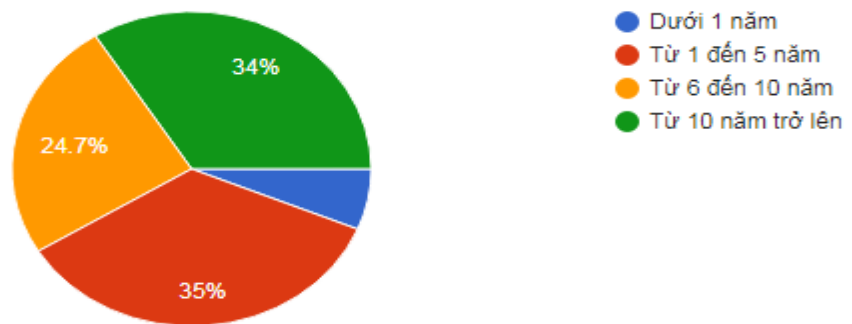
## Q2. ĐỘ TUỔI (Tính đến năm 2019)

400 responses



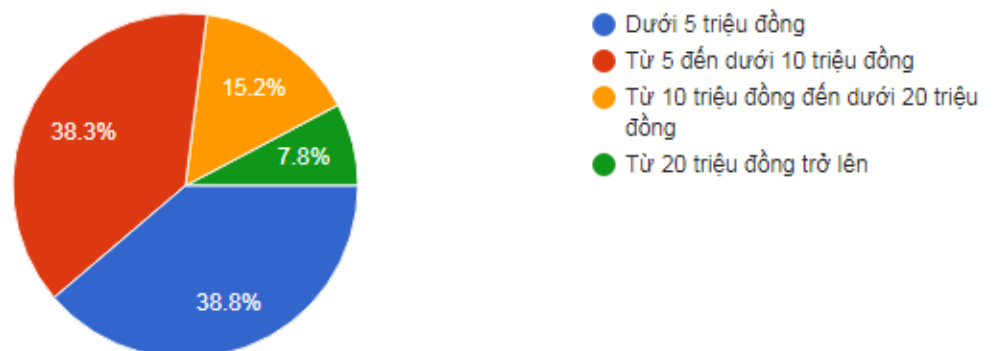
## Q3. Anh/Chị đã có mấy năm sinh sống/học tập/làm việc tại Đà Nẵng (tính đến năm 2019)

400 responses



## Q4. Vui lòng cho biết mức thu nhập bình quân hàng tháng của cá nhân Anh/Chị

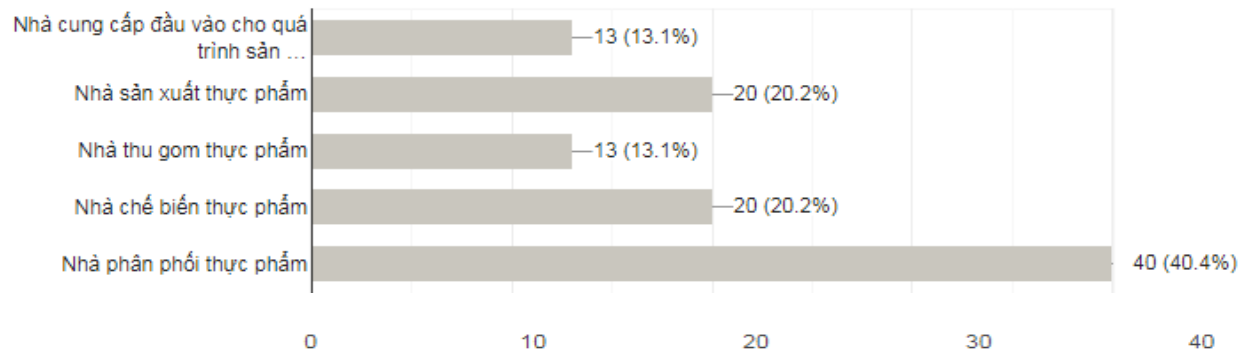
400 responses



Q5. Trong chuỗi cung ứng, tiêu thụ thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng, ngoài vai trò là NGƯỜI TIÊU DÙNG THỰC PHẨM, Anh/Chị vui lòng cho biết cá nhân mình còn có VAI TRÒ nào khác (có thể không chọn hoặc chọn nhiều hơn 1 vai trò trong danh sách cho sẵn)



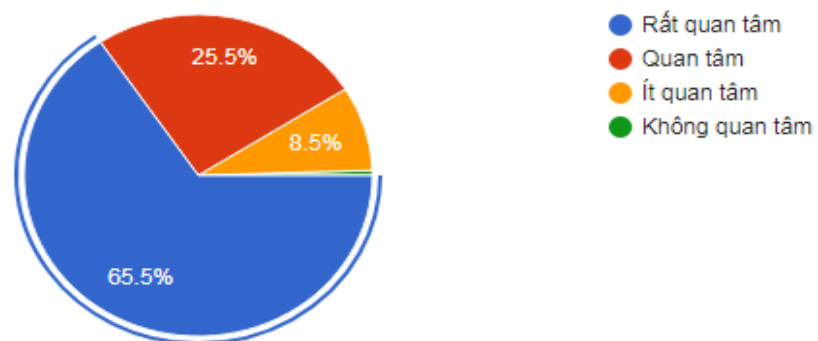
99 responses



## PHẦN II. THÔNG TIN LẤY Ý KIẾN KHẢO SÁT

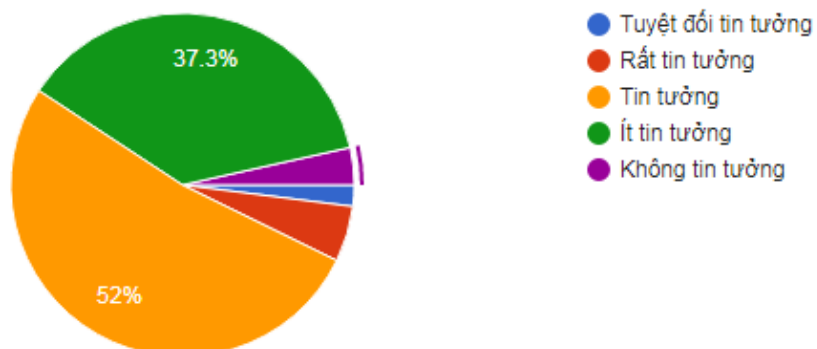
Q6. Anh/Chị vui lòng cho biết mức độ quan tâm của mình đối với vấn đề an toàn thực phẩm

400 responses



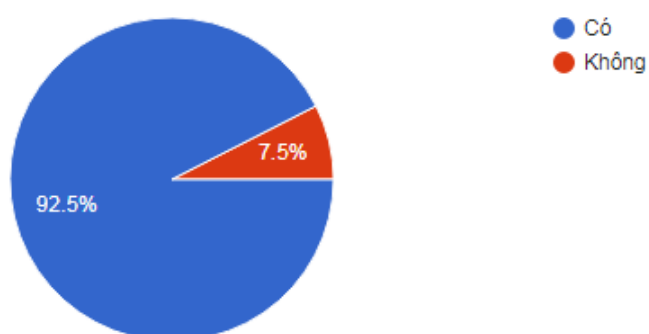
Q7. Mức độ tin tưởng của Anh/Chị về TÍNH AN TOÀN của các loại thực phẩm mà bản thân dùng hàng ngày

400 responses



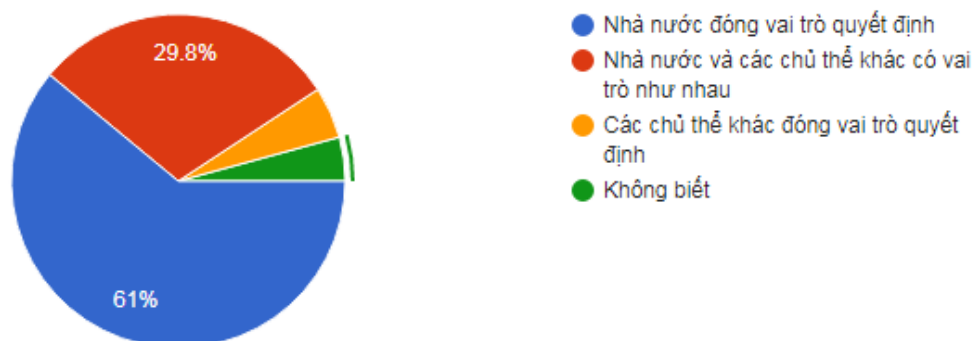
Q8. Anh/Chị có thường mua thực phẩm ở các địa điểm thuận tiện như chợ tạm, vỉa hè, đường phố hay không

400 responses



Q9. Theo Anh/Chị, VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC so với các chủ thể khác (nhà sản xuất, nhà chế biến, nhà phân phối, nhà tiêu dùng, ...) trong tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là gì

400 responses



Q.10 Thời gian qua vẫn xảy ra các trường hợp vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, theo Anh/Chị, đâu là những NGUYÊN NHÂN xuất phát từ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (Có thể chọn nhiều hơn 1 lựa chọn)

400 responses

